

Số: /BC-BTC

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2025

BÁO CÁO

Tổng kết việc thi hành Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan và Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 08/2015/NĐ-CP

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Bộ Tài chính đã tiến hành tổng kết việc thi hành Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan và Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 08/2015/NĐ-CP. Kết quả như sau:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT**1. Bối cảnh trong nước liên quan đến các chính sách**

a) Ngày 01/01/2021, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP về việc giao Bộ Tài chính trình Chính phủ “Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan”.

b) Ngày 20/5/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 628/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chiến lược phát triển hải quan đến năm 2030 với mục tiêu xây dựng Hải quan Việt Nam chính quy, hiện đại, ngang tầm Hải quan các nước phát triển trên thế giới, dẫn đầu trong thực hiện Chính phủ số, với mô hình Hải quan số, Hải quan thông minh. Nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hải quan, quản lý hải quan. Quản lý thu thuế đối với hoạt động xuất nhập khẩu hiệu quả. Tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại, du lịch và vận tải hợp pháp qua biên giới, tạo môi trường xuất nhập khẩu minh bạch, công bằng, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, góp phần đảm bảo an ninh, an toàn xã hội và bảo vệ lợi ích, chủ quyền quốc gia.

c) Tại Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2025, theo đó Bộ Tài chính được giao chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan nghiên cứu, tham mưu, đề xuất sửa đổi các chính sách liên quan khi bãi bỏ quy định làm thủ tục hải quan đối với hoạt động mua bán hàng hóa giữa doanh nghiệp Việt Nam với thương nhân

nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP để đảm bảo phát triển bền vững chuỗi cung ứng của doanh nghiệp gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu.

d) Ngày 06/12/2024, Ban chỉ đạo về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ban hành kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 về định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ. Theo đó đến nay Bộ Tài chính đã hoàn thiện việc rà soát, xây dựng sắp xếp tổ chức bộ máy của các Tổng cục, trong đó bao gồm việc xây dựng mô hình tổ chức bộ máy mới của Tổng cục Hải quan.

Ngày 24/02/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 29/2025/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính theo đó sắp xếp, tổ chức lại Tổng cục Hải quan thành Cục Hải quan, mô hình hoạt động của Cục Hải quan gồm 03 cấp: Cục Hải quan, Chi cục Hải quan khu vực và Hải quan cửa khẩu/ Hải quan ngoài cửa khẩu.

d) Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã nêu rõ: *“Khẩn trương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ, đầu tư, đầu tư công, mua sắm công, ngân sách nhà nước, tài sản công, sở hữu trí tuệ, thuế... để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, giải phóng các nguồn lực, khuyến khích, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, phát triển nguồn nhân lực;... Để triển khai thực hiện, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/2/2025 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.*

đ) Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

e) Tại điểm 2 Nghị quyết số 192/2025/QH15 ngày 19/2/2025 về bổ sung Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên đã nêu: *“Đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, pháp luật và nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật. Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật theo hướng “vừa quản lý chặt chẽ, vừa kiến tạo phát triển”, từ bỏ tư duy “không quản được thì cấm”; đề cao phương pháp “quản lý theo kết quả”, chuyển mạnh từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm” gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát.”*

g) Điểm d khoản 4 mục V Điều 1 Quyết định số 1018/QĐ-TTg ngày 21/9/2024 của Thủ tướng Ban hành chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn 2050: *“Thiết lập cơ chế làn xanh và các cơ chế khác để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp phụ trợ, doanh nghiệp xuất nhập khẩu hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, linh kiện liên quan đến công nghiệp bán dẫn, thiết bị dân dụng, chuyên dụng thế hệ mới”.*

h) Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội về kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV đã nêu: “*Tiếp tục đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến;... đẩy mạnh kết nối, tích hợp, chia sẻ các thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính, cung ứng dịch vụ công*”.

k) Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

2. Quá trình thực hiện tổng kết

Bộ Tài chính (Cục Hải quan) đã chủ trì, phối hợp với các đơn vị thực hiện rà soát, tổng kết tình hình thi hành Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan và Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 08/2015/NĐ-CP.

Thông qua quá trình tổng kết, nhiều điểm vướng mắc, bất cập đã được nhận diện, đặt ra yêu cầu bức thiết trong việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 08/2015/NĐ-CP và Nghị định số 59/2018/NĐ-CP.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Việc tổ chức thi hành Nghị định số 08/2015/NĐ-CP và Nghị định số 59/2018/NĐ-CP

Việc tổ chức thi hành Nghị định số 08/2015/NĐ-CP và Nghị định số 59/2018/NĐ-CP đã đóng vai trò quan trọng trong việc cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hóa hải quan, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và tạo thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải.

Bộ Tài chính, Cục Hải quan đã tổ chức nhiều hội nghị tập huấn, giới thiệu, tuyên truyền, giải đáp vướng mắc về các Nghị định trên nhằm phổ biến các nội dung mới của Nghị định đến các cán bộ, công chức ngành hải quan cũng như các doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải.

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP và Nghị định số 59/2018/NĐ-CP, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để tổ chức thực hiện công tác quản lý đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh theo thẩm quyền được giao, như:

- Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 38/2015/TT-BTC;

- Thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 quy định về trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và Thông tư số 60/2019/TT-BTC ngày 30/8/2019 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 39/2015/TT-BTC;

- Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và Thông tư số 17/2021/TT-BTC ngày 26/02/2021 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 14/2015/TT-BTC;

- Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27/6/2017 ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam và Thông tư số 09/2019/TT-BTC ngày 15/02/2019 sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại các Phụ lục của Thông tư số 65/2017/TT-BTC. Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08/6/2022 ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam (thay thế Thông tư số 65/2017/TT-BTC và Thông tư số 09/2019/TT-BTC);

- Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/04/2019 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 12/2015/TT-BTC;

- Thông tư số 33/2023/TT-BTC ngày 31/5/2023 quy định về xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

- Thông tư số 49/2015/TT-BTC ngày 14/4/2015 quy định thủ tục hải quan đối với thư, gói, kiện hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính của doanh nghiệp được chỉ định; Thông tư số 191/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 quy định thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế; Thông tư số 56/2019/TT-BTC ngày 23/8/2019 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 49/2015/TT-BTC và Thông tư số 191/2015/TT-BTC.

2. Kết quả thi hành

a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nghiệp vụ hải quan.

Nghị định 08/2015/NĐ-CP đã tạo cơ sở pháp lý để thực hiện phương thức hoạt động hải quan hiện đại theo nguyên tắc áp dụng quản lý rủi ro trong toàn bộ hoạt động kiểm tra, giám sát hải quan; công tác kiểm tra sau thông quan được tăng cường; mở rộng ứng dụng công nghệ thông tin, trang thiết bị hiện đại trong hoạt động nghiệp vụ; thông quan điện tử được triển khai tại tất cả các Cục Hải quan, Chi cục Hải quan; Cơ chế một cửa quốc gia và Cơ chế một cửa ASEAN đã bước đầu được triển khai tạo một bước ngoặt mới trong công tác hiện đại hóa hải quan.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động nghiệp vụ hải quan được đẩy mạnh, mọi giao dịch, trao đổi thông tin giữa cơ quan hải quan và người khai hải quan được thực hiện thông qua hệ thống, như: nộp hồ sơ hải

quan, hồ sơ hoàn thuế, trừ lùi giấy phép, việc gửi đề nghị lấy mẫu, đề nghị đưa hàng về bảo quản, đề nghị hủy tờ khai,... và phía cơ quan hải quan cũng thực hiện việc xử lý và phản hồi cho người khai hải quan thông qua hệ thống dữ liệu điện tử hải quan, góp phần giảm bớt sự tiếp xúc giữa công chức hải quan và doanh nghiệp trong việc giải quyết thủ tục hành chính, hạn chế các phiền hà, tiêu cực, sách nhiễu có thể xảy ra trong quá trình giải quyết thủ tục và giảm chi phí cho doanh nghiệp do không phải in hồ sơ giấy, không phải đi đến trụ sở cơ quan hải quan để nộp hồ sơ.

b) Thực hiện cải cách thủ tục hải quan, cắt giảm các chứng từ, giấy tờ không cần thiết; minh bạch thời gian thực hiện

Nghị định đảm bảo được tính minh bạch hóa quyền và nghĩa vụ của người khai hải quan, của tổ chức và cá nhân có liên quan; tính tự chịu trách nhiệm của người khai hải quan được nâng cao, trách nhiệm của công chức hải quan được cá thể hóa, có sự phân định rõ trách nhiệm giữa người khai hải quan và công chức hải quan, của cơ quan hải quan và các cơ quan có liên quan; tạo cơ chế khuyến khích tuân thủ pháp luật của người khai hải quan, hạn chế tối đa việc tiếp xúc trực tiếp giữa công chức hải quan và người khai hải quan trong quá trình thông quan.

Đồng thời đảm bảo yêu cầu cải cách thủ tục hành chính về hải quan tiếp tục được triển khai toàn diện, như đơn giản hóa bộ hồ sơ hải quan, các chứng từ không cần thiết như: hợp đồng, bảng kê chi tiết hàng hóa... đã bị bãi bỏ; các bước trong quy trình thủ tục hải quan được quy định rõ ràng, cụ thể theo hướng giảm thời gian kiểm tra hồ sơ hải quan, kiểm tra thực tế hàng hóa. Công tác khảo sát, đánh giá hiệu quả hoạt động quản lý đã được tiến hành thường xuyên và đã có những phản hồi tích cực từ phía doanh nghiệp. Cơ quan Hải quan ngày càng khẳng định vai trò tích cực trong công tác cải cách thủ tục hành chính và sự nỗ lực trong việc thúc đẩy các cơ quan liên quan đổi mới hoạt động quản lý để cùng đạt mục tiêu tạo thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu.

c) Về áp dụng quản lý rủi ro trong việc kiểm tra hồ sơ hải quan, kiểm tra thực tế hàng hóa:

Nghị quyết 19/2017/NQ-CP về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020 giao trách nhiệm cho Bộ Tài chính *“nâng cấp, hoàn thiện cơ chế quản lý rủi ro, thực hiện phân luồng trước khi hàng đến cảng để giải quyết thông quan hoặc giải phóng hàng hóa ngay khi đến cảng”*. Trên cơ sở đó, Nghị định đã quy định việc thông báo kết quả phân luồng sẽ được thực hiện ngay sau khi hệ thống tiếp nhận, kiểm tra thông tin khai của người khai hải quan (thời gian thực tế khoảng dưới 1 phút). Trên cơ sở đó người khai hải quan sẽ chủ động thực hiện tiếp các thủ tục để có thể thông quan hoặc giải phóng hàng trước hoặc ngay khi hàng hoá đến cảng, cửa khẩu. Trong trường hợp tại thời điểm hàng đến cửa khẩu, cơ quan hải quan kiểm tra phát hiện có thông tin sai khác giữa nội dung khai của người khai với thông tin do cơ quan hải quan thu thập được, như: thông tin trên manifest, thông tin về hàng hóa đến

cửa khẩu,... cơ quan hải quan sẽ phân luồng lại tờ khai trước khi hàng qua khu vực giám sát hải quan và sẽ thông báo cho người khai hải quan biết.

d) Quy định về thực hiện việc quản lý, giám sát hàng hoá tự động tại cảng biển, cảng hàng không và các khu vực kho, bãi, địa điểm thuộc địa bàn hoạt động hải quan:

Nghị định đã quy định cụ thể về việc triển khai việc quản lý, giám sát hàng hoá tự động tại cảng biển, cảng hàng không cũng như tại các kho, bãi, địa điểm trong nội địa có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá. Quy định cụ thể trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi, địa điểm tại khâu cung cấp thông tin khi kiểm tra, giám đốc với hàng hóa đưa vào, lưu giữ, đưa ra KVGs hải quan thông qua Hệ thống cho cơ quan hải quan (thông tin về lượng hàng, thời điểm hàng vào (get in), hàng ra (get out), vị trí lưu giữ và các thay đổi trong quá trình lưu giữ...); trách nhiệm của cơ quan hải quan trong việc cung cấp thông tin về tình trạng thông quan của các lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu và giám sát việc thực hiện của doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, cảng; về phía người khai chỉ cần liên hệ với doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, cảng để vận chuyển hàng hóa qua khu vực giám sát trên cơ sở thông tin về các lô hàng đủ điều kiện qua khu vực giám sát đã được cơ quan hải quan cung cấp qua hệ thống và không cần tiếp xúc với công chức hải quan.

Việc triển khai công tác quản lý, giám sát hàng hoá hiện đã được triển khai tại cảng biển, cảng hàng không; Riêng đối với các cửa khẩu đường bộ, đường sông, đường sắt do mỗi khu vực có đặc thù riêng (địa bàn, điều kiện hạ tầng, cơ sở vật chất,...) nên đến nay chưa triển khai được.

đ) Một số quy định tại Nghị định nhằm thúc đẩy phát triển các dịch vụ giao nhận, logistics tại Việt Nam như: quy định về đối tượng và phạm vi thực hiện dịch vụ trung chuyển, các loại hình dịch vụ được thực hiện đối với hàng quá cảnh, tạo điều kiện thuận lợi cho hàng hoá gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh, bưu chính; Mở rộng địa điểm làm thủ tục hải quan đối với hàng hoá tạm nhập tái xuất (ngoài Chi cục Hải quan cửa khẩu).

e) Trong công tác quản lý hàng gia công, SXKK, Nghị định cũng đưa ra một số quy định nhằm tiếp tục tăng cường năng lực cho cơ quan hải quan trong công tác quản lý, cũng như tạo thuận lợi cho doanh nghiệp khi thực hiện các hoạt động gia công, SXKK, DNCX; có chế độ ưu tiên về quản lý đối với các doanh nghiệp có kết nối, trao đổi thông tin về tình hình nhập khẩu, sử dụng nguyên liệu, vật tư, đến khi sản xuất, xuất khẩu sản phẩm với cơ quan hải quan, cơ quan hải quan cũng đưa ra một số quy định mới

g) Ngoài những nội dung cải cách thủ tục hành chính, đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong các khâu nghiệp vụ hải quan nêu trên, để nâng cao năng lực quản lý và có giải pháp kịp thời ngăn chặn việc lợi dụng các quy định của pháp luật để buôn lậu, gian lận thương mại, vi phạm pháp luật hải quan, các văn bản quy phạm pháp luật cũng đưa ra một số giải pháp tăng cường công tác quản lý hải quan.

h) Việc xây dựng Nghị định 08/2015/NĐ-CP và Nghị định số 59/2018/NĐ-CP là một trong các văn bản quy phạm pháp luật quan trọng, góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật hải quan trong thời gian qua đã được cộng đồng doanh nghiệp đánh giá cao.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, trong quá trình thực hiện Nghị định số 08/2015/NĐ-CP và Nghị định số 59/2018/NĐ-CP đã có những vướng mắc nhất định cần được sửa đổi, bổ sung để đảm bảo công tác cải cách thủ tục hành chính, thuận lợi cho hoạt động của doanh nghiệp, phù hợp với thông lệ quốc tế như vướng mắc về: thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, hàng gia công, sản xuất xuất khẩu, hàng hóa quá cảnh, hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, hàng hóa cung ứng cho tàu bay xuất cảnh, tàu biển nước ngoài neo đậu tại cảng biển Việt Nam; thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với phương tiện vận tải xuất nhập cảnh, quá cảnh đường hàng không, đường biển, đường thủy, đường bộ, đường sắt; về kiểm tra chuyên ngành, cơ chế một cửa quốc gia; về công tác quản lý kho ngoại quan; về trị giá hải quan; về chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp; về kiểm tra sau thông quan; về công tác chống buôn lậu. Ngoài ra, để đảm bảo phù hợp với cơ cấu tổ chức bộ máy mới của cơ quan hải quan cũng như đảm bảo công tác cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hóa thủ tục hải quan, đẩy mạnh chuyển đổi số, giảm chi phí cho doanh nghiệp, rút ngắn thời gian thông quan, giải phóng hàng theo chỉ đạo tại Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ,..., Bộ Tài chính đề xuất xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan (bao gồm việc sửa đổi Nghị định số 59/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 08/2015/NĐ-CP)/.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, CHQ (03b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Đức Chi

Phụ lục

1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến chính sách/ dự thảo

CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Triển khai thực hiện Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước	- Thông quan hàng hóa tập trung: Tại dự thảo Nghị định sửa đổi một số Điều, khoản theo hướng quy định chung cơ quan thực hiện thủ tục hành chính như: Chi cục Hải quan khu vực quản lý địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh/Chi cục Hải quan khu vực nơi dự kiến làm thủ tục hải quan/Hải quan nơi có cơ sở sản xuất, dự án.... (tại Điều 4, Điều 25, Điều 50,) - Sửa đổi tên cơ quan, đơn vị, chức danh, thẩm quyền theo tổ chức bộ máy mới + Đối với các Điều, khoản, điểm tại dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ: Bộ Tài chính đã sửa trực tiếp tên cơ quan, đơn vị, chức danh, thẩm quyền tại dự thảo Nghị định (Điều 4, 11, 12, 24, 25, 67, 72, 77, 103, 104...); - Đối với các Điều, khoản, điểm đang được giữ nguyên tại Nghị định số 08/2015/NĐ-CP, chưa có tại dự	Đã thể chế hóa đầy đủ	

	thảo Nghị định trình Chính phủ: Bộ Tài chính đề xuất bổ sung khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị định về việc thay thế một số cụm từ theo tên cơ quan, đơn vị, chức danh, thẩm quyền mới.		
- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã nêu rõ: “<i>Khẩn trương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ, đầu tư, đầu tư công, mua sắm công, ngân sách nhà nước, tài sản công, sở hữu trí tuệ, thuế... để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, giải phóng các nguồn lực, khuyến khích, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, phát triển nguồn nhân lực; “Ban hành chính sách khuyến khích đầu tư, mua, thuê các sản phẩm, dịch vụ số”; “Có cơ chế hợp tác công tư để phát triển hạ tầng số hiện đại, trong đó nguồn lực nhà nước là chủ yếu... Phát triển ngành công nghiệp IoT, xây dựng một số cụm công nghiệp IoT di động”</i>. Để triển khai thực hiện, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/2/2025 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. - Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. - Tại điểm 2 Nghị quyết số 192/2025/QH15 ngày 19/2/2025 về bổ sung Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên đã nêu: “<i>Đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, pháp luật và nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật. Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật theo hướng “vừa quản lý chặt chẽ, vừa kiến tạo phát triển”, từ bỏ tư duy “không quản được thì cấm”; đề cao phương pháp “quản lý theo kết quả”, chuyển mạnh từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm” gắn</i>	- Khoản 5, 6 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi khoản 2, khoản 4, bổ sung khoản 7 Điều 10 (Điều kiện để được áp dụng chế độ ưu tiên); khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 11 (Công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên) Nghị định số 08/2015/NĐ-CP; - Khoản 19 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi Điều 35 (Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ) Nghị định số 08/2015/NĐ-CP. - Khoản 17 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi điểm đ khoản 2 Điều 33 (quy định về thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành) Nghị định số 08/2015/NĐ-CP. - Khoản 38, 39, 43 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 70, 71, 74 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP: Để có căn cứ pháp lý thực hiện thủ tục điện tử cho PTVT đường bộ,	Đã thể chế hóa đầy đủ	

với tăng cường kiểm tra, giám sát.”. - Điểm d khoản 4 mục V Điều 1 Quyết định số 1018/QĐ-TTg ngày 21/9/2024 của Thủ tướng Ban hành chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn 2050: “<i>Thiết lập cơ chế làn xanh và các cơ chế khác để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp phụ trợ, doanh nghiệp xuất nhập khẩu hàng hoá, nguyên liệu, vật tư, linh kiện liên quan đến công nghiệp bán dẫn, thiết bị dân dụng, chuyên dụng thế hệ mới;</i>”. - Tại Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/1/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW đã giao nhiệm vụ cho các Bộ, ngành rà soát các quy định pháp luật để tháo gỡ kịp thời các điểm nghẽn phục vụ hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.	đường sắt, đường thủy nội địa xuất cảnh nhập cảnh khi hệ thống CNTT đáp ứng yêu cầu, dự thảo đã bổ sung nội dung quy định về việc thực hiện khai báo điện tử khi hệ thống CNTT đáp ứng việc khai báo bằng phương thức điện tử tại Điều 70, Điều 71, Điều 74.		
- Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội về kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV đã nêu: “<i>Tiếp tục đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến;... đẩy mạnh kết nối, tích hợp, chia sẻ các thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính, cung ứng dịch vụ công</i>”. - Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026. - Điểm 2 Nghị quyết số 192/2025/QH15 ngày 19/2/2025 về bổ sung Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên: <i>Tập trung cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo mọi điều kiện giải quyết nhanh các thủ tục đầu tư, các khó khăn, vướng mắc trong hoạt động đầu tư kinh doanh, khuyến khích đầu tư của mọi thành phần kinh tế. Thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và</i>	- Khoản 12 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 25 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP (quy định về các trường hợp người khai hải quan được lựa chọn khai theo phương thức điện tử hoặc khai trên tờ khai hải quan giấy); - Khoản 24 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 44 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP (Bổ nội dung về hồ sơ hải quan đối với hàng hóa trung chuyển gồm chứng từ vận tải, bảng kê chi tiết hàng hóa trung chuyển, văn bản cho phép của cơ quan có thẩm quyền, thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành). - Khoản 20, 21, 22 Điều 1 dự thảo		

vừa tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. - Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ đã nêu: <i>“Cắt giảm đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, thời gian giải quyết, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính; đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính;”</i>	Nghị định sửa đổi Điều 37, 39, 40 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP liên quan đến thủ tục hải quan, quản lý hải quan đối với hàng gia công, sản xuất xuất khẩu. - Một số nội dung sửa đổi theo hướng đơn giản hóa thành phần hồ sơ hải quan, đẩy mạnh việc thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, cụ thể: bỏ “hợp đồng quá cảnh” tại Điều 43 (hồ sơ đối với hàng hóa quá cảnh); bỏ “văn bản của bên nước ngoài thông báo hàng bị trả lại hoặc văn bản của hãng tàu/ đại lý hãng tàu thông báo không có người nhận” tại Điều 47 (hồ sơ hải quan tái nhập hàng hóa đã xuất khẩu); bỏ “văn bản chấp nhận nhận lại hoặc chỉ định xuất cho bên thứ ba của chủ hàng nước ngoài” tại Điều 48 (hồ sơ hải quan tái xuất hàng hóa nhập khẩu đã hoàn thành thủ tục hải quan); bỏ quy định nộp giấy đăng ký phương tiện tại hồ sơ hải quan tại Điều 74, Điều 75, Điều 79, ...		
---	--	--	--

2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến chính sách/ dự thảo

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
1.	Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3 Điều 4 như sau: “1. Địa điểm làm thủ tục hải quan được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Luật Hải quan. Thư, gói, kiện hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính; hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh bao gồm hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nhập khẩu phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập do Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định tại khoản 2 Điều này được làm thủ tục hải quan tại Chi cục Hải quan khu vực quản lý địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, dịch vụ chuyển phát nhanh, địa điểm làm thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Điều 43 Nghị định này. Đối với hàng hóa kinh doanh tạm nhập, tái xuất gửi qua dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát nhanh, địa điểm làm thủ tục hải quan thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. 3. Căn cứ vào quy hoạch và công bố hệ thống cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng hàng không quốc tế, cửa khẩu đường bộ, cảng cạn (ICD), ga đường sắt liên vận quốc tế, mạng bưu chính công cộng cung ứng dịch vụ quốc tế và các khu vực khác thuộc địa bàn hoạt động hải quan, Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định việc tổ chức bộ máy, bố trí lực lượng làm thủ tục hải quan; cơ quan hải quan công nhận kho, bãi, địa điểm trong khu vực cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng hàng không quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế đủ điều kiện tập	- Điều 22 Luật Hải quan quy định về địa điểm làm thủ tục hải quan: <i>Điều 22. Địa điểm làm thủ tục hải quan</i> 1. Địa điểm làm thủ tục hải quan là nơi cơ quan hải quan tiếp nhận, đăng ký và kiểm tra hồ sơ hải quan, kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải. 2. Địa điểm tiếp nhận, đăng ký và kiểm tra hồ sơ hải quan là trụ sở Cục Hải quan, trụ sở Chi cục Hải quan. 3. Địa điểm kiểm tra thực tế hàng hóa bao gồm: a) Địa điểm kiểm tra tại khu vực cửa khẩu đường bộ, ga đường sắt liên vận quốc tế, cảng hàng không dân dụng quốc tế; bưu điện quốc tế; cảng biển, cảng thủy nội địa có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa; b) Trụ sở Chi cục Hải quan; c) Địa điểm kiểm tra tập trung theo quyết định của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan; d) Địa điểm kiểm tra tại cơ sở sản xuất, công trình; nơi tổ chức hội chợ, triển lãm; đ) Địa điểm kiểm tra tại khu vực kho ngoại quan, kho bảo thuế, địa điểm thu gom hàng lẻ; e) Địa điểm kiểm tra chung giữa Hải quan Việt Nam với Hải quan nước láng giềng tại khu vực cửa khẩu đường bộ; g) Địa điểm khác do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quyết định trong trường hợp cần thiết. 4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền khi	- Phù hợp với quy định tại Luật Hải quan. - Phù hợp với Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 67/2020/NĐ-CP.	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<i>kết, kiểm tra, giám sát hải quan theo quy định tại Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế, kho bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ.</i>	<i>quy hoạch, thiết kế xây dựng cửa khẩu đường bộ, ga đường sắt liên vận quốc tế, cảng hàng không dân dụng quốc tế; cảng biển, cảng thủy nội địa có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa; khu kinh tế, khu công nghiệp, khu phi thuế quan và các địa điểm khác có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh có trách nhiệm bố trí địa điểm làm thủ tục hải quan và nơi lưu giữ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đáp ứng yêu cầu kiểm tra, giám sát hải quan theo quy định của Luật này.</i> - Dự thảo Nghị định kế thừa nội dung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP. - Hiện tại Nghị định số 68/2016/NĐ-CP và 67/2020/NĐ-CP đã có quy định rõ về trình tự, thủ tục thành lập, công nhận kho bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan tại ICD, cảng biển, cảng hàng không, cảng thủy nội địa, ga đường sắt liên vận quốc tế, mạng bưu chính cung ứng dịch vụ quốc tế nên dự thảo Nghị định bỏ nội dung dẫn chiếu đến Nghị định số 68/2016/NĐ-CP.		
2.	Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 5 như sau: “3. Người được chủ hàng hóa ủy quyền đối với các loại hàng hóa sau đây: a) Quà biếu, quà tặng của cá nhân; b) Tài sản di chuyển của cá nhân; c) Hàng hóa của cá nhân được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ; d) Hành lý gửi trước, gửi sau chuyến đi của người xuất cảnh, nhập cảnh;	- Khoản 14 Điều 4 Luật Hải quan quy định: <i>14. Người khai hải quan bao gồm: chủ hàng hóa; chủ phương tiện vận tải; người điều khiển phương tiện vận tải; đại lý làm thủ tục hải quan, người khác được chủ hàng hóa, chủ phương tiện vận tải ủy quyền thực hiện thủ tục hải quan.</i>	- Phù hợp với Luật Hải quan, tương thích với các trường hợp tương tự hiện đang quy định tại Điều này. - Phù hợp với thực tế phát sinh: + Khoản 3 Dự thảo bổ sung thêm quy	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<i>đ) Hàng hóa tạm nhập tái xuất để thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay nước ngoài;</i> <i>e) Hàng hóa nhập khẩu để thực hiện dự án đầu tư miễn thuế.</i> 4. Người thực hiện dịch vụ quá cảnh hàng hóa, trung chuyển hàng hóa.”		định việc chủ hàng hóa được ủy quyền làm thủ tục hải quan trong trường hợp hàng hóa là tài sản di chuyển, hàng hóa của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ (cá nhân) vì bản chất trường hợp này cũng tương tự như trường hợp quà biếu tặng, hành lý của người xuất nhập cảnh, hàng hóa xuất nhập khẩu dùng cho mục đích cá nhân. Hiện theo các Hiệp định hàng không cho phép các hãng hàng không được thành lập các đại lý bán vé máy bay tại Việt Nam, theo đó ngoài việc bán vé máy bay...các hãng còn thực hiện thủ tục tạm nhập, tái xuất linh kiện, phụ tùng để sửa chữa tàu bay của chính hãng hàng không đó (đường biển cũng tương tự), do vậy tại dự thảo Nghị định bổ sung thêm trường hợp các hãng hàng không ủy quyền việc tạm nhập tái xuất hàng hóa	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
			để sửa chữa tàu bay, tàu biển nước ngoài. + Khoản 4: giữ nguyên quy định tại Nghị định số 59/2018/NĐ-CP.	
3.	Điều 6. Đối tượng phải làm thủ tục hải quan, chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan 1. Đối tượng phải làm thủ tục hải quan: a) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam tiền mặt, công cụ chuyển nhượng, vàng, kim loại quý, đá quý, văn hóa phẩm, di vật, cổ vật, bảo vật, bưu phẩm, bưu kiện xuất khẩu, nhập khẩu; hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh; các vật phẩm khác xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, trong địa bàn hoạt động của cơ quan hải quan; b) Phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt, đường hàng không, đường biển, đường thủy nội địa, đường sông xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh. 2. Đối tượng chịu sự kiểm tra hải quan: a) Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này; b) Vật dụng trên phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; c) Hồ sơ hải quan và các chứng từ liên quan đến đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này. 3. Đối tượng chịu sự giám sát hải quan: a) Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này; b) Vật dụng trên phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; c) Hàng hóa, phương tiện vận tải trong địa bàn hoạt động hải quan; hàng hóa là máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu	- Nội dung điều này kế thừa từ Nghị định số 59/2018/NĐ-CP. - Bỏ cụm từ “đường sông”, lý do: để đảm bảo phù hợp với Luật giao thông đường thủy nội địa.	Phù hợp với quy định tại Luật Hải quan và Luật giao thông đường thủy nội địa.	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	đang lưu giữ tại các cơ sở sản xuất của tổ chức, cá nhân; d) Hàng hóa thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành được đưa về bảo quản chờ thông quan; đ) Hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan.			
4.	Bãi bỏ Điều 7, Điều 8 Điều 7. Thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia <i>1. Người khai hải quan khai thông tin, nộp chứng từ điện tử để thực hiện thủ tục hải quan và thủ tục hành chính của cơ quan nhà nước liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, người và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia. Thời điểm khai thông tin, nộp chứng từ điện tử thực hiện theo quy định của Luật hải quan, pháp luật quản lý chuyên ngành và các văn bản hướng dẫn.</i> <i>2. Các cơ quan nhà nước tiếp nhận và xử lý thông tin của người khai hải quan; phản hồi kết quả xử lý cho người khai hải quan; trao đổi thông tin khai thủ tục hành chính và kết quả xử lý thông tin khai thủ tục hành chính giữa các cơ quan nhà nước với nhau thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.</i> <i>3. Người khai hải quan tiếp nhận kết quả xử lý từ các cơ quan nhà nước thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia để thực hiện thủ tục hải quan và thủ tục hành chính của cơ quan nhà nước liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu quá cảnh, người và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh. Người khai hải quan không phải nộp, xuất trình chứng từ giấy đối với các chứng từ đã được tiếp nhận, xử lý thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia, trừ các chứng từ phải nộp bản giấy theo quy định của pháp luật”.</i> 4. Cơ quan hải quan căn cứ kết quả xử lý của các cơ quan	Chương I Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 gồm một số quy định: - Điều 4. Chức năng của Cổng thông tin một cửa quốc gia; - Điều 5. Nguyên tắc vận hành Cổng thông tin một cửa quốc gia; - Điều 6. Các giao dịch điện tử trên Cổng thông tin một cửa quốc gia; - Điều 7. Quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia; - Điều 8. Thẩm quyền và mức độ truy cập Cổng thông tin một cửa quốc gia; - Điều 9. Lưu trữ và bảo đảm an toàn thông tin, dữ liệu. Quy định tại các Điều nêu trên đã bao hàm nội dung tại Điều 7, Điều 8 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 59/2018/NĐ-CP). Do vậy, dự thảo Nghị định bãi bỏ Điều 7, Điều 8 để đảm bảo phù hợp, thống nhất giữa các văn bản quy phạm pháp luật.	Phù hợp với Nghị định số 85/2019/NĐ-CP.	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	nhà nước để ra quyết định cuối cùng về thông quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phản hồi kết quả cho người khai hải quan thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia. Điều 8. Trách nhiệm của các Bộ, ngành trong thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia 1. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan: a) Xây dựng, phát triển Cổng thông tin một cửa quốc gia; b) Ban hành quy chế quản lý, vận hành Cổng thông tin một cửa quốc gia; c) Thống nhất các yêu cầu kỹ thuật kết nối cổng thông tin một cửa quốc gia và các hệ thống xử lý chuyên ngành trên cơ sở các tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia; d) Xây dựng các danh mục dữ liệu dùng chung giữa các Bộ, ngành trên Cổng thông tin một cửa quốc gia; đ) Sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan tới các thủ tục hành chính để thực hiện bằng phương thức điện tử theo Cơ chế một cửa quốc gia; e) Xây dựng và thực hiện cơ chế tài chính đảm bảo cho việc quản lý, vận hành, duy trì và phát triển Cổng thông tin một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN, cơ chế trao đổi thông tin về hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh trên cơ sở các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. 2. Các Bộ, ngành chịu trách nhiệm ban hành thủ tục hành chính để thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia; xây dựng bộ dữ liệu hành chính và thương mại quốc gia áp dụng cho các chứng từ điện tử trao đổi, thực hiện theo Cơ chế một cửa quốc gia.			

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	3. Tổng cục Hải quan: a) Chịu trách nhiệm quản lý, vận hành Cổng thông tin một cửa quốc gia; b) Tham gia đàm phán và thực hiện các điều ước quốc tế liên quan đến việc trao đổi thông tin giữa Cổng thông tin một cửa quốc gia với các quốc gia khác trên cơ sở các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.			
5.	Bổ sung khoản 4 Điều 9 như sau: “4. Được miễn kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 78 Luật Hải quan.”	Luật hải quan Điều 43: Chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp <i>1. Miễn kiểm tra chứng từ liên quan thuộc hồ sơ hải quan, miễn kiểm tra thực tế hàng hóa trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc kiểm tra ngẫu nhiên để đánh giá sự tuân thủ pháp luật.</i> <i>2. Được làm thủ tục hải quan bằng tờ khai hải quan chưa hoàn chỉnh hoặc chứng từ thay thế tờ khai hải quan. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan chưa hoàn chỉnh hoặc kể từ ngày nộp chứng từ thay thế tờ khai hải quan, người khai hải quan phải nộp tờ khai hải quan hoàn chỉnh và các chứng từ liên quan thuộc hồ sơ hải quan.</i> <i>3. Được ưu tiên khi thực hiện thủ tục về thuế đối với hàng hóa theo quy định của pháp luật về thuế.</i> Nghị định 08/2015/NĐ-CP và Nghị định 59/2018/NĐ-CP sửa đổi bổ sung Nghị định 08/2015/NĐ-CP Điều 9. Chế độ ưu tiên <i>1. Chế độ ưu tiên thực hiện theo quy định tại Điều 43 Luật Hải quan.</i>	Phù hợp với Luật Hải quan và Nghị định 08/2015/NĐ-CP, NĐ 59/2015/NĐ-CP	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		2. Được cơ quan hải quan và các cơ quan kinh doanh cảng, kho bãi ưu tiên làm thủ tục giao nhận hàng hóa trước, ưu tiên kiểm tra giám sát trước. 3. Trường hợp hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành, doanh nghiệp được đưa hàng hóa nhập khẩu về kho của doanh nghiệp để bảo quản trong khi chờ kết quả kiểm tra chuyên ngành, trừ trường hợp pháp luật kiểm tra chuyên ngành có quy định hàng hóa phải kiểm tra tại cửa khẩu. Trường hợp hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành tại cửa khẩu thì được ưu tiên kiểm tra trước. 4. Được miễn kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 78 Luật Hải quan.		
6.	7. Sửa đổi khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 và bổ sung khoản 7 Điều 10 như sau: 1. Doanh nghiệp không vi phạm các quy định của pháp luật về thuế, pháp luật về hải quan tới mức bị xử lý vi phạm về các hành vi sau: a) Hành vi trốn thuế; buôn lậu; <i>sản xuất, buôn bán hàng cấm hoặc vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới;</i> b) Hành vi vi phạm hành chính có hình thức, mức xử phạt vượt thẩm quyền <i>Đội trưởng Hải quan cửa khẩu</i> và các chức danh tương đương. <i>Trường hợp doanh nghiệp đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên: Phạm vi đánh giá điều kiện này là 02 năm (24 tháng) liên tục tính đến ngày doanh nghiệp có văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên.</i> 2. Điều kiện về chấp hành tốt pháp luật về kế toán,	Luật Hải quan năm 2014 Điều 42. Điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên 1. Doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Tuân thủ pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế trong 02 năm liên tục; b) Có kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu hàng năm đạt mức quy định; c) Thực hiện thủ tục hải quan điện tử, thủ tục thuế điện tử; có chương trình công nghệ thông tin quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp nối mạng với cơ quan hải quan; d) Thực hiện thanh toán qua ngân hàng; đ) Có hệ thống kiểm soát nội bộ; e) Chấp hành tốt quy định của pháp luật về kế toán, kiểm toán.	Nội dung sửa đổi tại Điều 10 dự thảo Nghị định phù hợp với quy định tại Điều 42 Luật Hải quan năm 2014 và Luật sửa đổi Luật Hải quan năm 2025.	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	kiểm toán: a) Áp dụng các chuẩn mực kế toán theo quy định của <i>Bộ trưởng</i> Bộ Tài chính; b) Báo cáo tài chính hàng năm phải được kiểm toán bởi công ty kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập. Ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính nêu trong báo cáo kiểm toán phải là ý kiến chấp nhận toàn phần theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. <i>Trường hợp doanh nghiệp đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên: Phạm vi đánh giá điều kiện này là 02 năm (24 tháng) liên tục tính đến ngày doanh nghiệp có văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên.</i> <i>Đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung tại Luật.....chưa đủ thời gian hoạt động để lập báo cáo tài chính năm được kiểm toán thì điều kiện này được đánh giá theo điểm a khoản 2 Điều này kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu đến ngày doanh nghiệp có văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên.</i> 3. Điều kiện về hệ thống kiểm soát nội bộ a) Doanh nghiệp <i>xây dựng</i>, thực hiện và duy trì hệ thống <i>kiểm soát nội bộ</i> để giám sát, kiểm soát vận hành thực tế hoạt động của doanh nghiệp, <i>trong đó bao gồm các nội dung sau:</i> <i>a.1) Lưu trữ hồ sơ, chứng từ, tài liệu, dữ liệu liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định, cung cấp được cho cơ quan hải quan khi có yêu cầu;</i> <i>a.2) Giám sát nội bộ doanh nghiệp: tự tiến hành đánh giá, rà soát các hoạt động của các bộ phận và đề ra</i>	2. Doanh nghiệp ưu tiên thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ có ký thỏa thuận công nhận lẫn nhau về doanh nghiệp ưu tiên với Việt Nam được áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định của Luật này. 3. Chính phủ quy định chi tiết điều kiện, thủ tục công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ, chế độ ưu tiên, việc quản lý đối với doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên. Dự thảo Luật sửa đổi Luật Hải quan năm 2025: “Điều 42. Điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên 1. Doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Tuân thủ pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế trong 02 năm liên tục; b) Có kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu hàng năm đạt mức quy định; c) Thực hiện thủ tục hải quan điện tử, thủ tục thuế điện tử; có phần mềm hoặc hệ thống công nghệ thông tin quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp kết nối hoặc chia sẻ với cơ quan hải quan; d) Thực hiện thanh toán qua ngân hàng; đ) Có hệ thống kiểm soát nội bộ; e) Chấp hành tốt quy định của pháp luật về kế toán, kiểm toán. 2. Doanh nghiệp công nghiệp bán dẫn; doanh nghiệp công nghệ cao; doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp thực hiện dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm, nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử		

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<i>các biện pháp cải tiến tốt hơn; có quy trình để đào tạo nội bộ liên quan đến các vấn đề về đảm bảo an ninh theo quy định tại điểm b khoản này và các biện pháp ứng phó khi xảy ra các vấn đề về an ninh;</i> <i>a.3) Quản lý, phòng ngừa các bất thường xảy ra liên quan đến an ninh hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; khắc phục các sai sót, vi phạm của doanh nghiệp sau khi được các cơ quan nhà nước khuyến nghị hoặc kết luận;</i> <i>a.4) Kiểm soát khả năng tài chính để có thể hoàn thành các nghĩa vụ về thuế đối với các cơ quan quản lý nhà nước trong trường hợp được ưu tiên về thời hạn nộp thuế.</i> <i>Tại thời điểm đánh giá, doanh nghiệp không phát sinh tiền thuế nợ liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế.</i> <i>b) Doanh nghiệp xây dựng, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ đảm bảo an ninh an toàn dây chuyền cung ứng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu như sau, trong đó bao gồm các nội dung sau:</i> <i>b.1) An ninh hàng hóa: có các biện pháp để đảm bảo tính nguyên trạng của hàng hóa và kiểm soát việc tiếp cận hàng hóa phù hợp với hoạt động của doanh nghiệp;</i> <i>b.2) An ninh vận tải: có các biện pháp nhằm đảm bảo an ninh chuỗi cung ứng hàng hóa;</i> <i>b.3) An ninh tại khu vực làm việc của doanh nghiệp: phân chia và ngăn cách các khu vực làm việc phù hợp với tính chất đặc thù ngành hàng và yêu cầu về an ninh hàng hóa; phân quyền, hạn chế tiếp cận đối với hàng hóa, biện pháp phòng ngừa việc xâm nhập bất hợp pháp vào các khu vực làm việc của doanh nghiệp;</i>	<i>chip bán dẫn và các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp cho các dự án này được công nhận áp dụng chế độ ưu tiên khi đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại điểm c, điểm d, điểm đ và điểm e khoản 1 Điều này.</i> <i>Doanh nghiệp quy định tại khoản này phải duy trì, đáp ứng điều kiện tuân thủ pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế và các điều kiện theo quy định tại điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e khoản 1 Điều này kể từ ngày được công nhận chế độ ưu tiên.</i> <i>Doanh nghiệp quy định tại khoản này được xác định theo văn bản thông báo của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> <i>Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan trình Thủ tướng Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục công nhận có thời hạn đối với doanh nghiệp quy định tại khoản này.</i> <i>3. Doanh nghiệp ưu tiên thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ có ký Thỏa thuận công nhận lẫn nhau về doanh nghiệp ưu tiên với Việt Nam được áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định của Luật này.</i> <i>4. Chính phủ quy định chi tiết điều kiện, thủ tục công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ, chế độ ưu tiên, việc quản lý đối với doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên.”.</i>		

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<i>có hệ thống ca-mê-ra quan sát được các vị trí tại cổng/cửa ra, vào và các vị trí lưu trữ hàng hóa ở tất cả các thời điểm trong ngày (24/24 giờ, bao gồm cả ngày nghỉ, ngày lễ) dữ liệu ca-mê-ra lưu giữ tại doanh nghiệp tối thiểu 03 tháng;</i> <i>b.4) Kiểm soát an ninh hệ thống công nghệ thông tin: đảm bảo việc sử dụng đúng mục đích, lưu trữ, khôi phục và bảo mật các thông tin, dữ liệu của doanh nghiệp;</i> <i>b.5) An ninh nhân sự: đảm bảo nhân sự đang làm việc tại các vị trí quan trọng (tổng giám đốc, giám đốc, kế toán trưởng, trưởng các bộ phận: xuất khẩu, nhập khẩu, kho, an ninh) khi tuyển dụng không bị xử lý về hành vi vi phạm pháp luật hình sự hoặc đã được xóa án tích theo quy định của pháp luật; có các biện pháp nhận diện nhân viên của doanh nghiệp và ngăn chặn những nhân viên đã nghỉ việc truy cập vào hệ thống thông tin và cơ sở vật chất của doanh nghiệp;</i> <i>b.6) An ninh đối tác thương mại: trong các hợp đồng ký với các đối tác thương mại (đối tác mua bán hàng hóa, vận tải nội địa, vận tải quốc tế, đại lý làm thủ tục hải quan, các nhà cung cấp dịch vụ khác liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu) phải thể hiện các điều khoản về an ninh phù hợp với hình thức, quy mô, tính chất, mặt hàng kinh doanh để đảm bảo tính chính xác về thông tin và nguyên trạng của hàng hóa, dịch vụ.</i> <i>4. Điều kiện về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu:</i> <i>a) Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu đạt kim ngạch tối thiểu 100 triệu USD/năm;</i> <i>b) Doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa sản xuất tại Việt Nam đạt kim ngạch tối thiểu 40 triệu USD/năm;</i> <i>c) Doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa là nông sản,</i>			

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	thủy sản sản xuất hoặc nuôi, trồng tại Việt Nam đạt kim ngạch <i>tối thiểu</i> 30 triệu USD/năm; Kim ngạch quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này là kim ngạch <i>xuất khẩu, nhập khẩu</i> bình quân trong <i>02 năm (24 tháng) liên tục tính đến ngày doanh nghiệp có văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên hoặc trong giai đoạn đánh giá gia hạn</i>, không bao gồm kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu ủy thác. <i>5. Các điều kiện khác thực hiện theo quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung tại Luật.....</i> <i>7. Đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung tại Luật....., đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên: cơ quan hải quan đánh giá việc đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều này.</i>			
8.	“Điều 11. Công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên 1. Hồ sơ đề nghị <i>áp dụng chế độ ưu tiên</i> gồm: a) Văn bản đề nghị theo mẫu do <i>Bộ trưởng Bộ Tài chính</i> ban hành: 01 bản chính; b) Báo cáo tình hình, thống kê số liệu xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp trong 02 năm gần nhất: 01 bản chính; c) Báo cáo chấp hành pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế, pháp luật về kế toán trong 02 năm gần nhất: 01 bản chính; d) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán trong 02 năm gần nhất: 01 bản chụp; đ) Báo cáo kiểm toán trong 02 năm gần nhất (<i>nếu</i>	Luật Hải quan năm 2014 Điều 42. Điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên 1. Doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Tuân thủ pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế trong 02 năm liên tục; b) Có kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu hàng năm đạt mức quy định; c) Thực hiện thủ tục hải quan điện tử, thủ tục thuế điện tử; có chương trình công nghệ thông tin quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp nối mạng với cơ quan hải quan; d) Thực hiện thanh toán qua ngân hàng; đ) Có hệ thống kiểm soát nội bộ;	Nội dung sửa đổi, bổ sung tại Điều 11 dự thảo Nghị định phù hợp với quy định tại Điều 42 Luật Hải quan năm 2014 và Luật sửa đổi Luật Hải quan năm 2025.	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	có): 01 bản chụp; e) Bản kết luận thanh tra, <i>kiểm tra</i> trong 02 năm gần nhất (nếu có): 01 bản chụp; g) Bản mô tả hệ thống kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp (<i>kèm tài liệu thuyết minh</i>): 01 bản chụp, trong đó bao gồm: <i>g.1) Bản mô tả quy trình, biện pháp hoặc phần mềm hoặc hệ thống về: Lưu trữ hồ sơ, chứng từ, tài liệu, dữ liệu liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Giám sát nội bộ doanh nghiệp; Quản lý, phòng ngừa các bất thường xảy ra liên quan đến an ninh hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Khắc phục các sai sót, vi phạm của doanh nghiệp sau khi được các cơ quan nhà nước khuyến nghị hoặc kết luận; Kiểm soát khả năng tài chính để có thể hoàn thành các nghĩa vụ về thuế đối với các cơ quan quản lý nhà nước trong trường hợp được ưu tiên về thời hạn nộp thuế;</i> <i>g.2) Bản mô tả quy trình, biện pháp hoặc phần mềm hoặc hệ thống đảm bảo về: An ninh hàng hóa; An ninh vận tải; An ninh tại khu vực làm việc của doanh nghiệp; Kiểm soát an ninh hệ thống công nghệ thông tin; An ninh nhân sự; An ninh đối tác thương mại;</i> <i>Trường hợp hồ sơ của doanh nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu hoặc chưa đầy đủ theo quy định, Cục Hải quan thông báo cho doanh nghiệp để hoàn thiện hồ sơ và nộp lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Quá thời hạn, doanh nghiệp không nộp hồ sơ thì xác định hồ sơ không đạt yêu cầu.</i> <i>Doanh nghiệp có thể đề nghị tham vấn cơ quan hải quan về các quy định liên quan đến chế độ ưu tiên trước khi nộp hồ sơ.</i>	e) Chấp hành tốt quy định của pháp luật về kế toán, kiểm toán. 2. Doanh nghiệp ưu tiên thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ có ký thỏa thuận công nhận lẫn nhau về doanh nghiệp ưu tiên với Việt Nam được áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định của Luật này. 3. Chính phủ quy định chi tiết điều kiện, thủ tục công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ, chế độ ưu tiên, việc quản lý đối với doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên. Dự thảo Luật sửa đổi Luật Hải quan năm 2025: “Điều 42. Điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên 1. Doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Tuân thủ pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế trong 02 năm liên tục; b) Có kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu hàng năm đạt mức quy định; c) Thực hiện thủ tục hải quan điện tử, thủ tục thuế điện tử; có phần mềm hoặc hệ thống công nghệ thông tin quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp kết nối hoặc chia sẻ với cơ quan hải quan; d) Thực hiện thanh toán qua ngân hàng; đ) Có hệ thống kiểm soát nội bộ; e) Chấp hành tốt quy định của pháp luật về kế toán, kiểm toán. 2. Doanh nghiệp công nghiệp bán dẫn; doanh nghiệp công nghệ cao; doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp thực hiện dự án sản xuất sản		

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	2. Hồ sơ đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 42 <u>Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung tại Luật.....</u> gồm: a) Văn bản đề nghị theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành: 01 bản chính; b) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán trong 02 năm gần nhất (nếu có): 01 bản chụp; c) Báo cáo kiểm toán trong 02 năm gần nhất (nếu có): 01 bản chụp; d) Bản kết luận thanh tra, kiểm tra trong 02 năm gần nhất (nếu có): 01 bản chụp; đ) Bản mô tả hệ thống kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp kèm tài liệu thuyết minh: 01 bản chụp, trong đó bao gồm: đ.1) Bản mô tả quy trình, biện pháp hoặc phần mềm hoặc hệ thống về: Lưu trữ hồ sơ, chứng từ, tài liệu, dữ liệu liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Giám sát nội bộ doanh nghiệp; Quản lý, phòng ngừa các bất thường xảy ra liên quan đến an ninh hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Khắc phục các sai sót, vi phạm của doanh nghiệp sau khi được các cơ quan nhà nước khuyến nghị hoặc kết luận; Kiểm soát khả năng tài chính để có thể hoàn thành các nghĩa vụ về thuế đối với các cơ quan quản lý nhà nước trong trường hợp được ưu tiên về thời hạn nộp thuế; đ.2) Bản mô tả quy trình, biện pháp hoặc phần mềm hoặc hệ thống đảm bảo về: An ninh hàng hóa; An ninh vận tải; An ninh tại khu vực làm việc của doanh nghiệp; Kiểm soát an ninh hệ thống công nghệ thông tin; An ninh nhân sự; An ninh đối tác thương mại; e) Văn bản thông báo của Bộ Khoa học và Công	phẩm công nghệ số trọng điểm, nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử chip bán dẫn và các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp cho các dự án này được công nhận áp dụng chế độ ưu tiên khi đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại điểm c, điểm d, điểm đ và điểm e khoản 1 Điều này. Doanh nghiệp quy định tại khoản này phải duy trì, đáp ứng điều kiện tuân thủ pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế và các điều kiện theo quy định tại điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e khoản 1 Điều này kể từ ngày được công nhận chế độ ưu tiên. Doanh nghiệp quy định tại khoản này được xác định theo văn bản thông báo của Bộ Khoa học và Công nghệ. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan trình Thủ tướng Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục công nhận có thời hạn đối với doanh nghiệp quy định tại khoản này. 3. Doanh nghiệp ưu tiên thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ có ký Thỏa thuận công nhận lẫn nhau về doanh nghiệp ưu tiên với Việt Nam được áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định của Luật này. 4. Chính phủ quy định chi tiết điều kiện, thủ tục công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ, chế độ ưu tiên, việc quản lý đối với doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên.”.		

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<u>nghệ về doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung tại Luật.....: 01 bản chụp;</u> 3. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên: Tổng Cục Hải quan. 4. Công nhận doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên: a) Thẩm định: Cục Hải quan tiến hành thẩm định, xem xét về việc áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, cụ thể: a.1) Thẩm định hồ sơ: Căn cứ hồ sơ của doanh nghiệp, cơ quan hải quan đánh giá, đối chiếu thông tin doanh nghiệp cung cấp, thông tin thu thập về doanh nghiệp với điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên quy định tại Điều 10 Nghị định này. Thời gian thẩm định không quá 05 (năm) ngày làm việc. Trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc việc thẩm định hồ sơ, Cục Hải quan có ban hành văn bản trả lời doanh nghiệp, nêu rõ lý do không đáp ứng điều kiện. Trường hợp doanh nghiệp đáp ứng điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo kết quả thẩm định hồ sơ, Cục Hải quan tổ chức thẩm định thực tế; a.2) Thẩm định thực tế: Cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan theo khoản 3 Điều 78 Luật Hải quan để đánh giá thông tin khai báo hồ sơ của doanh nghiệp với thực tế hoạt động của doanh nghiệp, đánh giá việc đáp ứng các điều kiện áp dụng chế			

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<i>độ ưu tiên. Thời gian thực hiện kiểm tra sau thông quan theo quy định tại Điều 80 Luật Hải quan.</i> <i>Trường hợp doanh nghiệp đã được kiểm tra sau thông quan theo khoản 3 Điều 78 Luật Hải quan trong thời gian 02 năm (24 tháng) liên tục tính đến thời điểm doanh nghiệp có văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên, cơ quan hải quan căn cứ kết quả kiểm tra sau thông quan này và thực hiện thẩm định thực tế tại doanh nghiệp để đánh giá thông tin khai báo hồ sơ của doanh nghiệp với thực tế hoạt động của doanh nghiệp, đánh giá việc đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên. Thời gian thẩm định thực tế không quá 10 (mười) ngày.</i> <i>Đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung tại Luật.....có thời gian kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu đến ngày doanh nghiệp có văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên dưới 02 năm thì cơ quan hải quan không thực hiện kiểm tra sau thông quan theo khoản 3 Điều 78 Luật Hải quan để đánh giá công nhận. Cơ quan hải quan thực hiện thẩm định thực tế tại doanh nghiệp. Thời gian thẩm định thực tế không quá 10 (mười) ngày.</i> <i>b) Xử lý kết quả thẩm định</i> <i>Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc việc thẩm định thực tế hoặc kết thúc việc xử lý kết quả kiểm tra sau thông quan:</i> <i>Trường hợp doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định, Cục trưởng Cục Hải quan ban hành quyết định áp dụng chế độ ưu tiên theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành. Quyết định</i>			

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	này có hiệu lực trong thời hạn 03 năm kể từ ngày ban hành quyết định. Trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định, Cục Hải quan ban hành văn bản trả lời doanh nghiệp, nêu rõ lý do không đáp ứng điều kiện. Trường hợp phức tạp, cần lấy ý kiến cơ quan chuyên môn thì thời hạn này có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày. 5. Gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên: a) Doanh nghiệp được gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên khi duy trì đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên quy định tại Điều 10 Nghị định này; Trong thời gian 03 tháng tính đến thời hạn gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên, Cục Hải quan căn cứ các thông tin thu thập, kết quả quản lý để tổ chức thực hiện đánh giá để gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp. b) Đánh giá để gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên: b.1) Cục Hải quan tổ chức tự đánh giá việc duy trì đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên của doanh nghiệp theo quy định tại Điều 10 Nghị định này; b.2) Trường hợp không đủ thông tin để tự đánh giá việc duy trì đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên của doanh nghiệp thì Cục Hải quan tiến hành thẩm định thực tế hoặc kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan theo khoản 3 Điều 78 Luật Hải quan. Trường hợp thẩm định thực tế tại trụ sở người khai hải quan không thực hiện được vì lý do bất khả kháng theo quy định của pháp luật thì cơ quan hải			

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<i>quan thực hiện đánh giá việc duy trì, đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên bằng hình thức trực tuyến trên cơ sở thông tin, dữ liệu, tài liệu mà doanh nghiệp cung cấp, chia sẻ.</i> <i>Thời gian thẩm định thực tế không quá 10 ngày.</i> <i>Thời gian thực hiện kiểm tra sau thông quan theo quy định tại Điều 80 Luật Hải quan.</i> <i>c) Cục trưởng Cục Hải quan ban hành quyết định gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên trong thời gian 03 năm theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành nếu doanh nghiệp vẫn duy trì đáp ứng các điều kiện theo quy định.</i> 6. Tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên: Trường hợp doanh nghiệp chưa thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Điều 45 Luật Hải quan khi đã được cơ quan hải quan thông báo thì <i>Cục trưởng Cục Hải quan ra quyết định tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên (theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành)</i> trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày ban hành quyết định. Trường hợp doanh nghiệp đã thực hiện quy định tại Điều 45 Luật Hải quan trong thời hạn quy định thì thông báo tới Cục Hải quan để xem xét ban hành Quyết định hủy Quyết định tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành. 7. Đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên <i>Cục trưởng Cục Hải quan ban hành Quyết định đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành trong các trường hợp sau:</i> a) Doanh nghiệp không <i>duy trì</i> việc đáp ứng một trong các điều kiện để áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại Điều 10 Nghị định này; b) Hết thời hạn tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên			

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	mà doanh nghiệp không thực hiện các quy định tại Điều 45 Luật Hải quan; c) Doanh nghiệp đề nghị đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên: <i>doanh nghiệp gửi văn bản tới Cục Hải quan nêu lý do đề nghị đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản, Cục trưởng Cục Hải quan ban hành quyết định đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp.</i> 7. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết các mẫu, biểu hồ sơ liên quan đến việc thực hiện chế độ ưu tiên.”			
9.	Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau: “Điều 12. Quản lý doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên 1. Trách nhiệm của cơ quan hải quan: a) Theo dõi, thu thập, phân tích tình hình hoạt động của doanh nghiệp để hướng dẫn doanh nghiệp nâng cao năng lực tuân thủ pháp luật, phát hiện sớm các sai sót để kịp thời khắc phục và duy trì các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên; b) Phối hợp với doanh nghiệp xử lý ngay các vấn đề vướng mắc phát sinh; c) Phối hợp với các cơ quan kinh doanh cảng, kho bãi ưu tiên làm thủ tục giao nhận hàng hóa, kiểm tra giám sát trước cho doanh nghiệp ưu tiên. d) Cục Hải quan thực hiện thẩm định thực tế tại trụ sở doanh nghiệp định kỳ để gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên hoặc đột xuất; có biện pháp giám sát và đánh giá trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro đối với việc duy trì đáp ứng điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên sau khi được công nhận; kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người	Luật Hải quan năm 2014 Điều 42. Điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên 2. Doanh nghiệp ưu tiên thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ có ký thỏa thuận công nhận lẫn nhau về doanh nghiệp ưu tiên với Việt Nam được áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định của Luật này. 3. Chính phủ quy định chi tiết điều kiện, thủ tục công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ, chế độ ưu tiên, việc quản lý đối với doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên. Điều 44. Trách nhiệm của cơ quan hải quan trong việc thực hiện chế độ ưu tiên 1. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan xét, công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ việc áp dụng chế độ ưu tiên cho doanh nghiệp. 2. Cơ quan hải quan các cấp có trách nhiệm: a) Kiểm tra, giám sát, đánh giá sự tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp; b) Hướng dẫn doanh nghiệp về chính sách, quy định của pháp luật về thuế và hải quan.	Nội dung sửa đổi, bổ sung tại Điều 12 dự thảo Nghị định phù hợp với quy định tại Điều 42, 44, 45 Luật Hải quan năm 2014; Nghị định số 08/2015/NĐ-CP; Nghị định số 126/2020/NĐ-CP. Theo định hướng đưa toàn bộ nội dung quy định về DNUT (trừ mẫu biểu) lên quy định thống nhất tại Nghị định để đảm bảo thống nhất, minh bạch, rõ ràng nên Điều 12 bổ sung các nội dung tại Điều 24, 25, 26 Thông tư 72/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2019/TT-BTC.	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<i>khai hải quan không quá một lần trong ba năm liên tục kể từ ngày được Cục trưởng Cục Hải quan công nhận hoặc gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên (trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm);</i> <i>đ) Cục trưởng Cục Hải quan quyết định việc kiểm tra ngẫu nhiên để đánh giá sự tuân thủ pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật Hải quan.</i> 2. Trách nhiệm của doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên: a) Tuân thủ tốt pháp luật hải quan, pháp luật thuế, chấp hành tốt pháp luật về kế toán, kiểm toán; b) Thực hiện chế độ báo cáo hàng quý (theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành) bằng phương thức điện tử gửi Cục Hải quan trong 15 (mười lăm) ngày đầu tiên của mỗi quý; c) Trong thời gian 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp gửi Cục Hải quan báo cáo tài chính, báo cáo kiểm toán của năm trước bằng phương thức điện tử; d) Thông báo bằng văn bản cho Cục Hải quan quyết định xử lý vi phạm pháp luật về thuế, kế toán của cơ quan có thẩm quyền đối với doanh nghiệp trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định; đ) e Thực hiện việc trao đổi thông tin với cơ quan hải quan để báo cáo những vướng mắc phát sinh (nếu có), vấn đề liên quan đến việc duy trì các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên; e) đ Thực hiện việc rà soát, tự kiểm tra, phát hiện, khắc phục sai sót và báo cáo cơ quan hải quan về những sai sót đã phát hiện, khắc phục; g) Khi được cơ quan hải quan thông báo những	Điều 45. Trách nhiệm của doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên <i>1. Định kỳ hàng năm cung cấp cho cơ quan hải quan báo cáo kiểm toán, báo cáo tài chính.</i> <i>2. Chấp hành các quy định về kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan.</i> <i>3. Thông báo cho cơ quan hải quan quyết định xử lý vi phạm pháp luật về thuế, kế toán của cơ quan có thẩm quyền đối với doanh nghiệp.</i> Điều 12 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP; Nghị định số 126/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế: Điều 38. Quy định về doanh nghiệp ưu tiên trong lĩnh vực hải quan <i>3. Quản lý doanh nghiệp ưu tiên</i> <i>a) Tổng cục Hải quan thực hiện biện pháp: Thẩm định thực tế tại trụ sở doanh nghiệp định kỳ hoặc đột xuất; kiểm tra sau thông quan theo quy định tại khoản 3 Điều 78 Luật Hải quan không quá một lần trong ba năm liên tục kể từ ngày được Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan công nhận hoặc gia hạn chế độ ưu tiên, có biện pháp giám sát và đánh giá việc duy trì điều kiện doanh nghiệp ưu tiên sau khi được công nhận để gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ doanh nghiệp ưu tiên theo quy định; kiểm tra sau thông quan theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 78 Luật Hải quan khi xác định có dấu hiệu vi phạm pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế.</i> Điều 24, Điều 25, Điều 26 Thông tư 72/2015/TT-BTC ngày 12/5/2015 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2019/TT-BTC ngày	Các nội dung này hiện đang triển khai thực hiện ổn định, không phát sinh vướng mắc.	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<i>sai sót hoặc những vấn đề cần làm rõ trong quá trình quản lý doanh nghiệp, doanh nghiệp có trách nhiệm kiểm tra, báo cáo đầy đủ, kịp thời những vấn đề cơ quan hải quan thông báo;</i> <i>h) Thông báo cho Cục Hải quan danh sách đại lý làm thủ tục hải quan cung cấp dịch vụ cho doanh nghiệp;</i> <i>i) Theo dõi, kiểm soát, quản lý được hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quản lý được quá trình sử dụng nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế, không chịu thuế; Có hệ thống công nghệ thông tin kết nối hoặc chia sẻ với cơ quan hải quan quản lý doanh nghiệp, đảm bảo cung cấp hồ sơ, chứng từ, tài liệu, số liệu trên hệ thống, số liệu trong quá khứ, số liệu theo giai đoạn (thời hạn 05 năm kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan) liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo yêu cầu của cơ quan hải quan.</i> <i>Doanh nghiệp chịu trách nhiệm chứng minh tính đầy đủ, chính xác của số liệu doanh nghiệp đã khai báo với cơ quan hải quan;</i> 3. Trách nhiệm của cơ quan liên quan <i>Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan có trách nhiệm phối hợp với cơ quan hải quan đánh giá việc tuân thủ pháp luật theo từng lĩnh vực phụ trách khi có văn bản đề nghị của cơ quan hải quan.</i> <i>Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan hải quan, các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan có trách nhiệm trả lời bằng văn bản.”</i>	28/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp. Điều 24. Trách nhiệm của cơ quan liên quan 1. Cơ quan thuế nơi doanh nghiệp đăng ký có trách nhiệm phối hợp với cơ quan hải quan đánh giá việc tuân thủ pháp luật về thuế nội địa, việc thực hiện thủ tục thuế điện tử, thực hiện nghĩa vụ nộp các khoản thuế nội địa của doanh nghiệp. 2. Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan hải quan, cơ quan thuế có trách nhiệm trả lời bằng văn bản. Điều 25. Trách nhiệm quản lý của cơ quan hải quan <i>Tổng cục Hải quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện:</i> 1. <i>Quản lý, theo dõi, đánh giá việc chấp hành pháp luật hải quan, pháp luật thuế của doanh nghiệp ưu tiên. Tổng cục Hải quan hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực tuân thủ khi doanh nghiệp có yêu cầu.</i> 2. <i>Hàng năm thu thập thông tin về việc tuân thủ pháp luật thuế, pháp luật hải quan của doanh nghiệp từ Cục Thuế; Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp có trụ sở chính và nơi doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu.</i> 3. <i>Kiểm tra việc duy trì các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên đối với các doanh nghiệp ưu tiên, các dự án đầu tư trọng điểm đã được công nhận và áp dụng</i>		

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		<i>chế độ ưu tiên khi dự án hoàn thành và đi vào hoạt động.</i> <i>4. Áp dụng các chế độ ưu tiên theo quy định tại Thông tư này cho các doanh nghiệp ưu tiên.</i> <i>5. Thông báo và cập nhật danh sách doanh nghiệp ưu tiên và phối hợp với các doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho bãi để thực hiện chế độ ưu tiên cho doanh nghiệp.</i> Điều 26. Trách nhiệm của doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên <i>1. Tuân thủ pháp luật hải quan, pháp luật về thuế, pháp luật về kế toán, kiểm toán.</i> <i>2. Thực hiện chế độ báo cáo hàng quý (theo mẫu 07/DNUT ban hành kèm theo Thông tư này) bằng phương thức điện tử gửi Tổng cục Hải quan.</i> <i>3. Trong thời gian 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp nộp cho Tổng cục Hải quan báo cáo tài chính, báo cáo kiểm toán của năm trước.</i> <i>4. Thực hiện việc tự kiểm tra, phát hiện, khắc phục sai sót, báo cáo cơ quan hải quan; duy trì các điều kiện doanh nghiệp ưu tiên.</i> <i>5. Khi được cơ quan hải quan thông báo những sai sót hoặc những vấn đề chưa rõ trong hồ sơ hải quan, doanh nghiệp có trách nhiệm kiểm tra, báo cáo đầy đủ, kịp thời những vấn đề cơ quan hải quan thông báo.</i> <i>6. Thông báo cho Tổng cục Hải quan danh sách Đại lý làm thủ tục hải quan cung cấp dịch vụ cho doanh nghiệp.</i> <i>7. Thông báo bằng văn bản cho Tổng cục Hải</i>		

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		<i>quan quyết định xử lý vi phạm pháp luật về thuế, kế toán của cơ quan có thẩm quyền đối với doanh nghiệp trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định.</i>		
10.	Sửa đổi bổ sung khoản 1 Điều 17 1. Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam gồm mã số, tên gọi, mô tả hàng hóa, đơn vị tính và các nội dung giải thích kèm theo và được xây dựng trên cơ sở áp dụng đầy đủ Công ước quốc tế về hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa theo quy định tại Khoản 1 Điều 26 Luật Hải quan.	Điều 26 Luật Hải quan quy định: Điều 26. Phân loại hàng hóa 1. Phân loại hàng hóa để xác định mã số hàng hóa làm cơ sở tính thuế và thực hiện chính sách quản lý hàng hóa. Khi phân loại hàng hóa phải căn cứ hồ sơ hải quan, tài liệu kỹ thuật và các thông tin khác có liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để xác định tên gọi, mã số của hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam. 2. Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam gồm mã số, tên gọi, mô tả hàng hóa, đơn vị tính và các nội dung giải thích kèm theo. 3. Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam được xây dựng trên cơ sở áp dụng đầy đủ Công ước quốc tế về hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa...”	Nội dung dự thảo phù hợp với quy định tại Điều 26 Luật Hải quan	
11.	Sửa đổi bổ sung Khoản 4 Điều 19 4. Bộ Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan, tổ chức liên quan để quyết định việc phân loại hàng hóa đối với các trường hợp có sự khác biệt trong việc áp dụng Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam hoặc có sự khác biệt giữa các Danh mục hàng hóa do các Bộ, cơ quan ngang Bộ ban hành trước ngày hiệu lực của Nghị định này với Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam”	Quy định về phân loại hàng hóa tại Điều 26 Luật Hải quan	Nội dung dự thảo phù hợp với Quy định tại Điều 26 Luật Hải quan	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
12.	13. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 20 như sau: “1. Đối với hàng hoá xuất khẩu: a) Trị giá hải quan của hàng hóa xuất khẩu là giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất, không bao gồm phí bảo hiểm quốc tế và phí vận tải quốc tế, được xác định <i>trên cơ sở trị giá thực tế của hàng hóa tại cửa khẩu xuất</i>, theo trình tự các phương pháp sau: a.1) Giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất bao gồm giá bán ghi trên hợp đồng mua bán hàng hóa hoặc hóa đơn thương mại và các khoản chi phí liên quan đến hàng hóa xuất khẩu phù hợp với chứng từ có liên quan nếu các khoản chi phí này chưa bao gồm trong giá bán của hàng hóa; a.2) Giá bán của hàng hóa xuất khẩu giống hệt, tương tự trên cơ sở dữ liệu trị giá hải quan sau khi quy đổi về giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất tại thời điểm gần nhất so với ngày đăng ký tờ khai xuất khẩu của lô hàng đang xác định trị giá; a.3) Giá bán của hàng hóa xuất khẩu giống hệt, tương tự tại thị trường Việt Nam sau khi quy đổi về giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất tại thời điểm gần nhất so với ngày đăng ký tờ khai xuất khẩu của lô hàng đang xác định trị giá; a.4) Giá bán của hàng hóa xuất khẩu do cơ quan hải quan thu thập, tổng hợp, phân loại theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định này sau khi quy đổi về giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất. b) Cửa khẩu xuất được xác định như sau: b.1) Đối với phương thức vận tải đường biển,	Điều 86. Trị giá hải quan 1. Trị giá hải quan được sử dụng làm cơ sở cho việc tính thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. 2. Trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu là giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất, không bao gồm phí bảo hiểm và phí vận tải quốc tế. 3. Trị giá hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu là giá thực tế phải trả tính đến cửa khẩu nhập đầu tiên, phù hợp với pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. 4. Tỷ giá tính thuế là tỷ giá hối đoái giữa đồng tiền Việt Nam với đồng tiền nước ngoài do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm tính thuế. Trường hợp tại thời điểm tính thuế mà Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không công bố tỷ giá hối đoái thì áp dụng tỷ giá hối đoái của lần công bố gần nhất. 5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.	Phù hợp với Điều 86 Luật Hải quan	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	đường hàng không, cửa khẩu xuất là cảng xếp hàng, nơi hàng hóa <i>xuất khẩu</i> được xếp lên phương tiện vận tải <i>tại cảng</i> ghi trên tờ khai hải quan; b.2) Đối với phương thức vận tải đường sắt, cửa khẩu xuất là địa điểm xếp hàng <i>nơi hàng hóa xuất khẩu được xếp lên phương tiện vận tải</i> tại cửa khẩu đường sắt liên vận quốc tế ghi trên tờ khai hải quan; b.3) Đối với phương thức vận tải đường bộ, đường thủy nội địa, cửa khẩu xuất là cửa khẩu biên giới nơi xuất khẩu hàng hóa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam ghi trên hợp đồng mua bán hàng hóa hoặc các chứng từ khác có liên quan; <i>Trường hợp hàng hóa xuất khẩu vào khu phi thuế quan, cửa khẩu xuất là địa điểm ngăn cách giữa khu phi thuế quan và khu vực khác trong nội địa Việt Nam.</i> 2. Đối với hàng hoá nhập khẩu: a) Trị giá hải quan của hàng hóa nhập khẩu là giá thực tế phải trả tính đến cửa khẩu nhập đầu tiên, <i>được xác định theo trình tự các phương pháp sau:</i> a.1) <i>Phương pháp trị giá giao dịch của hàng hóa nhập khẩu;</i> a.2) <i>Phương pháp trị giá giao dịch của hàng hoá nhập khẩu giống hệt;</i> a.3) <i>Phương pháp trị giá giao dịch của hàng hoá nhập khẩu tương tự;</i> a.4) <i>Phương pháp trị giá khấu trừ;</i> a.5) <i>Phương pháp trị giá tính toán;</i> a.6) <i>Phương pháp suy luận.</i> <i>Trường hợp người khai hải quan đề nghị bằng văn bản thì trình tự áp dụng phương pháp trị giá khấu trừ và phương pháp trị giá tính toán có thể hoán đổi cho nhau.</i>			

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	b) Cửa khẩu nhập đầu tiên được xác định như sau: b.1) Đối với phương thức vận tải đường biển, đường hàng không, cửa khẩu nhập đầu tiên là cảng dỡ hàng <i>hàng hóa nhập khẩu</i> ghi trên vận đơn; b.2) Đối với phương thức vận tải đường sắt, cửa khẩu nhập đầu tiên là ga đường sắt liên vận quốc tế ghi trên tờ khai hải quan; b.3) Đối với phương thức vận tải đường bộ, đường thủy nội địa, cửa khẩu nhập đầu tiên là cửa khẩu biên giới nơi hàng hóa nhập khẩu đi vào lãnh thổ Việt Nam ghi trên tờ khai hải quan; <i>Trường hợp hàng hóa nhập khẩu từ khu phi thuế quan vào nội địa Việt Nam, cửa khẩu nhập đầu tiên là địa điểm ngăn cách giữa khu phi thuế quan và khu vực khác trong nội địa Việt Nam.</i>			
14.	15. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau: Điều 21. Kiểm tra, xác định trị giá hải quan 1. Việc kiểm tra, xác định trị giá hải quan căn cứ trên hồ sơ hải quan, các chứng từ tài liệu có liên quan, thực tế hàng hóa. 2. Trường hợp đủ cơ sở bác bỏ trị giá khai báo, cơ quan hải quan thông báo, đề nghị người khai hải quan thực hiện khai bổ sung trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo và giải phóng hàng theo quy định. Nếu người khai hải quan khai bổ sung trong thời hạn nêu trên thì cơ quan hải quan thông quan hàng hóa theo quy định. Quá thời hạn mà người khai hải quan không khai bổ sung thì cơ quan hải quan thực hiện xác định trị giá, ấn định thuế theo quy định của Luật quản lý thuế để thông quan hàng hóa theo quy định.	- Kế thừa quy định hiện hành tại Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 59/2018/NĐ-CP. - Điều 86 Luật Hải quan quy định về trị giá hải quan. - Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 Điều 52. Ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 1. Cơ quan hải quan ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong các trường hợp sau đây: a) Người khai thuế dựa vào các tài liệu không hợp pháp để khai thuế, tính thuế; không khai thuế hoặc kê khai không chính xác, đầy đủ nội dung liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế; b) Quá thời hạn quy định mà người khai thuế	Nội dung dự thảo phù hợp với quy định của Điều 86 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 và Điều 52 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	3. Trường hợp nghi vấn về trị giá khai báo, cơ quan hải quan thông báo cơ sở nghi vấn, mức giá, phương pháp do cơ quan hải quan dự kiến xác định và giải phóng hàng hóa theo quy định, người khai hải quan thực hiện tham vấn với cơ quan hải quan nhằm làm rõ về tính chính xác của trị giá khai báo. a) Trường hợp người khai hải quan đồng ý với mức giá, phương pháp do cơ quan hải quan dự kiến xác định thì thực hiện khai bổ sung theo quy định trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày đến cơ quan hải quan thực hiện tham vấn, cơ quan hải quan thông quan hàng hóa theo quy định. Trường hợp người khai hải quan không khai bổ sung trong thời hạn nêu trên thì cơ quan hải quan thực hiện xác định trị giá, ấn định thuế theo quy định của Luật quản lý thuế để thông quan hàng hóa theo quy định. b) Trường hợp bác bỏ trị giá khai báo, cơ quan hải quan đề nghị người khai hải quan khai bổ sung trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tham vấn. Nếu người khai hải quan khai bổ sung trong thời hạn nêu trên thì cơ quan hải quan thông quan hàng hóa theo quy định. Quá thời hạn mà người khai hải quan không khai bổ sung thì cơ quan hải quan thực hiện xác định trị giá, ấn định thuế theo quy định của Luật quản lý thuế để thông quan hàng hóa theo quy định. c) Trường hợp chưa đủ cơ sở bác bỏ trị giá khai báo, cơ quan hải quan thông quan hàng hóa theo trị giá khai báo. 4. Trường hợp không thuộc khoản 2, 3 Điều này, cơ quan hải quan chấp nhận trị giá khai báo để thông	không cung cấp, từ chối hoặc trì hoãn, kéo dài việc cung cấp hồ sơ, sổ kế toán, tài liệu, chứng từ, dữ liệu, số liệu liên quan đến việc xác định chính xác số tiền thuế phải nộp theo quy định; c) Người khai thuế không chứng minh, giải trình hoặc quá thời hạn quy định mà không giải trình được các nội dung liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật; không chấp hành quyết định kiểm tra, thanh tra của cơ quan hải quan; d) Người khai thuế không phản ánh hoặc phản ánh không đầy đủ, trung thực, chính xác số liệu trên sổ kế toán để xác định nghĩa vụ thuế; đ) Cơ quan hải quan có đủ bằng chứng, căn cứ xác định về việc khai báo trị giá không đúng với trị giá giao dịch thực tế; e) Giao dịch được thực hiện không đúng với bản chất kinh tế, không đúng thực tế phát sinh, ảnh hưởng đến số tiền thuế phải nộp; g) Người khai thuế không tự tính được số tiền thuế phải nộp; h) Trường hợp khác do cơ quan hải quan hoặc cơ quan khác phát hiện việc kê khai, tính thuế không đúng với quy định của pháp luật. 2. Cơ quan hải quan căn cứ hàng hóa thực tế xuất khẩu, nhập khẩu; căn cứ tính thuế, phương pháp tính thuế; cơ sở dữ liệu của cơ quan quản lý thuế và cơ sở dữ liệu thương mại; hồ sơ khai báo hải quan; tài liệu và các thông tin khác có liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để ấn định số tiền thuế phải nộp.		

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	quan hàng hóa theo quy định. 5. Tỷ giá giữa đồng Việt Nam với đồng tiền nước ngoài dùng để xác định trị giá tính thuế là tỷ giá ngoại tệ mua vào theo hình thức chuyển khoản của Hội sở chính Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm cuối ngày của ngày thứ năm tuần trước liền kề hoặc là tỷ giá cuối ngày của ngày làm việc liền trước ngày thứ năm trong trường hợp ngày thứ năm là ngày lễ, ngày nghỉ. Tỷ giá này được sử dụng để xác định tỷ giá tính thuế cho các tờ khai hải quan đăng ký trong tuần. Đối với các ngoại tệ không được Hội sở chính Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố tỷ giá thì xác định theo tỷ giá tính chéo giữa đồng Việt Nam với một số ngoại tệ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố. Đối với các ngoại tệ chưa được công bố tỷ giá tính chéo thì xác định theo nguyên tắc tính chéo giữa tỷ giá đô la Mỹ (USD) với đồng Việt Nam và tỷ giá giữa đồng đô la Mỹ với các ngoại tệ đó do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố. Tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố là tỷ giá được đưa tin mới nhất trên trang điện tử của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 6. <i>Bộ trưởng</i> Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.”	3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.		
16.	17. Bổ sung Điều 22a như sau: “Điều 22a. Trị giá hải quan sử dụng cho mục đích thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 1. Trị giá hải quan sử dụng cho mục đích thống kê được xây dựng theo nguyên tắc và phương pháp quy định tại Điều 20 Nghị định này, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.	- Điều 12 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 quy định Hải quan Việt Nam có nhiệm vụ “thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan” - Điều 14 Luật Thống kê quy định Hệ thống thông tin thống kê bộ, ngành nên phù hợp với Luật Thống	Việc kế thừa Khoản 10 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP về bổ sung Điều 22a Nghị định số 08/2015/NĐ-CP phù hợp với quy định tại Luật Hải quan, Luật Thống kê,	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	2. Đối với các trường hợp sau, trị giá hải quan sử dụng cho mục đích thống kê dựa trên cơ sở khai báo của người khai hải quan theo nguyên tắc: a) Hàng hóa sau khi thuê gia công ở nước ngoài nhập khẩu vào Việt Nam: là trị giá hàng hóa tính đến cửa khẩu nhập đầu tiên trong đó bao gồm toàn bộ trị giá cấu thành của sản phẩm, bao gồm trị giá nguyên vật liệu cấu thành nên sản phẩm, giá gia công sản phẩm và các chi phí khác (nếu có) liên quan đến việc xác định giá thành sản phẩm; b) Hàng hóa xuất khẩu là sản phẩm gia công cho nước ngoài: là trị giá hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất trong đó bao gồm toàn bộ trị giá cấu thành của sản phẩm bao gồm trị giá nguyên vật liệu cấu thành nên sản phẩm, giá gia công sản phẩm và các chi phí khác (nếu có) liên quan đến việc xác định giá thành sản phẩm; c) Hàng hóa theo hợp đồng thuê tài chính: là toàn bộ trị giá của hàng hóa, loại trừ các dịch vụ cung cấp kèm theo hợp đồng thuê tài chính. 3. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể việc thu thập, xử lý, sử dụng và lưu trữ thông tin về trị giá hải quan sử dụng cho mục đích thống kê.”	kê. - Khoản 10 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 08/2015/NĐ-CP quy định: “Điều 22a. Trị giá hải quan sử dụng cho mục đích thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu”. - Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ về Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia đang bỏ quy định thống kê hàng hóa xuất khẩu theo điều kiện FOB và tương đương, nhập khẩu theo điều kiện CIF và tương đương nên dự thảo Điều 22a phù hợp với Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 60/2018/NĐ-CP nêu trên.	Nghị định số 59/2018/NĐ-CP; dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 60/2018/NĐ-CP của Chính phủ.	
18.	19. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 và 7 Điều 24 như sau: “2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan: a) Nộp đủ hồ sơ đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan đến Cục Hải quan trong thời hạn ít nhất 60 ngày trước khi xuất khẩu, nhập khẩu lô hàng; b) Tham gia đối thoại với cơ quan hải quan nhằm làm rõ nội dung đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị	Luật Hải quan: Điều 28. Xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan 1. Trong trường hợp người khai hải quan đề nghị cơ quan hải quan xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan đối với hàng hóa dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu, người khai hải quan cung cấp thông tin, chứng từ liên quan, mẫu hàng hóa dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu cho cơ quan hải quan để cơ quan	Nội dung dự thảo phù hợp với các quy định hiện hành.	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	giá hải quan theo đề nghị của cơ quan hải quan; c) Thông báo bằng văn bản cho Cục Hải quan trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi nào liên quan đến hàng hóa đã đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan, trong đó nêu rõ nội dung, lý do, ngày, tháng, năm có sự thay đổi. 3. Trách nhiệm của Cục Hải quan: a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, Cục Hải quan có văn bản từ chối xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan gửi tổ chức, cá nhân đối với trường hợp không đủ điều kiện, hồ sơ xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan hoặc hàng hóa nêu tại đơn đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá đang chờ kết quả xử lý của cơ quan quản lý nhà nước hoặc hàng hóa nêu tại đơn đề nghị xác định trước mã số đã có văn bản hướng dẫn về mã số của cơ quan quản lý nhà nước; b) Cục trưởng Cục Hải quan ban hành văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ (đối với trường hợp thông thường) hoặc 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (đối với trường hợp phức tạp cần xác minh, làm rõ). Văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan được gửi cho tổ chức, cá nhân, đồng thời cập nhật vào cơ sở dữ liệu của cơ quan hải quan và công khai trên trang điện tử của Cục Hải quan. 7. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hồ sơ xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan và các trường hợp đang chờ kết quả xử lý của cơ quan quản lý nhà nước.”	hải quan xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan. Trường hợp không thể cung cấp mẫu hàng hóa dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu, người khai hải quan phải cung cấp tài liệu kỹ thuật liên quan đến hàng hóa đó. 2. Cơ quan hải quan căn cứ quy định của pháp luật về phân loại hàng hóa, xuất xứ, trị giá hải quan và các thông tin, chứng từ liên quan do người khai hải quan cung cấp để xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan và có văn bản thông báo cho người khai hải quan biết kết quả xác định trước. Trường hợp không đủ cơ sở hoặc thông tin để xác định theo yêu cầu của người khai hải quan, cơ quan hải quan thông báo cho người khai hải quan hoặc đề nghị bổ sung thông tin, chứng từ liên quan. 3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày có văn bản thông báo kết quả xác định trước, nếu người khai hải quan không đồng ý với kết quả xác định trước thì có quyền yêu cầu cơ quan hải quan xem xét lại kết quả xác định trước. Cơ quan hải quan có trách nhiệm xem xét và trả lời kết quả cho người khai hải quan trong thời hạn quy định. 4. Văn bản thông báo kết quả xác định trước có giá trị pháp lý để cơ quan hải quan làm thủ tục hải quan khi hàng hóa thực xuất khẩu, nhập khẩu phù hợp với thông tin, chứng từ liên quan, mẫu hàng hóa mà người khai hải quan đã cung cấp. 5. Chính phủ quy định chi tiết điều kiện, thủ tục, thời hạn xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan; thời hạn giải quyết yêu cầu xem xét lại kết		

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		quả xác định trước; thời hạn hiệu lực của văn bản xác định trước quy định tại Điều này. - Kế thừa quy định tại Nghị định số 59/2018/NĐ-CP. - Sửa đổi tên gọi, chức danh theo cơ cấu tổ chức bộ máy mới của cơ quan hải quan.		
20.	Sửa đổi, bổ sung các khoản 2, 3, 4, 5 và 10 Điều 25 như sau: Điều 25. Khai hải quan “2. Các trường hợp sau đây người khai hải quan được lựa chọn khai theo phương thức điện tử hoặc khai trên tờ khai hải quan giấy: <i>a) Hành lý vượt định mức miễn thuế;</i> <i>b) Hàng xuất khẩu, nhập khẩu, tạm xuất, tái nhập phục vụ an ninh quốc phòng;</i> <i>c) Hàng hóa của cá nhân được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ;</i> <i>d) Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, hệ thống khai hải quan điện tử không thực hiện được các giao dịch điện tử với nhau mà nguyên nhân có thể do một hoặc cả hai hệ thống hoặc do nguyên nhân khác.</i> Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan không thực hiện được thủ tục hải quan điện tử, cơ quan hải quan có trách nhiệm thông báo trên trang thông tin điện tử hải quan chậm nhất 01 giờ kể từ thời điểm không thực hiện được các giao dịch điện tử. Trường hợp hệ thống khai hải quan điện tử của người khai hải quan không thực hiện được thủ tục hải quan điện tử, người khai hải quan <i>lựa chọn thực hiện</i>	- Điều 29 Luật Hải quan quy định: 1. Người khai hải quan phải khai đầy đủ, chính xác, rõ ràng các tiêu chí thông tin tờ khai hải quan. 2. Khai hải quan được thực hiện theo phương thức điện tử, trừ trường hợp người khai hải quan được khai trên tờ khai hải quan giấy theo quy định của Chính phủ. - Kế thừa quy định tại Nghị định 59/2018/NĐ-CP.	Đảm bảo phù hợp quy định tại Luật Hải quan.	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<i>khai hải quan điện tử thông qua đại lý làm thủ tục hải quan hoặc có văn bản đề nghị khai hải quan trên tờ khai hải quan giấy gửi</i> Chi cục Hải quan <i>khu vực</i> nơi dự kiến làm thủ tục hải quan, trong đó nêu rõ tên và nguyên nhân sự cố, thời hạn dự kiến khắc phục sự cố và phương thức thực hiện thủ tục khai hải quan trong thời gian hệ thống khai hải quan điện tử của người khai hải quan gặp sự cố; <i>đ)</i> Hàng hóa khác theo quy định của <i>Bộ trưởng</i> Bộ Tài chính.			
	3. Người khai hải quan phải khai đầy đủ, chính xác, trung thực, rõ ràng các tiêu chí trên tờ khai hải quan, tự tính để xác định số thuế, các khoản thu khác phải nộp ngân sách nhà nước và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã khai. Trường hợp hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện phải có giấy phép của cơ quan quản lý chuyên ngành thì phải có giấy phép trước khi đăng ký tờ khai hải quan và phải khai đầy đủ thông tin giấy phép trên tờ khai hải quan theo hướng dẫn của <i>Bộ trưởng</i> Bộ Tài chính. Khi kiểm tra hồ sơ cơ quan hải quan đủ cơ sở xác định hàng hóa thuộc diện phải có giấy phép mà không có giấy phép tại thời điểm đăng ký tờ khai thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.	- Luật Hải quan quy định: Điều 29 Luật Hải quan quy định: 1. Người khai hải quan phải khai đầy đủ, chính xác, rõ ràng các tiêu chí thông tin tờ khai hải quan. 2. Khai hải quan được thực hiện theo phương thức điện tử, trừ trường hợp người khai hải quan được khai trên tờ khai hải quan giấy theo quy định của Chính phủ. 3. Tờ khai hải quan đã đăng ký có giá trị làm thủ tục hải quan. Chính sách quản lý hàng hóa, chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được áp dụng tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan, trừ trường hợp pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu có quy định khác. - Kế thừa nội dung tại Nghị định số 59/2018/NĐ-CP; - Bổ sung trách nhiệm của doanh nghiệp phải khai đầy đủ theo quy định liên quan đến thông tin đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện để làm căn cứ cho cơ quan Hải quan quyết	Đề phù hợp với quy định tại Luật Hải quan.	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		định kiểm tra, phù hợp với Đề án chuyên ngành theo Quyết định 38 của Thủ tướng Chính phủ hiện đang xây dựng.		
	4. Khi khai hải quan, người khai hải quan thực hiện: a) Tạo thông tin khai tờ khai hải quan trên Hệ thống khai hải quan điện tử; <i>b) Nộp tờ khai hải quan và các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan dưới dạng dữ liệu điện tử hoặc dữ liệu số hóa đến cơ quan Hải quan thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.</i> <i>Trường hợp các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan đã có trên Cổng thông tin một cửa quốc gia thì người khai hải quan không phải nộp cho cơ quan hải quan. Trường hợp phải nộp bản chính chứng từ thuộc hồ sơ hải quan thì người khai hải quan phải nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính cho cơ quan hải quan;</i> c) Tiếp nhận thông tin phản hồi và thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan Hải quan. Đối với khai hải quan trên tờ khai hải quan giấy, người khai hải quan khai đầy đủ các tiêu chí trên tờ khai hải quan, ký tên, đóng dấu (trừ trường hợp người khai hải quan là cá nhân) trên tờ khai <i>hải quan</i> và nộp <i>các chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan</i> cho cơ quan hải quan.	- Luật Hải quan quy định: Điều 21. Thủ tục hải quan 1. Khi làm thủ tục hải quan, người khai hải quan có trách nhiệm: a) Khai và nộp tờ khai hải quan; nộp hoặc xuất trình chứng từ thuộc hồ sơ hải quan theo quy định tại Điều 24 của Luật này; b) Đưa hàng hóa, phương tiện vận tải đến địa điểm được quy định để kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải; c) Nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật về thuế, phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan. 2. Khi làm thủ tục hải quan, cơ quan hải quan, công chức hải quan có trách nhiệm: a) Tiếp nhận và đăng ký hồ sơ hải quan; b) Kiểm tra hồ sơ hải quan và kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải; c) Tổ chức thu thuế và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật về thuế, phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan; d) Quyết định việc thông quan hàng hóa, giải phóng hàng hóa, xác nhận phương tiện vận tải đã hoàn thành thủ tục hải quan. - Sửa đổi, bổ sung để đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 21 Luật Hải quan liên quan đến việc người khai hải quan trách nhiệm khai và nộp tờ khai	Đảm bảo phù hợp với quy định tại Luật Hải quan và hướng tới mô hình hải quan thông minh, hải quan số.	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		hải quan; nộp hoặc xuất trình chứng từ thuộc hồ sơ hải quan. Ngoài ra, theo quy định, người khai hải quan phải nộp bản chính một số chứng từ thuộc hồ sơ hải quan, do vậy, chứng từ này phải nộp trực tiếp cho cơ quan hải quan; tuy nhiên, để tạo thuận lợi cho người khai hải quan trong một số tình huống khẩn cấp như dịch bệnh Covid 19 hiện nay, cho phép người khai hải quan gửi các chứng từ bản chính qua đường bưu chính.		
	5. <i>Người khai hải quan</i> phải khai tờ khai hải quan mới trong các trường hợp sau: a) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế bảo vệ môi trường hoặc miễn thuế hoặc áp dụng thuế suất, mức thuế tuyệt đối theo hạn ngạch thuế quan và đã được giải phóng hàng hoặc thông quan nhưng sau đó có thay đổi về đối tượng không chịu thuế hoặc mục đích được miễn thuế, áp dụng thuế suất, mức thuế tuyệt đối theo hạn ngạch thuế quan; b) Hàng hóa là nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu và hàng hóa tạm nhập, <i>tạm xuất</i> đã giải phóng hàng hoặc thông quan nhưng sau đó thay đổi mục đích sử dụng, chuyển tiêu thụ nội địa. Chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan mới trừ trường hợp đã thực hiện đầy đủ chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại thời điểm đăng ký tờ khai ban đầu.	- Kế thừa quy định tại Nghị định 59/2018/NĐ-CP - Bổ sung cụm từ “người khai hải quan” để đảm bảo câu rõ ràng, dễ thực hiện.	Phù hợp với quy định tại Luật Hải quan	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	10. <i>Bộ trưởng</i> Bộ Tài chính quy định chi tiết việc khai bổ sung, hủy tờ khai hải quan, đăng ký tờ khai hải quan một lần; khai tờ khai hải quan mới đối với hàng hóa thay đổi mục đích sử dụng, chuyển tiêu thụ nội địa và xử lý trong trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan hoặc hệ thống khai hải quan điện tử gặp sự cố.”	- Kế thừa quy định tại Nghị định 59/2018/NĐ-CP. - Bổ sung “ <i>Bộ trưởng</i> ” để phù hợp với quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể Bộ trưởng Bộ Tài chính được giao ban hành Thông tư.	Phù hợp với quy định tại Luật Hải quan, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	
21.	Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 26 như sau: Điều 26. Tiếp nhận, kiểm tra, đăng ký, xử lý tờ khai hải quan “4. Tổng Cục trưởng Tổng Cục Hải quan căn cứ tiêu chí phân loại mức độ rủi ro do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định để quyết định kiểm tra hải quan và thông báo trên Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan theo một trong những hình thức dưới đây: a) Chấp nhận thông tin khai Tờ khai hải quan để quyết định thông quan hàng hóa; b) Kiểm tra các chứng từ liên quan thuộc hồ sơ hải quan do người khai hải quan nộp, xuất trình hoặc các chứng từ có liên quan trên cổng thông tin một cửa quốc gia để quyết định việc thông quan hàng hóa hoặc kiểm tra thực tế hàng hóa để quyết định thông quan. <i>Bộ trưởng</i> Bộ Tài chính quy định cụ thể thời điểm thông báo việc kiểm tra hải quan trên Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.”	- Điều 31 Luật Hải quan quy định căn cứ, thẩm quyền quyết định kiểm tra hải quan Căn cứ kết quả phân tích, đánh giá rủi ro và các thông tin có liên quan đến hàng hóa, thủ trưởng cơ quan hải quan nơi xử lý hồ sơ hải quan quyết định kiểm tra hồ sơ hải quan, kiểm tra thực tế hàng hóa. - Kế thừa nội dung tại khoản 4 Điều 26 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 - Bổ sung “ <i>Bộ trưởng</i> ” để phù hợp với quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể Bộ trưởng Bộ Tài chính được giao ban hành Thông tư.	Phù hợp với quy định tại Luật Hải quan, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	
22.	“Điều 28. Kiểm tra hải quan trong quá trình lưu giữ, xếp dỡ hàng hóa trong địa bàn hoạt động hải quan tại cửa khẩu, cảng biển, cảng hàng không 1. Căn cứ kết quả phân tích thông tin quản lý rủi ro, cơ quan hải quan quyết định việc kiểm tra thực tế hàng	- Điều 34, 34 Luật Hải quan quy định: Điều 33. Kiểm tra thực tế hàng hóa 1. Hàng hóa thuộc một trong các trường hợp sau đây được miễn kiểm tra thực tế: a) Hàng hóa phục vụ yêu cầu khẩn cấp;	Phù hợp với quy định của Luật Hải quan và thực tiễn, đảm bảo cơ sở pháp lý để thúc đẩy công tác kiểm tra, giám sát tại cảng,	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	hóa thông qua máy soi, thiết bị kỹ thuật khác. 2. Doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi có trách nhiệm bố trí địa điểm lắp đặt máy soi, các thiết bị kỹ thuật khác và vận chuyển hàng hóa cần soi chiếu đến địa điểm kiểm tra theo yêu cầu của cơ quan hải quan, chịu các chi phí có liên quan. 3. Trường hợp kiểm tra hàng hóa qua máy soi, thiết bị kỹ thuật, cơ quan hải quan phát hiện lô hàng có nghi vấn cần phải kiểm tra thực tế hàng hóa bởi công chức hải quan, cơ quan hải quan thông báo cho doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi để phối hợp bố trí khu vực lưu giữ riêng.”	b) Hàng hóa chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh; c) Hàng hóa thuộc trường hợp đặc biệt khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ. 2. Hàng hóa quy định tại khoản 1 Điều này mà phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật phải được kiểm tra thực tế. 3. Hàng hóa không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này, việc kiểm tra thực tế được thực hiện trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro. 4. Hàng hóa là động vật, thực vật sống, khó bảo quản, hàng hóa đặc biệt khác được ưu tiên kiểm tra trước. 5. Việc kiểm tra thực tế hàng hóa do công chức hải quan thực hiện trực tiếp hoặc bằng máy móc, thiết bị kỹ thuật, các biện pháp nghiệp vụ khác. Việc kiểm tra thực tế hàng hóa phải có mặt của người khai hải quan hoặc người đại diện hợp pháp của họ sau khi đăng ký tờ khai hải quan và hàng hóa đã được đưa đến địa điểm kiểm tra, trừ trường hợp quy định tại Điều 34 của Luật này. 6. Việc kiểm tra thực tế hàng hóa tại địa điểm kiểm tra chung với nước láng giềng được thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên. 7. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc kiểm tra thực tế hàng hóa. Điều 34. Kiểm tra thực tế hàng hóa trong trường hợp vắng mặt người khai hải quan 1. Việc kiểm tra thực tế hàng hóa vắng mặt người khai hải quan do thủ trưởng cơ quan hải quan nơi lưu giữ hàng hóa quyết định và chịu trách nhiệm	cửa khẩu theo hướng giảm chi phí cho người khai hải quan.	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		trong các trường hợp sau đây: a) Để bảo vệ an ninh; b) Để bảo vệ vệ sinh, môi trường; c) Có dấu hiệu vi phạm pháp luật; d) Quá thời hạn 30 ngày kể từ ngày hàng hóa nhập khẩu đến cửa khẩu mà người khai hải quan không đến làm thủ tục hải quan; đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. 2. Việc kiểm tra thực tế hàng hóa vắng mặt người khai hải quan được tiến hành dưới các hình thức: a) Kiểm tra không xâm nhập qua máy soi; b) Kiểm tra bằng thiết bị kỹ thuật, các biện pháp nghiệp vụ khác của cơ quan hải quan; c) Mở hàng hóa để kiểm tra trực tiếp với sự chứng kiến của đại diện cơ quan nhà nước tại khu vực cửa khẩu, đại diện doanh nghiệp vận tải, doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi. Việc kiểm tra phải được lập thành văn bản có chữ ký của các bên liên quan. - Lý do bổ sung từ “lưu giữ”, “cửa khẩu” tại tên Điều 28: hàng hóa trong quá trình “lưu giữ” trong địa bàn hoạt động hải quan khi có dấu hiệu vi phạm thì cũng thuộc trường hợp kiểm tra theo quy định tại Điều 28; vì vậy, cần bổ sung nội dung “lưu giữ” như dự thảo để đảm bảo cơ sở pháp lý thực hiện. Đồng thời, để bao quát cả trường hợp kiểm tra hàng hóa tại “cửa khẩu” đường bộ thực tế hiện đang thực hiện. - Lý do bổ nội dung “bản khai hàng hóa nhập khẩu ...” tại khoản 1 Điều 28: Thực tế, nguồn thông tin để đánh giá rủi ro không chỉ tại bản khai hàng hóa		

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		nhập khẩu mà còn từ nhiều nguồn khác như từ tờ khai hải quan, thông tin về hoạt động xnk của DN nên đề xuất bỏ nội dung trên. - Lý do sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 28: Điều 28 chưa đủ cơ sở pháp lý để yêu cầu DN kinh doanh cảng, kho bãi phối hợp với cơ quan Hải quan trong vận chuyển hàng hóa có dấu hiệu vi phạm để kiểm tra qua máy soi khi vắng mặt người khai hải quan. Vì vậy, để đảm bảo hiệu quả quản lý nhà nước về hải quan trong điều kiện lưu lượng hàng hoá tăng nhanh nhưng nguồn nhân lực hạn chế, thông qua tăng cường phân tích thông tin rủi ro, sử dụng trang thiết bị, đặc biệt là máy soi để thực hiện việc kiểm tra hàng hoá trong quá trình xếp dỡ với mục đích giảm thời gian thông quan cho doanh nghiệp nhưng vẫn đảm bảo công tác quản lý thì cần thiết bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 28 như dự thảo về trách nhiệm đảm bảo các điều kiện cần thiết cho hoạt động kiểm tra của cơ quan hải quan trong đó có hoạt động “<i>vận chuyển hàng hóa cần soi chiếu đến địa điểm kiểm tra theo yêu cầu của cơ quan hải quan</i>” của doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, cảng.		
23.	Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 29 như sau: “5. Trường hợp bằng các máy móc, thiết bị kỹ thuật hiện có do cơ quan hải quan trang bị tại Chi cục Hải quan, địa điểm kiểm tra hải quan, công chức hải quan kiểm tra thực tế hàng hóa không đủ cơ sở để xác định tính chính xác đối với nội dung khai của người khai hải quan về tên hàng, mã số, chủng loại, chất lượng, khối lượng, trọng lượng thì yêu cầu cơ quan kiểm định hải quan thực hiện việc phân tích phân loại hoặc giám định để xác định	- Luật Hải quan quy định: Điều 19. Nhiệm vụ và quyền hạn của công chức hải quan 4. Lấy mẫu hàng hóa với sự có mặt của người khai hải quan để cơ quan hải quan phân tích hoặc trưng cầu giám định phục vụ kiểm tra hải quan. Điều 26. Phân loại hàng hóa 5. Khi tiến hành kiểm tra hải quan, cơ quan hải quan xác định mã số hàng hóa căn cứ hồ sơ hải	Phù hợp với quy định tại Luật Hải quan.	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	các nội dung trên, như sau: <i>a) Trường hợp hàng hoá thuộc Danh mục hàng hoá tiếp nhận thực hiện tại cơ quan kiểm định hải quan: Hải quan nơi kiểm tra thực tế hàng hóa đề nghị cơ quan kiểm định hải quan thực hiện phân tích phân loại; kiểm tra, đánh giá tiêu chí kỹ thuật của hàng hoá bằng máy móc, trang thiết bị để xác định các nội dung trên và căn cứ kết quả của cơ quan kiểm định hải quan để quyết định việc thông quan hàng hoá.</i> <i>Cục Hải quan thông báo Danh mục hàng hoá tiếp nhận thực hiện tại cơ quan kiểm định hải quan.</i> <i>b) Trường hợp hàng hoá không thuộc Danh mục hàng hoá tiếp nhận thực hiện tại cơ quan kiểm định hải quan: Hải quan nơi kiểm tra thực tế hàng hóa trung cầu giám định của tổ chức giám định theo quy định của pháp luật và căn cứ kết quả giám định để quyết định việc thông quan hàng hóa.</i> Trường hợp cơ quan hải quan không đủ điều kiện để xác định tính chính xác đối với nội dung khai của người khai hải quan thì cơ quan hải quan trung cầu giám định của tổ chức giám định theo quy định của pháp luật và căn cứ kết quả giám định để quyết định việc thông quan hàng hóa.”	quan, kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa hoặc kết quả phân tích, giám định hàng hóa. Trong trường hợp không chấp nhận mã số hàng hóa do người khai hải quan khai, cơ quan hải quan có quyền lấy mẫu hàng hóa với sự chứng kiến của người khai hải quan để phân tích, trung cầu giám định và quyết định mã số đối với hàng hóa đó; nếu người khai hải quan không đồng ý với kết quả phân loại của cơ quan hải quan thì có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật. - Điều 37. Thông quan hàng hóa 4. Đối với hàng hóa phải kiểm tra, phân tích, giám định để xác định có đủ điều kiện được xuất khẩu, nhập khẩu, cơ quan hải quan chỉ thực hiện thông quan hàng hóa sau khi xác định hàng hóa được xuất khẩu, nhập khẩu trên cơ sở kết luận kiểm tra, phân tích, giám định hoặc thông báo miễn kiểm tra của cơ quan kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật. - Kế thừa quy định tại Nghị định 59/2018/NĐ-CP.		
24.	Điều 31. Thu, nộp phí, lệ phí làm thủ tục hải quan 1. Người khai hải quan phải nộp phí, lệ phí làm thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về phí, và lệ phí. 2. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết về thủ tục và hình thức thu, nộp phí, lệ phí hải quan.”	Bãi bỏ để đảm bảo quy định thống nhất về phí, lệ phí hải quan vì đây là nội dung không được giao quy định tại Nghị định; mặt khác phí, lệ phí hải quan đã được quy định tại Thông tư số 14/2021/TT-BTC của Bộ theo thẩm quyền được giao tại Luật Phí và lệ phí.	Đảm bảo quy định thống nhất về phí, lệ phí hải quan vì đây là nội dung không được giao quy định tại Nghị định; mặt khác phí, lệ phí hải quan đã được quy định tại Thông tư số 14/2021/TT-BTC của Bộ	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
			theo thẩm quyền được giao tại Luật Phí và lệ phí.	
25.	Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 32 như sau: “1. Giải phóng hàng hóa được thực hiện theo quy định tại Điều 36 Luật Hải quan. Các trường hợp được giải phóng hàng bao gồm: a) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phải thực hiện việc phân tích, phân loại hoặc giám định để xác định mã số hàng hóa, số lượng, trọng lượng, khối lượng của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và người khai hải quan đã nộp thuế hoặc được tổ chức tín dụng bảo lãnh số thuế trên cơ sở tự kê khai, tính thuế của người khai hải quan. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cũng được xem thuộc trường hợp phải thực hiện việc phân tích, phân loại hoặc giám định để xác định mã số hàng hóa mà không phải lấy mẫu để phân tích, phân loại hoặc giám định khi có cùng tên hàng, thành phần, cấu tạo, tính chất lý hóa, tính năng, công dụng, quy cách đóng gói, cùng nhà sản xuất với hàng hóa trước đó đã được lấy mẫu, đang chờ kết quả phân tích, phân loại hoặc giám định của cùng người khai hải quan; b) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu chưa có giá chính thức tại thời điểm đăng ký tờ khai và người khai hải quan đã nộp thuế hoặc được tổ chức tín dụng bảo lãnh số thuế trên cơ sở giá do người khai hải quan tạm tính; c) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định này và người khai hải quan đã nộp thuế hoặc được tổ chức tín dụng bảo lãnh số thuế trên cơ sở tự kê khai, tính thuế của người khai hải quan; d) Người khai hải quan chưa có đủ thông tin, tài liệu để xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất	Điều 36 Luật Hải quan quy định về giải phóng hàng hóa như sau: <i>1. Giải phóng hàng hóa là việc cơ quan hải quan cho phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa khi đáp ứng đủ điều kiện sau đây:</i> <i>a) Hàng hóa đủ điều kiện để được xuất khẩu, nhập khẩu nhưng chưa xác định được số thuế chính thức phải nộp;</i> <i>b) Người khai hải quan đã nộp thuế hoặc được tổ chức tín dụng bảo lãnh số thuế trên cơ sở tự kê khai, tính thuế của người khai hải quan.</i> <i>2. Thời hạn xác định số thuế chính thức phải nộp không quá 30 ngày kể từ ngày giải phóng hàng hóa; trường hợp hàng hóa cần phải giám định thì thời hạn này tính từ ngày nhận được kết quả giám định.</i> <i>3. Trường hợp người khai hải quan không đồng ý với việc xác định số thuế phải nộp của cơ quan hải quan thì được quyền khiếu nại. Việc khiếu nại, giải quyết khiếu nại được thực hiện theo quy định của Luật khiếu nại.</i>	Nội dung dự thảo phù hợp quy định của Điều 36 Luật Hải quan về giải phóng hàng hóa	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	khẩu, nhập khẩu thì được giải phóng hàng hóa nếu được tổ chức tín dụng bảo lãnh số thuế trên cơ sở trị giá hải quan do cơ quan hải quan xác định.”			
26.	Sửa đổi, bổ sung tên Điều và khoản 1, khoản 2 Điều 33: “Điều 33. Trách nhiệm và quan hệ phối hợp của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại cửa khẩu trong việc kiểm tra hàng hóa, phương tiện vận tải tại cửa khẩu 1. Đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh thuộc đối tượng phải kiểm dịch thì phải thực hiện việc kiểm dịch tại cửa khẩu trước khi hoàn thành thủ tục hải quan trừ trường hợp pháp luật về kiểm dịch cho phép đưa hàng hóa về các địa điểm để kiểm dịch trong nội địa. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh thuộc đối tượng kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm thì việc kiểm tra thực hiện theo quy định của pháp luật về kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm, cơ quan hải quan căn cứ vào kết luận của cơ quan quản lý chuyên ngành, cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành hoặc căn cứ vào chứng từ khác theo quy định của pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành để quyết định việc thông quan. Các cơ quan quản lý chuyên ngành, cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành có trách nhiệm phối hợp thực hiện kiểm tra đồng thời đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh tại cửa khẩu hoặc các địa điểm kiểm tra hàng hóa, trừ trường hợp vì yêu cầu kỹ thuật, chuyên môn phải đưa về các địa điểm kiểm tra chuyên ngành. 2. Phối hợp lấy mẫu, kiểm tra chuyên ngành:	- Luật Hải quan quy định: Điều 35. Trách nhiệm kiểm tra hàng hóa, phương tiện vận tải trong địa bàn hoạt động hải quan 1. Trong phạm vi địa bàn hoạt động hải quan, cơ quan hải quan chịu trách nhiệm kiểm tra hàng hóa, phương tiện vận tải. Trường hợp theo quy định của pháp luật phải kiểm tra chuyên ngành về chất lượng, y tế, văn hóa, kiểm dịch động vật, thực vật, an toàn thực phẩm đối với hàng hóa, phương tiện vận tải thì cơ quan hải quan căn cứ kết quả kiểm tra của cơ quan kiểm tra chuyên ngành để quyết định việc thông quan. 2. Hàng hóa thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành phải được lưu giữ tại cửa khẩu cho đến khi được thông quan. Trường hợp quy định của pháp luật cho phép đưa hàng hóa về địa điểm khác để tiến hành việc kiểm tra chuyên ngành hoặc chủ hàng hóa có yêu cầu đưa hàng hóa về bảo quản thì địa điểm lưu giữ phải đáp ứng điều kiện về giám sát hải quan và hàng hóa đó chịu sự giám sát của cơ quan hải quan cho đến khi được thông quan. Chủ hàng hóa chịu trách nhiệm bảo quản, lưu giữ hàng hóa tại địa điểm kiểm tra chuyên ngành hoặc địa điểm lưu giữ của chủ hàng hóa cho đến khi cơ quan hải quan quyết định thông quan. 3. Thời hạn kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa được thực hiện theo quy định của pháp luật có	Nội dung sửa đổi, bổ sung đảm bảo phù hợp với quy định tại Luật Hải quan, Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa, Nghị định số 85/2019/NĐ-CP.	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	a) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành, việc lấy mẫu thực hiện theo quy định của pháp luật về kiểm tra chuyên ngành; b) Cơ quan, <i>tổ chức</i> kiểm tra chuyên ngành trực tiếp thực hiện việc lấy mẫu hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại địa điểm do người khai hải quan thông báo; trường hợp lấy mẫu trong địa bàn hoạt động hải quan, cơ quan hải quan thực hiện giám sát việc lấy mẫu trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro; c) Trước khi lấy mẫu, người khai hải quan phải thông báo cho cơ quan hải quan và cơ quan kiểm tra chuyên ngành thời gian, địa điểm lấy mẫu. Người khai hải quan phải xuất trình hàng hóa để cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành hoặc cơ quan hải quan thực hiện việc lấy mẫu; d) Khi lấy mẫu phải có đại diện của người khai hải quan. Mẫu phải được niêm phong và lập Biên bản chứng nhận việc lấy mẫu có xác nhận của người khai hải quan và cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành; đ) <i>Cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành thực hiện kiểm tra, thông báo kết quả kiểm tra cho cơ quan hải quan và người khai hải quan trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kiểm tra.</i> <i>Trường hợp cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành chưa thực hiện kiểm tra, thông báo kết quả kiểm tra trên Cổng thông tin một cửa quốc gia thì cơ quan hải quan tiếp nhận bản chụp thông báo kết quả kiểm tra do người khai hải quan nộp thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.</i>	liên quan. Cơ quan kiểm tra chuyên ngành có trách nhiệm thông báo kết quả kiểm tra cho cơ quan hải quan trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kiểm tra. 4. Chi cục trưởng Chi cục Hải quan chủ trì, phối hợp với các cơ quan kiểm tra chuyên ngành tại cửa khẩu để bảo đảm thông quan nhanh chóng hàng hóa, phương tiện vận tải. Điều 7. Địa bàn hoạt động hải quan 1. Địa bàn hoạt động hải quan bao gồm: a) Khu vực cửa khẩu đường bộ, ga đường sắt liên vận quốc tế, cảng hàng không dân dụng quốc tế; cảng biển, cảng thủy nội địa có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; khu vực đang lưu giữ hàng hóa chịu sự giám sát hải quan, khu chế xuất, khu vực ưu đãi hải quan; các địa điểm làm thủ tục hải quan, kho ngoại quan, kho bảo thuế, bưu điện quốc tế, trụ sở người khai hải quan khi kiểm tra sau thông quan; các địa điểm kiểm tra hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong lãnh thổ hải quan; b) Khu vực, địa điểm khác đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, được phép xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ. 2. Trong địa bàn hoạt động hải quan, cơ quan hải quan chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát, kiểm soát đối với hàng hóa, phương tiện vận tải và xử lý vi phạm pháp luật về hải quan phù hợp với pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ		

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		nghĩa Việt Nam là thành viên. - Điều 32, 34 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa quy định: Điều 32. Điều kiện bảo đảm chất lượng hàng hóa xuất khẩu 1. Người xuất khẩu hàng hóa phải bảo đảm hàng hóa xuất khẩu phù hợp với quy định của nước nhập khẩu, hợp đồng hoặc điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế thừa nhận lẫn nhau về kết quả đánh giá sự phù hợp với nước, vùng lãnh thổ có liên quan. 2. Áp dụng các quy chuẩn kỹ thuật tương ứng trong quá trình sản xuất hoặc tự xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý nhằm bảo đảm chất lượng sản phẩm do mình sản xuất. Điều 34. Điều kiện bảo đảm chất lượng hàng hóa nhập khẩu 1. Hàng hóa nhập khẩu phải được công bố tiêu chuẩn áp dụng theo quy định tại Điều 23 của Luật này và ghi nhãn theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa. 2. Hàng hóa nhập khẩu thuộc nhóm 2 phải được công bố hợp quy, chứng nhận hợp quy theo quy chuẩn kỹ thuật tương ứng liên quan đến quá trình sản xuất, sản phẩm cuối cùng bởi tổ chức chứng nhận được chỉ định hoặc được thừa nhận theo quy định tại Điều 26 của Luật này. 3. Hàng hóa nhập khẩu thuộc nhóm 2 không đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều này khi nhập khẩu phải được tổ chức giám định được chỉ định hoặc được thừa nhận theo quy định tại Điều 26 của Luật này giám định tại cửa khẩu xuất hoặc cửa khẩu		

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		nhập. 4. Hàng hóa nhập khẩu thuộc nhóm 2 phải được kiểm tra chất lượng khi nhập khẩu theo nội dung quy định tại khoản 2 Điều 27, trình tự, thủ tục quy định tại Điều 35 của Luật này. - Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu: + Điều 13: Thực hiện thủ tục hành chính thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia 3. Trách nhiệm của cơ quan xử lý: a) Thực hiện thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật liên quan; b) Cơ quan xử lý gửi giấy phép hoặc kết quả xử lý đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia; c) Cơ quan hải quan quyết định thông quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh trên cơ sở giấy phép và kết quả xử lý của cơ quan xử lý được chuyển đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia. Điều 27. Phối hợp trong hoạt động kiểm tra chuyên ngành 5. Tổ chức đánh giá sự phù hợp nêu tại điểm c khoản 1 Điều 23, điểm c khoản 1 Điều 24 Nghị định này có trách nhiệm tiến hành hoạt động đánh giá sự phù hợp, thực hiện chế độ báo cáo theo quy định		

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		của pháp luật chuyên ngành; gửi kết quả đánh giá sự phù hợp đến người khai hải quan, cơ quan kiểm tra chuyên ngành và cơ quan hải quan thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia. Điều 28. Trao đổi thông tin để thực hiện thủ tục đối với tàu bay nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh tại cảng hàng không quốc tế 1. Việc thực hiện thủ tục, trao đổi, chia sẻ và khai thác thông tin đối với tàu bay nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh; thông tin trước về hành khách và hàng hóa tại các cảng hàng không quốc tế được thực hiện thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia. 2. Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế, Bộ Công an và Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm xây dựng và kết nối hệ thống với Cổng thông tin một cửa quốc gia để tiếp nhận, xử lý thông tin hoặc trực tiếp truy cập Cổng thông tin một cửa quốc gia để tiếp nhận, xử lý thông tin. Điều 32. Trao đổi thông tin để thực hiện thủ tục đối với tàu thuyền nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, đến, rời cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam Việc trao đổi thông tin và thực hiện thủ tục đối với tàu thuyền nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, đến, rời cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam được thực hiện thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia. Điều 35. Trao đổi thông tin để thực hiện thủ tục đối với phương tiện vận tải đường sắt, đường bộ		

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		Việc thực hiện thủ tục và trao đổi thông tin đối với phương tiện vận tải đường sắt, đường bộ xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh tại các cửa khẩu đường bộ, đường sắt được thực hiện thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.		
27.	Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 34 như sau: “a) Bố trí khu vực lưu giữ riêng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và hàng hóa nhập khẩu quá 90 ngày kể từ ngày đến cửa khẩu nhưng không có người đến nhận; hàng hóa vi phạm pháp luật hải quan.”	- Tại khoản 5, khoản 7 Điều 41 Luật Hải quan quy định trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi trong hoạt động giám sát hải quan:...5. Bảo quản, sắp xếp, lưu giữ nguyên trạng hàng hóa trong khu vực cảng, kho, bãi theo yêu cầu giám sát, quản lý của cơ quan hải quan....7. Thực hiện quyết định của cơ quan có thẩm quyền về xử lý hàng hóa vi phạm. - Tại khoản 1, khoản 5 Điều 58 Luật Hải quan quy định về kiểm tra, giám sát hải quan, xử lý hàng hoá tồn đọng: “1. Hàng hoá tồn đọng được lưu giữ tại khu vực cảng, kho, bãi thuộc địa bàn hoạt động hải quan bao gồm: a) Hàng hóa mà chủ hàng hoá tuyên bố từ bỏ hoặc thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ. Không thừa nhận việc chủ hàng hóa từ bỏ hoặc thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ đối với hàng hóa có dấu hiệu vi phạm pháp luật; b) Hàng hóa nhập khẩu quá 90 ngày kể từ ngày đến cửa khẩu nhưng không có người đến nhận; c) Hàng hóa do doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi thu gom trong quá trình xếp dỡ hàng hóa; d) Hàng hóa nhập khẩu ngoài vận đơn, bản khai hàng hóa nhưng không có người đến nhận. 2. Trường hợp cơ quan hải quan có căn cứ để xác định hàng hoá quy định tại khoản 1 Điều này là hàng hoá buôn lậu thì xử lý theo quy định của pháp luật...5. Doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho,	Phù hợp với Điều 41, Điều 58 Luật Hải quan; Nghị định 128/NĐ-CP, Nghị định số 138/2021/NĐ-CP	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		<i>bãi có trách nhiệm bố trí địa điểm cảng, kho, bãi đáp ứng điều kiện giám sát hải quan để lưu giữ hàng hóa tồn đọng</i>; phối hợp xử lý hàng hóa tồn đọng theo quy định tại khoản 6 Điều này. Căn cứ quy định nêu trên và thực tế thời gian qua, cơ quan hải quan phát hiện nhiều lô hàng vi phạm pháp luật hải quan trong đó gồm các lô hàng tạm giữ chờ xử lý vi phạm hoặc đã được xác lập quyền sở hữu toàn dân, tuy nhiên tại các khu vực cảng, kho bãi chưa có các khu vực lưu giữ, hoặc 1 số nơi có bố trí khu vực lưu giữ nhưng cơ quan hải quan phải chi trả các khoản chi phí đó, VD: Cục ĐTCBL thanh toán gần 50 tỷ tiền lưu giữ đối với các lô hàng vi phạm tại cảng Cát Lái, hơn 100 containers gỗ nhập khẩu qua Cảng Hải Phòng vi phạm Công ước CITES vi phạm phải lưu giữ tại Trường Hải quan Việt Nam ... Vì vậy, việc bổ sung quy định trên nhằm đảm bảo cơ sở pháp lý để thực hiện và giảm áp lực về tài chính cho cơ quan hải quan.		
28.	Sửa đổi Điều 35 như sau: “Điều 35. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ 1. Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ là hàng hoá được quy định tại khoản ...Điều... Luật sửa đổi bổ sung Luật Hải quan, bao gồm: a) Hàng hoá gia công tại Việt Nam và được thương nhân nước ngoài đặt gia công bán, chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam; b) Hàng hoá mua bán, thuê, mượn giữa doanh nghiệp Việt Nam với thương nhân nước ngoài và được	Quá trình tổng hợp ý kiến của các đơn vị về việc xây dựng chính sách, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan tại Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 08/2015/NĐ-CP và Nghị định 59/2018/NĐ-CP, các cơ quan quản lý nhà nước đều cho rằng quy định tại khoản 1 Điều 35 Nghị định 08/2015/NĐ-CP là chưa có đủ căn cứ pháp lý cũng như những rủi ro cho ngân sách nhà nước khi chưa có chính sách để thu được khoản thuế thu nhập doanh nghiệp do chênh lệch giữa giá mua và giá bán hàng hoá của thương nhân nước ngoài kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam (trừ khoản thu 1% thuế nhà thầu thu qua người nhập	- Phù hợp với Điều 47a Luật Hải quan sửa đổi, bổ sung; - Phù hợp với Điều 28, Điều 181 và Điều 182 Luật Thương mại; - Phù hợp với Điều 51, Điều 52 Luật Quản lý Ngoại thương; - Phù hợp với Điều 9 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15.	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<i>thương nhân nước ngoài chỉ định giao, nhận hàng hoá với doanh nghiệp tại Việt Nam.</i> <i>2. Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ phải làm thủ tục hải quan; được giao, nhận hàng hoá trước làm thủ tục hải quan sau hoặc được làm thủ tục hải quan trước giao, nhận hàng hoá sau; chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan từ khi giao, nhận hàng hoá đến khi hoàn thành thủ tục hải quan hoặc từ khi làm thủ tục hải quan cho đến khi hoàn thành việc giao, nhận hàng hoá.</i> <i>3. Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ được coi là đã hoàn thành thủ tục hải quan khi các tờ khai xuất khẩu tại chỗ và tờ khai nhập khẩu tại chỗ đều đã hoàn thành thủ tục hải quan.</i> <i>4. Thời hạn, địa điểm, phương thức giao, nhận hàng hoá thực hiện theo chỉ định của thương nhân nước ngoài và phải thông báo cho cơ quan hải quan khi làm thủ tục hải quan hoặc trước thời điểm thực hiện việc giao, nhận hàng hoá.</i> <i>5. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết điều này.”</i>	khẩu tại chỗ theo quy định hiện hành). Trong trường hợp cần thiết phải duy trì hoạt động này thì phải trình cấp có thẩm quyền để sửa đổi, bổ sung ở cấp độ Luật thì mới có cơ sở hướng dẫn tại Nghị định và Thông tư. Căn cứ các Luật Thương mại, Luật Quản lý Ngoại thương, Luật Hải quan và các Luật khác có liên quan (Doanh nghiệp, đầu tư, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu) thì các Luật trên chưa quy định về thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ. Trong khi đó, Điều 35 Nghị định 08/2015/NĐ-CP, Thông tư 38/2015/TT-BTC và Thông tư 39/2018/TT-BTC đang quy định thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu tại chỗ là chưa đảm bảo tính thống nhất về Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.		
29.	Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 37 như sau: <i>“1. Thông báo cơ sở gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu, nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu</i> <i>a) 4- Trước khi làm thủ tục nhập khẩu lô hàng nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị đầu tiên để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu, tổ chức, cá nhân thông báo cơ sở gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu, nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ</i>	- Điều 22, Điều 23 Luật Đầu tư năm 2020 và các văn bản hướng dẫn có quy định về việc thành lập tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, theo đó doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tùy hình thức, quy mô dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy tờ tương đương. - Điều 10, Điều 12 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 134/2016/NĐ-CP có quy định về việc đưa hàng hóa đi gia công lại phải có các chứng từ kèm theo.	Nội dung sửa đổi, bổ sung phù hợp quy định tại Luật Đầu tư năm 2020; Nghị định số 18/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung 134/2016/NĐ-CP.	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<i>trưởng Bộ Tài chính ban hành</i> nộp cho Chi cục Hải quan cơ quan hải quan nơi quản lý địa bàn nơi có cơ sở sản xuất dự kiến làm thủ tục báo cáo quyết toán các chứng từ sau: <i>thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.</i> <i>b) Trường hợp thay đổi nội dung thông báo cơ sở gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu dẫn đến thay đổi mặt bằng, địa chỉ, quy mô sản xuất, người đại diện theo pháp luật của thương nhân, ngành nghề kinh doanh có điều kiện, đưa đi gia công lại, thay đổi nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu thì phải thông báo với cơ quan hải quan trước khi nhập khẩu, đưa nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, bán thành phẩm, sản phẩm đến nơi nhận gia công lại, địa điểm lưu giữ mới. Trường hợp có sự thay đổi ngoài các nội dung nêu trên thì phải thông báo cho cơ quan hải quan chậm nhất vào ngày thứ mười tháng đầu tiên của quý kế tiếp kể từ ngày phát sinh thay đổi.”</i>			
30.	Điều 39. Kiểm tra cơ sở gia công, sản xuất, năng lực gia công, sản xuất; nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu 1. Các trường hợp kiểm tra: a) Tổ chức, cá nhân lần đầu tiên nhập khẩu hàng hóa để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu; b) Khi phát hiện có dấu hiệu xác định tổ chức, cá nhân thay đổi thông tin về địa chỉ, ngành hàng, quy mô, năng lực sản xuất nhưng không thông báo với cơ quan hải quan; c) Tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa để gia công cho thương nhân nước ngoài nhưng thuê tổ chức, cá nhân khác thực hiện gia công lại toàn bộ hợp đồng gia	- Điều 59 Luật Hải quan quy định về trách nhiệm của cơ quan hải quan trong kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu; Điều 60 Luật Hải quan năm 2014 quy định cơ quan hải quan có trách nhiệm kiểm tra, giám sát hàng hóa gia công, SXKK từ khi nhập khẩu, trong quá trình sản xuất, đến khi xuất khẩu sản phẩm hoặc chuyển tiêu thụ nội địa và Điều 100 Luật Hải quan quy định Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hải quan. - Điều 10 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP quy định về miễn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công, sản phẩm gia công xuất khẩu; Điều 12 Nghị	Phù hợp với Điều 59, Điều 60 Luật Hải quan; Điều 10, Điều 12 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 18/2021/NĐ-CP.	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	công; d) Khi phát hiện dấu hiệu xác định tổ chức, cá nhân lưu giữ nguyên liệu vật tư, linh kiện nhập khẩu và sản phẩm xuất khẩu ngoài các địa điểm đã thông báo với cơ quan hải quan; đ) Các trường hợp khác kiểm tra trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro. 2. Chi cục trưởng Chi cục Hải quan nơi tiếp nhận thông báo cơ sở gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu quyết định việc kiểm tra cơ sở gia công, sản xuất, năng lực gia công, sản xuất, nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu hoặc Chi cục trưởng Chi cục Hải quan nơi có cơ sở sản xuất, nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu theo đề nghị của Chi cục Hải quan nơi tiếp nhận thông báo cơ sở sản xuất. 2. Cơ quan hải quan nơi tiếp nhận thông báo cơ sở gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu quyết định việc kiểm tra cơ sở gia công, sản xuất, năng lực gia công, sản xuất, nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu. Việc kiểm tra được thực hiện chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức, cá nhân nhận được quyết định kiểm tra. Thời gian kiểm tra không quá 05 ngày làm việc. 3. Nội dung kiểm tra: a) Kiểm tra địa chỉ cơ sở gia công, sản xuất, nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu; b) Kiểm tra ngành nghề đầu tư kinh doanh; c) Kiểm tra nhà xưởng, máy móc, thiết bị;	định số 134/2016/NĐ-CP quy định về miễn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4, khoản 6 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP) - Khoản 1 kế thừa từ khoản 1 Điều 39 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP; - Khoản 4 kế thừa từ khoản 3 Điều 39 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP.		

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<i>d) Kiểm tra tình trạng nhân lực tham gia dây chuyền sản xuất;</i> <i>đ) Kiểm tra quy trình, năng lực, quy mô sản xuất, gia công;</i> <i>e) Kiểm tra việc lưu giữ nguyên liệu, vật tư nhập khẩu, sản phẩm xuất khẩu tại các địa điểm đã thông báo và kiểm tra việc theo dõi nguyên liệu, vật tư, sản phẩm xuất khẩu, máy móc, thiết bị thông qua sổ kế toán theo dõi kho hoặc phần mềm quản lý hàng hóa nhập, xuất, tồn kho lượng nguyên liệu, vật tư, sản phẩm xuất khẩu, máy móc, thiết bị.</i> 4. Xử lý kết quả kiểm tra cơ sở gia công, sản xuất, năng lực gia công, sản xuất; nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu: <i>a) Trường hợp cơ sở sản xuất đủ điều kiện để thực hiện hoạt động gia công, sản xuất xuất khẩu thì được hưởng ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các loại thuế khác (nếu có) kể từ thời điểm tổ chức, cá nhân thông báo cơ sở sản xuất cho cơ quan hải quan.</i> <i>b) Trường hợp không có cơ sở gia công, sản xuất hoặc có cơ sở gia công, sản xuất nhưng không đúng với nội dung đã thông báo, không phù hợp để thực hiện gia công, sản xuất xuất khẩu thì tổ chức, cá nhân phải nộp đủ các loại thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các loại thuế khác (nếu có), tiền chậm nộp kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan nhập khẩu đến ngày thực nộp thuế và bị xử lý phạt vi phạm theo quy định đối với số lượng nguyên liệu, vật tư đã nhập khẩu không được ưu đãi thuế theo quy định;</i> <i>c) Trường hợp có đủ căn cứ xác định tổ chức, cá</i>			

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	nhân nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị vượt quá năng lực sản xuất hoặc thuộc ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật mà tổ chức, cá nhân không xuất trình được giấy phép hoặc giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoặc nhập khẩu nguyên liệu vật tư, máy móc, thiết bị không phù hợp với ngành nghề sản xuất đã thông báo với cơ quan hải quan thì cho phép tổ chức, cá nhân được giải trình, chứng minh; trường hợp tổ chức, cá nhân không giải trình hoặc giải trình, chứng minh không hợp lý thì xử lý theo quy định, thực hiện kiểm tra sau thông quan, thanh tra chuyên ngành.			
31.	Sửa đổi khoản 1 Điều 40 như sau: “1. Các trường hợp kiểm tra: a) Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng có dấu hiệu rủi ro đã nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật tư mà quá chu kỳ <i>sản xuất, kinh doanh</i> nhưng không có sản phẩm xuất khẩu; b) Khi có dấu hiệu xác định tổ chức, cá nhân nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị hoặc xuất khẩu sản phẩm tăng, giảm bất thường so với năng lực sản xuất; c) Khi có dấu hiệu xác định tổ chức, cá nhân bán nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm vào nội địa nhưng không khai hải quan; d) Khi phát hiện tổ chức, cá nhân kê khai sản phẩm xuất khẩu không đúng quy định và không đúng thực tế; <i>đ) Kiểm tra trên cơ sở quản lý rủi ro đối với các trường hợp tổ chức, cá nhân thuộc diện phải thông báo ngay thông tin thay đổi về mặt bằng, địa chỉ, quy mô sản xuất, người đại diện theo pháp luật của thương</i>	- Điều 59, 60 Luật Hải quan: Điều 59. Trách nhiệm của cơ quan hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu Điều 60. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu - Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4, khoản 6 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP. Điều 10. Miễn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công, sản phẩm gia công xuất khẩu Điều 12. Miễn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu - Kế thừa khoản 18 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP. Ngoài ra, bổ sung trường hợp khi người khai hải quan thay đổi các thông tin liên quan đến chính sách điều kiện miễn thuế, hoặc điều kiện kinh doanh (nhà xưởng, mặt bằng sản xuất, địa chỉ sản xuất, đưa đi gia công lại, nơi lưu giữ nguyên liệu	- Phù hợp với quy định tại Điều 59, Điều 60 Luật Hải quan; - Điều 10, Điều 12 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4, khoản 6 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP.	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	nhân, ngành nghề kinh doanh có điều kiện, đưa đi gia công lại, thay đổi nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định này. Đối với các trường hợp nêu tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này, tổ chức cá nhân có văn bản giải trình theo yêu cầu của cơ quan hải quan. Việc kiểm tra chỉ được thực hiện sau khi tổ chức, cá nhân không có giải trình hoặc cơ quan hải quan có căn cứ giải trình của tổ chức, cá nhân là không hợp lý.”	vật tư, hàng hoá, ngành nghề kinh doanh có điều kiện, người đại diện theo pháp luật) thì đưa vào diện thuộc đối tượng có rủi ro trong công tác quản lý hải quan, đảm bảo tính tuân thủ trong việc thực thi chính sách pháp luật.		
32.	Sửa đổi, bổ sung Điều 43 như sau: 1. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa quá cảnh thực hiện tại trụ sở hải quan cửa khẩu nhập đầu tiên và cửa khẩu xuất cuối cùng trừ trường hợp hàng hóa quá cảnh đồng chung với hàng nhập khẩu, xuất khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát nhanh. a) Cửa khẩu nhập đầu tiên được xác định như sau: a.1) Đối với phương thức vận tải đường biển, đường hàng không là cảng đích ghi trên vận đơn. Trường hợp cảng đích ghi trên vận đơn không phải là cảng biển, cảng hàng không thì cửa khẩu nhập đầu tiên là cảng dỡ hàng khi tàu biển, tàu bay nhập cảnh vào Việt Nam; a.2) Đối với phương thức vận tải đường sắt là ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới; a.3) Đối với phương thức vận tải đường bộ, đường thủy nội địa là cửa khẩu quốc tế nơi hàng hóa nhập khẩu vào lãnh thổ Việt Nam; a.4) Đối với hàng hóa gửi qua dịch vụ bưu chính, chuyển phát nhanh, cửa khẩu nhập khẩu đầu tiên là địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với	Theo quy định tại Điều 44 - 47 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017: “Điều 44. Cho phép quá cảnh hàng hóa 1. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và Bộ Quốc phòng trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định cho phép quá cảnh hàng hóa là vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ. 2. Bộ trưởng Bộ Công Thương cấp phép quá cảnh đối với hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định của pháp luật. 3. Hàng hóa không thuộc quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được quá cảnh lãnh thổ Việt Nam và chỉ phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập đầu tiên và cửa khẩu xuất cuối cùng theo quy định của pháp luật về hải quan. 4. Chính phủ quy định trình tự, thủ tục cấp phép quá cảnh hàng hóa quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.	Quy định tại dự thảo Nghị định phù hợp với Luật Hải quan năm 2014 và Luật Quản lý ngoại thương năm 2017.	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<i>hàng hóa bưu chính, chuyển phát nhanh.</i> <i>b) Cửa khẩu xuất cuối cùng là cửa khẩu nơi phương tiện vận tải vận chuyển hàng hóa quá cảnh xuất cảnh.</i> Hàng hóa quá cảnh theo các Hiệp định đa phương về quá cảnh hàng hóa được Việt Nam ký kết tham gia, thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ. 2. Hồ sơ hải quan: a) <i>Tờ khai hải quan hoặc chứng từ thay thế tờ khai; Trường hợp tờ khai hải quan hoặc chứng từ thay thế tờ khai không thể khai thông tin chi tiết về hàng hóa thì người khai hải quan khai</i> bảng kê chi tiết hàng hóa quá cảnh theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành; b) Bảng kê chi tiết hàng hóa quá cảnh theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành, trừ trường hợp người khai hải quan đã khai các thông tin chi tiết về hàng hóa trên tờ khai hải quan; <i>b) e) Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa quá cảnh vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt: 01 bản chụp;</i> <i>c) d) Giấy phép quá cảnh, theo quy định của pháp luật; giấy thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật có liên quan: 01 bản chính;</i> d) Hợp đồng quá cảnh: 01 bản chụp. 3. Trách nhiệm của người khai hải quan: a) Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định này; b) Vận chuyển hàng hóa theo đúng tuyến đường, cửa khẩu, thời hạn quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 65 Luật Hải quan; c) Đảm bảo nguyên trạng hàng hóa, nguyên	Điều 45. Nguyên tắc quản lý hoạt động quá cảnh hàng hóa 1. Hàng hóa quá cảnh khi xuất khẩu phải là toàn bộ hàng hóa đã nhập khẩu. 2. Việc tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện dịch vụ quá cảnh hàng hóa hoặc tự mình thực hiện quá cảnh hàng hóa qua lãnh thổ Việt Nam, thuê thương nhân nước ngoài thực hiện quá cảnh hàng hóa qua lãnh thổ Việt Nam được thực hiện theo quy định của pháp luật về thương mại, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và phải tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam về xuất cảnh, nhập cảnh, giao thông, vận tải. 3. Quá cảnh hàng hóa bằng đường hàng không được thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế về hàng không mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. 4. Hàng hóa quá cảnh lãnh thổ Việt Nam phải chịu sự giám sát của cơ quan hải quan trong toàn bộ thời gian quá cảnh, vào và ra theo đúng cửa khẩu đã quy định. 5. Hàng hóa quá cảnh khi được tiêu thụ nội địa phải thực hiện theo quy định về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. Điều 46. Cửa khẩu và tuyến đường quá cảnh hàng hóa 1. Căn cứ điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tuyến đường được vận chuyển hàng hóa quá cảnh.		

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	container chứa hàng, đảm bảo niêm phong hải quan, đảm bảo nguyên niêm phong của hãng vận chuyển.; 8. Trong Trường hợp bất khả kháng mà không bảo đảm được nguyên trạng hàng hóa, niêm phong hải quan, niêm phong của hãng vận chuyển hoặc không vận chuyển hàng hóa theo đúng tuyến đường, thời gian thì người khai hải quan sau khi áp dụng các biện pháp cần thiết để hạn chế và ngăn ngừa tổn thất xảy ra phải thông báo ngay với cơ quan hải quan để xử lý; trường hợp không thể thông báo ngay với cơ quan hải quan thì tùy theo địa bàn thích hợp thông báo với cơ quan công an, bộ đội biên phòng, cảnh sát biển <i>hoặc chính quyền địa phương để xác nhận.</i> Cơ quan hải quan căn cứ văn bản xác nhận để và xử lý theo quy định của pháp luật; d) <i>Sử dụng phương tiện vận chuyển hàng hóa quá cảnh phải đáp ứng điều kiện giám sát hải quan theo quy định tại khoản 2 Điều 71 Luật Hải quan;</i> đ) Trong Trường hợp hàng hóa quá cảnh có thực hiện chuyển tải, lưu kho, thay đổi phương thức vận chuyển, phương tiện vận tải, chia tách, đóng chung với hàng xuất khẩu, người khai hải quan gửi văn bản đề nghị Chỉ cục Hải quan cửa khẩu nhập đầu tiên nơi quản lý địa điểm thực hiện chuyển tải, lưu kho, thay đổi phương thức vận chuyển, phương tiện vận tải, chia tách, đóng chung với hàng xuất khẩu; 9. Việc chuyển tải, lưu kho, thay đổi phương thức vận chuyển, phương tiện vận tải đối với hàng hóa quá cảnh được thực hiện tại khu vực cửa khẩu, kho ngoại quan, bãi ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ (kho CFS), địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng xuất khẩu, nhập khẩu được thành lập trong nội địa (cảng cạn), địa	2. Hàng hóa chỉ được quá cảnh qua các cửa khẩu quốc tế và theo những tuyến đường trên lãnh thổ Việt Nam quy định tại khoản 1 Điều này. 3. Trong thời gian quá cảnh hàng hóa, việc thay đổi tuyến đường được vận chuyển hàng hóa quá cảnh phải được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải cho phép. Điều 47. Thời gian quá cảnh 1. Thời gian quá cảnh lãnh thổ Việt Nam tối đa là 30 ngày kể từ ngày hoàn thành thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập, trừ trường hợp được gia hạn; trường hợp hàng hóa được lưu kho tại Việt Nam hoặc bị hư hỏng, tổn thất; phương tiện vận tải chở hàng quá cảnh bị hư hỏng trong quá trình quá cảnh. 2. Đối với hàng hóa được lưu kho tại Việt Nam hoặc bị hư hỏng, tổn thất hoặc phương tiện vận tải chở hàng quá cảnh bị hư hỏng trong thời gian quá cảnh cần phải có thêm thời gian để lưu kho, khắc phục hư hỏng, tổn thất thì thời gian quá cảnh được gia hạn tương ứng với thời gian cần thiết để thực hiện các công việc đó và phải được cơ quan hải quan nơi làm thủ tục quá cảnh chấp thuận; trường hợp gia hạn thời gian quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 44 của Luật này thì phải được Bộ trưởng Bộ Công Thương cho phép. 3. Trong thời gian lưu kho và khắc phục hư hỏng, tổn thất quy định tại khoản 2 Điều này, hàng hóa và phương tiện vận tải chở hàng quá cảnh vẫn phải chịu sự giám sát của cơ quan hải quan.” Theo quy định tại Điều 64, 65 Luật Hải quan		

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực biên giới; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh và các địa điểm khác do Tổng Cục trưởng Tổng Cục Hải quan quyết định công nhận theo quy định tại điểm g khoản 3 Điều 22 Luật Hải quan. e) Hàng hóa quá cảnh đóng ghép với hàng hóa xuất khẩu phải đáp ứng các điều kiện sau: e.1) Hàng hóa quá cảnh và hàng hóa xuất khẩu phải được đóng gói riêng biệt (kiện, thùng, bao bì); e.2) Hàng hóa quá cảnh phải không thuộc danh mục mặt hàng thuộc thẩm quyền cho phép quá cảnh của Thủ tướng Chính phủ; e.3) Việc đóng ghép phải thực hiện tại địa điểm thu gom hàng lẻ tại cửa khẩu xuất cuối cùng hoặc địa điểm tập kết kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh. g) e) Xuất trình hàng hóa để kiểm tra thực tế theo yêu cầu của cơ quan hải quan. 4. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập: a) Tiếp nhận và xử lý hồ sơ hải quan quy định tại khoản 2 Điều này; b) Thực hiện giám sát niêm phong hải quan theo quy định tại khoản 7 Điều này đối với phương tiện chứa hàng quá cảnh trong trường hợp hàng hóa quá cảnh vận chuyển bằng đường bộ; e) Đối với hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường thủy nội địa, đường hàng không, đường sắt thực	năm 2014: Điều 64. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan 1. Hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan bao gồm hàng hóa quá cảnh và hàng hóa chuyển cửa khẩu. 2. Khi vận chuyển hàng hóa chịu sự giám sát hải quan, người khai hải quan phải khai tờ khai vận chuyển hàng hóa; nộp hoặc xuất trình chứng từ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24 của Luật này. 3. Cơ quan hải quan tiếp nhận tờ khai vận chuyển hàng hóa, kiểm tra các chứng từ và hàng hóa do người khai hải quan xuất trình để quyết định cho phép vận chuyển hàng hóa chịu sự giám sát hải quan. 4. Trong thời gian vận chuyển hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan, nếu người khai hải quan thực hiện việc trung chuyển, chuyển tải, lưu kho, chia tách lô hàng, thay đổi phương thức vận tải hoặc các công việc khác thì phải thông báo và được sự đồng ý của cơ quan hải quan trước khi thực hiện. Cơ quan hải quan có trách nhiệm trả lời trong thời hạn 02 giờ kể từ khi nhận được thông báo của người khai hải quan. Điều 65. Tuyến đường, thời gian vận chuyển 1. Hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan phải được vận chuyển đúng tuyến đường, đúng cửa khẩu, đúng thời hạn. 2. Tuyến đường vận chuyển hàng hóa quá cảnh theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. 3. Tuyến đường vận chuyển hàng hóa chuyển cửa		

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	hiện niêm phong hải quan trong trường hợp không còn nguyên niêm phong của hãng vận chuyển. Trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường thủy nội địa vào Việt Nam không thể kiểm tra tình trạng niêm phong của hãng vận chuyển và không thực hiện được việc niêm phong hải quan, giao người khai hải quan chịu trách nhiệm bảo quản nguyên trạng hàng hóa; d) Đối với hàng hóa quá cảnh vận chuyển bằng đường bộ, đường thủy nội địa ngoài việc thực hiện quy định tại điểm b, điểm c khoản này, thực hiện giám sát hàng hóa quá cảnh bằng phương tiện kỹ thuật quy định tại điểm a khoản 7 Điều này; đ) Bố trí công chức hải quan giám sát trực tiếp hàng hóa quá cảnh tại điểm c khoản 7 Điều này; e) Tiếp nhận văn bản đề nghị quy định tại điểm d khoản 3 Điều này đối với trường hợp người khai hải quan thực hiện các công việc quy định tại khoản 9 Điều này tại cửa khẩu nhập và kiểm tra các điều kiện quy định tại khoản 9, khoản 10 Điều này. Trong thời hạn 02 giờ làm việc kể từ thời điểm tiếp nhận văn bản đề nghị, Chi cục hải quan phê duyệt hoặc thông báo không đủ điều kiện cho người khai hải quan; c) g) Kiểm tra thực tế hàng hóa trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm; d) h) Theo dõi quá trình vận chuyển hàng hóa chịu sự giám sát hải quan; d) e) Trường hợp chuyển tải, lưu kho, thay đổi phương thức vận chuyển, phương tiện vận tải, đóng chung với hàng xuất khẩu, cơ quan hải quan nơi tiếp nhận văn bản đề nghị, kiểm tra nếu địa điểm đáp ứng	khẩu do người khai hải quan đăng ký và được cơ quan hải quan nơi tiếp nhận và xử lý hồ sơ chấp nhận.		

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<i>điều kiện</i> quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này và phù hợp với tuyến đường quá cảnh đã đăng ký với cơ quan hải quan thì lập biên bản bàn giao, gửi kèm văn bản đề nghị đã được phê duyệt cho Hải quan nơi thực hiện chuyển tải, lưu kho, thay đổi phương thức vận chuyển, phương tiện vận tải, đóng chung với hàng xuất khẩu. 5. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan nơi quản lý địa điểm thực hiện chuyển tải, lưu kho, thay đổi phương thức vận chuyển, phương tiện vận tải đối với hàng hóa quá cảnh: <i>a) Tiếp nhận lô hàng vận chuyển đến và kiểm tra, đối chiếu tình trạng niêm phong hoặc nguyên trạng hàng hóa với biên bản bàn giao;</i> <i>b) Giám sát hoạt động chuyển tải, lưu kho, thay đổi phương thức vận chuyển, phương tiện vận tải, đóng chung với hàng xuất khẩu;</i> <i>c) Niêm phong hải quan trong trường hợp có thay đổi niêm phong hải quan, niêm phong của hãng vận chuyển;</i> <i>d) Lập biên bản bàn giao cho Hải quan cửa khẩu xuất hoặc Hải quan nơi thực hiện chuyển tải, lưu kho, thay đổi phương thức vận chuyển, phương tiện vận tải, đóng chung với hàng xuất khẩu.</i> a) Tiếp nhận văn bản đề nghị theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này đối với trường hợp người khai hải quan thực hiện các công việc quy định tại khoản 9 Điều này tại địa điểm thực hiện chuyển tải, lưu kho, thay đổi phương thức vận chuyển, phương tiện vận tải và kiểm tra các điều kiện quy định tại khoản 9 Điều này. Trong thời hạn 02 giờ làm việc kể từ thời điểm tiếp nhận văn bản đề nghị, Chi cục Hải quan phê duyệt hoặc			

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	thông báo không đủ điều kiện cho người khai hải quan; b) Kiểm tra tình trạng niêm phong hải quan, niêm phong hãng vận chuyển; c) Giám sát hoạt động chuyên tải, lưu kho, thay đổi phương thức vận chuyển, phương tiện vận tải, thực hiện niêm phong hải quan trong trường hợp việc chuyển tải, lưu kho, thay đổi phương thức vận chuyển, phương tiện vận tải có thay đổi niêm phong hải quan, niêm phong của hãng vận chuyển. 6. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất: a) Kiểm tra các thông tin về tờ khai hải quan hoặc chứng từ thay thế tờ khai trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan; b) Kiểm tra tình trạng niêm phong hoặc nguyên trạng hàng hóa. Trường hợp hàng hóa quá cảnh vận chuyển bằng đường thủy nội địa ra nước ngoài, Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất căn cứ thông tin về lộ trình, thời gian vận chuyển, các cảnh báo (nếu có) để quyết định việc kiểm tra niêm phong hải quan hoặc niêm phong của hãng vận chuyển; c) Kiểm tra thực tế hàng hóa trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm; d) Tiếp nhận văn bản đề nghị đóng chung với hàng xuất khẩu theo quy định tại điểm d đ khoản 3 Điều này và kiểm tra các điều kiện quy định tại khoản 9, khoản 10 Điều này. <i>Trong thời hạn 02 giờ làm việc kể từ thời điểm tiếp nhận văn bản đề nghị, Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất phê duyệt hoặc thông báo không đủ điều kiện cho người</i>			

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<i>khai hải quan;</i> đ) Giám sát hàng hóa đến khi thực xuất khẩu. 7. Giám sát hải quan: a) Hàng hóa quá cảnh phải được niêm phong hải quan hoặc niêm phong của hãng vận chuyển hoặc giám sát bằng phương tiện kỹ thuật. Trường hợp hàng hóa không thể niêm phong được thì giao người khai hải quan chịu trách nhiệm bảo quản nguyên trạng hàng hóa. Đối với hàng hóa quá cảnh vận chuyển bằng đường thủy nội địa, đường bộ, ngoài niêm phong hải quan hoặc niêm phong của hãng vận chuyển, hoặc hàng hóa quá cảnh không thể niêm phong, cơ quan hải quan sử dụng các phương tiện kỹ thuật khác để giám sát hàng hóa trong quá trình vận chuyển trên cơ sở kết quả phân tích, đánh giá rủi ro; b) Hàng hóa quá cảnh thuộc Danh mục hàng hóa cấm kinh doanh, cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép, hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt phải được giám sát bằng phương tiện kỹ thuật; c) Hàng hóa quá cảnh là vũ khí, đạn dược, vật liệu nổ và hàng hóa có độ nguy hiểm cao phải được giám sát bằng phương tiện kỹ thuật hoặc được giám sát trực tiếp bằng công chức hải quan. 8. Trong trường hợp bất khả kháng mà không bảo đảm được nguyên trạng hàng hóa, niêm phong hải quan, niêm phong của hãng vận chuyển hoặc không vận chuyển hàng hóa theo đúng tuyến đường, thời gian thì người khai hải quan sau khi áp dụng các biện pháp cần thiết để hạn chế và ngăn ngừa tổn thất xảy ra phải thông báo ngay với			

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	cơ quan hải quan để xử lý; trường hợp không thể thông báo ngay với cơ quan hải quan thì tùy theo địa bàn thích hợp thông báo với cơ quan công an, bộ đội biên phòng, cảnh sát biển hoặc chính quyền địa phương để xác nhận và xử lý theo quy định của pháp luật. 9. Việc chuyển tải, lưu kho, thay đổi phương thức vận chuyển, phương tiện vận tải đối với hàng hóa quá cảnh được thực hiện tại khu vực cửa khẩu, kho ngoại quan, bãi ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ (kho CFS), địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng xuất khẩu, nhập khẩu được thành lập trong nội địa (cảng cạn), địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực biên giới; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh và các địa điểm khác do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quyết định theo quy định tại điểm g khoản 3 Điều 22 Luật Hải quan. Người khai hải quan chỉ được thực hiện chia tách lô hàng quá cảnh, chia tách hàng hóa quá cảnh với hàng nhập khẩu tại cửa khẩu nhập đầu tiên, đóng chung hàng hóa quá cảnh với hàng xuất khẩu tại cửa khẩu nhập đầu tiên, cửa khẩu xuất cuối cùng, chia tách hàng hóa quá cảnh với hàng nhập khẩu, đóng chung hàng hóa quá cảnh với hàng xuất khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát nhanh tại địa điểm tập kết kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh. Vị trí kho ngoại quan, bãi ngoại quan, kho CFS, cảng cạn, địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung; địa điểm tập kết, kiểm			

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực biên giới; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh, các địa điểm khác do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quyết định quy định tại khoản này phù hợp với tuyến đường quá cảnh theo quy định của Bộ Giao thông vận tải. 10. Hàng hóa quá cảnh đóng chung với hàng hóa xuất khẩu đã hoàn thành thủ tục hải quan phải đáp ứng yêu cầu sau: a) Được đóng gói riêng biệt (kiện, thùng, bao bì) để phân biệt với hàng hóa xuất khẩu; b) Không thuộc danh mục mặt hàng thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định việc cho phép quá cảnh của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật; c) Hàng xuất khẩu đóng chung với hàng hóa quá cảnh phải có cùng cửa khẩu xuất với hàng hóa quá cảnh. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể Điều này.”			
33.	Sửa đổi, bổ sung Điều 44 như sau: 1. Hàng hóa trung chuyển được vận chuyển bằng đường biển từ nước ngoài vào <i>các bến cảng thuộc cảng biển Việt Nam</i> khu vực trung chuyển tại cảng biển, sau đó được đưa ra nước ngoài từ chính khu vực trung chuyển <i>bến cảng</i> này hoặc đưa đến khu vực trung chuyển tại bến cảng, cảng biển khác <i>trong cùng một cảng biển hoặc cảng biển khác</i> để đưa ra nước ngoài. Hàng hóa trung chuyển vận chuyển giữa các cảng biển phải được vận chuyển bằng đường thủy nội địa, đường biển. Hàng hóa trung chuyển được đưa toàn bộ ra nước ngoài một lần hoặc nhiều lần. 2. Hoạt động trung chuyển hàng hóa quy định tại Điều này bao gồm việc xếp dỡ, <i>thay container</i>, vận	Theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định 69/2018/NĐ-CP: “2. Trung chuyển hàng hóa Trường hợp hàng hóa quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này vận chuyển bằng đường biển từ nước ngoài vào khu vực trung chuyển tại cảng biển, sau đó được đưa ra nước ngoài từ chính khu vực trung chuyển này hoặc đưa đến khu vực trung chuyển tại bến cảng, cảng biển khác để đưa ra nước ngoài, thủ tục trung chuyển thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, không phải có giấy phép của Bộ Công Thương.”	Phù hợp với quy định hiện hành tại Nghị định 69/2018/NĐ-CP.	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	chuyên, lưu giữ hàng hóa theo yêu cầu của người vận chuyển tại khu vực trung chuyển của cửa khẩu nhập hoặc khu vực trung chuyển của cửa khẩu xuất. Thời hạn lưu giữ hàng hóa trung chuyển không quá 30 ngày kể từ ngày hoàn thành thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập. Trường hợp hàng hóa trung chuyển trong thời gian được lưu giữ tại cảng biển Việt Nam bị hư hỏng, tổn thất cần phải có thêm thời gian để khắc phục thì thời gian trung chuyển được gia hạn tương ứng với thời gian cần thiết để thực hiện các công việc đó và phải được cơ quan hải quan nơi làm thủ tục trung chuyển chấp thuận; trường hợp hàng hóa trung chuyển được trung chuyển theo văn bản cho phép của cơ quan có thẩm quyền thì phải được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận việc gia hạn. 3. Khu vực trung chuyển khi lưu giữ hàng trung chuyển phải đảm bảo tách biệt với khu vực lưu giữ hàng hóa khác của cảng, có lắp đặt hệ thống camera giám sát và chịu sự giám sát của cơ quan hải quan. Hàng hóa ra, vào khu vực trung chuyển phải được theo dõi, quản lý bằng phần mềm ứng dụng và được kết nối với cơ quan hải quan. 4. Khu vực thực hiện trung chuyển hàng hóa tại cảng biển Việt Nam thuộc cảng biển thành phố Hồ Chí Minh, cảng biển Vũng Tàu, cảng biển Hải Phòng, cảng biển Khánh Hòa và có đủ cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo quy định tại khoản 3 Điều này. 5. Chậm nhất là 5 ngày trước ngày đầu tiên thực hiện dịch vụ trung chuyển, doanh nghiệp kinh doanh cảng biển gửi thông báo bằng văn bản về vị trí khu vực trung chuyển đến Chi cục Hải quan nơi quản lý khu vực trung			

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	chuyên để thực hiện giám sát. Trường hợp thay đổi vị trí, diện tích khu vực trung chuyển, doanh nghiệp kinh doanh cảng biển gửi thông báo bằng văn bản trước khi đưa hàng trung chuyển vào lưu giữ. 3. 6. Hàng hóa trung chuyển chịu sự giám sát hải quan từ khi đến cảng biển Việt Nam, trong suốt quá trình lưu giữ tại cảng và quá trình vận chuyển cho đến khi hàng hóa được đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam. Việc kiểm tra thực tế hàng hóa trung chuyển chỉ áp dụng trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật. 7. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa trung chuyển: a) Tờ khai <i>hải quan</i> hoặc chứng từ thay thế tờ khai; b) Bảng kê chi tiết hàng hoá trung chuyển theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành, trừ trường hợp người khai <i>hải quan</i> đã khai các thông tin chi tiết về hàng hóa trên tờ khai <i>hải quan</i>; c) Chứng từ vận tải: 01 bản chụp; d) Văn bản cho phép của cơ quan có thẩm quyền, thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật: 01 bản chính. 4. 8. Trách nhiệm của người khai hải quan: a) Thực hiện <i>khai tờ khai hải quan</i> theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định này <i>hoặc khai chứng từ thay thế tờ khai hải quan</i>; b) Chịu trách nhiệm đảm bảo nguyên trạng hàng hóa, nguyên niêm phong hải quan hoặc nguyên niêm phong của hãng <i>vận chuyển</i> tàu trong suốt quá trình vận chuyển hàng hóa, lưu giữ <i>hàng hóa</i> tại cảng; c) Xuất trình hàng hóa để kiểm tra thực tế hàng hóa theo yêu cầu của cơ quan hải quan; d) Đưa toàn bộ hàng hóa trung chuyển ra nước			

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	ngoài trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này. 5. 9. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập: a) Tiếp nhận và xử lý <i>tờ khai hải quan hoặc chứng từ thay thế tờ khai hải quan</i>; và xử lý hồ sơ hải quan quy định tại khoản 7 4 Điều này; b) Thực hiện giám sát hàng hóa trung chuyển; c) Niêm phong hải quan đối với phương tiện chứa hàng trong trường hợp hàng hóa trung chuyển được vận chuyển giữa các bến cảng trong cùng một cảng biển và trong trường hợp phương tiện chứa hàng không còn nguyên niêm phong của hãng vận chuyển; d) Kiểm tra thực tế hàng hóa trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm. 6. 10. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất: a) Kiểm tra các thông tin trên tờ khai <i>hải quan</i> hoặc chứng từ thay thế tờ khai trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan; b) Kiểm tra tình trạng niêm phong hải quan hoặc niêm phong của hãng vận chuyển hoặc nguyên trạng hàng hóa trong trường hợp hàng hóa không thể niêm phong; c) Thực hiện việc giám sát hàng hóa trung chuyển xếp lên phương tiện vận tải để xuất ra nước ngoài; d) Kiểm tra thực tế hàng hóa trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm. <i>Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể Điều này.”</i>			
34.	“Điều 47. Thủ tục hải quan tái nhập đối với hàng hóa đã xuất khẩu 1. <i>Thương nhân được tái nhập hàng hóa chưa qua sử dụng của chính thương nhân nhưng bị trả lại.</i>	- Căn cứ quy định tại Điều 48 Luật Hải quan về Kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hoá tạm nhập khẩu, tạm xuất khẩu. Theo đó, hàng hoá tạm nhập khẩu phải tái xuất trong thời hạn quy định và	Căn cứ các quy định tại Luật Hải quan, Luật Thương mại, Luật quản lý ngoại thương, Luật Thuế	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	Hàng hóa gia công cho thương nhân nước ngoài đã xuất khẩu không được tái nhập để tiêu hủy. 1. Các hình thức tái nhập hàng hóa đã xuất khẩu nhưng bị trả lại (sau đây gọi tắt là tái nhập hàng trả lại) bao gồm: a) Tái nhập hàng trả lại để sửa chữa, tái chế (gọi chung là tái chế) sau đó tái xuất; b) Tái nhập hàng trả lại để tiêu thụ nội địa; c) Tái nhập hàng trả lại để tiêu hủy tại Việt Nam (không áp dụng đối với hàng gia công cho thương nhân nước ngoài); d) Tái nhập hàng trả lại để xuất khẩu ra nước thứ ba hoặc xuất khẩu vào khu phi thuế quan.	phải được làm thủ tục hải quan. Nếu không tái xuất mà được bán, tặng, trao đổi phải làm thủ tục hải quan như đối với hàng hoá nhập khẩu; - Căn cứ quy định tại Điều 29 Luật Thương mại, Điều 42 Luật Quản lý ngoại thương thì “<i>Thương nhân được tạm xuất, tái nhập hàng hóa để phục vụ mục đích bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa, sản xuất, thi công, thuê, mượn, trưng bày, triển lãm hoặc để sử dụng vì mục đích khác theo hợp đồng với nước ngoài.</i>”; - Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định 69/2018/NĐ-CP thì “<i>Thương nhân được tạm nhập hàng hóa mà thương nhân đã xuất khẩu để tái chế, bảo hành theo yêu cầu của thương nhân nước ngoài và tái xuất khẩu trả lại thương nhân nước ngoài. Thủ tục tạm nhập, tái xuất thực hiện tại cơ quan hải quan, không phải có Giấy phép tạm nhập, tái xuất.</i>”; - Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 19 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu thì “<i>Người nộp thuế đã nộp thuế xuất khẩu nhưng hàng hóa xuất khẩu phải tái nhập được hoàn thuế xuất khẩu và không phải nộp thuế nhập khẩu</i>”;	xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Nghị định 69/2018/NĐ-CP thì quy định tại Điều 47 Nghị định 08/2015/NĐ-CP là phù hợp, tuy nhiên tại Điều 47 chưa quy định rõ hàng hoá tái nhập là đã qua quá trình sử dụng, gia công, chế biến hay chưa, hàng hoá tái nhập có phải là hàng hoá của chính thương nhân đã xuất khẩu hay không, thời hạn tái chế, sửa chữa 275 ngày không phù hợp với một số mặt hàng đặc thù như đóng tàu, chế tạo máy, điện gió, hoặc các tổ hợp có kết cấu phức tạp. Ngoài ra, đối với lĩnh vực điện, điện tử của các tập đoàn đa quốc gia (như samsung, apple, LG, Amkor, Compal...) có hoạt động tái nhập để tái chế ra sản phẩm khác (sử dụng được một phần nguyên liệu từ sản phẩm tái nhập kết hợp với nguyên vật liệu khác để tiếp tục sản xuất ra sản phẩm xuất khẩu). Do vậy,	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
			việc sửa đổi, bổ sung quy định nhằm hoàn thiện về chính sách, đáp ứng các yêu cầu quản lý đối với thực tế sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.	
	2. Hồ sơ hải quan: a) Tờ khai hải quan; b) Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt: nộp 01 bản chụp.; e) Văn bản của bên nước ngoài thông báo hàng bị trả lại hoặc văn bản của hãng tàu/đại lý hãng tàu thông báo không có người nhận hàng: nộp 01 bản chụp.			
	3. Thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này. <i>Người khai hải quan không phải nộp giấy phép nhập khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành từ trường hợp pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành có quy định khác.</i>			
	4. Chính sách thuế áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu phải tái nhập thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.	Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13: Khoản 6, khoản 7 Điều 16 quy định miễn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công, SXKK Điểm c khoản 9 Điều 16 quy định miễn thuế đối với hàng hóa tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập để bảo hành, sửa chữa, thay thế Điểm b khoản 1 Điều 19 quy định các trường hợp hoàn thuế. Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 của Chính phủ:	Việc sửa đổi, bổ sung là phù hợp với Luật thuế XNK số 107/2016/QH13, Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 18/2021/NĐ-CP	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		Điều 10 quy định miễn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công, sản phẩm gia công xuất khẩu Điều 12 quy định miễn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu Điều 13 quy định miễn thuế đối với hàng hóa tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập trong thời hạn nhất định Điều 33 quy định hoàn thuế đối với hàng hóa xuất khẩu phải tái nhập Điều 37a quy định không thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu		
	5. Đối với hàng hóa tái nhập để tiêu hủy, sửa chữa, tái chế sau đó tái xuất hoặc tái nhập để tái xuất ra nước thứ ba hoặc xuất khẩu vào khu phi thuế quan, thời hạn tiêu hủy, tái xuất không quá 12 tháng kể từ ngày đăng ký tờ khai tái nhập, trừ trường hợp hàng hóa đặc thù có thời gian sửa chữa, tái chế quá 12 tháng theo yêu cầu của chu trình sản xuất thì Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cơ quan hải quan quyết định theo thỏa thuận của các bên. Chính sách thuế đối với hàng hóa nêu tại khoản này thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế. Người khai hải quan chưa phải nộp thuế trong thời hạn sửa chữa, tái chế, nếu quá thời hạn sửa chữa, tái chế đã đăng ký mà chưa tái xuất thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.			
	6. Thủ tục tái xuất hàng đã tái chế thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này.			
	7. Xử lý hàng tái chế không tái xuất được: a) Đối với sản phẩm tái chế là hàng gia công, sản xuất xuất khẩu: Làm thủ tục hải quan để tiêu thụ nội địa hoặc tiêu hủy.	Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13: Khoản 6, khoản 7 Điều 16 quy định miễn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công, SXKK	Việc sửa đổi, bổ sung là phù hợp với Luật thuế XNK số 107/2016/QH13, Nghị định số	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<i>Trường hợp tiêu thụ nội địa phải kê khai, nộp thuế đối với nguyên liệu, vật tư (bao gồm cả vật tư làm bao bì hoặc bao bì để đóng gói sản phẩm xuất khẩu), linh kiện, bán thành phẩm nhập khẩu trực tiếp cấu thành sản phẩm xuất khẩu; sản phẩm hoàn chỉnh nhập khẩu để đóng gói, dán nhãn hoặc gắn, lắp ráp vào sản phẩm xuất khẩu hoặc đóng chung thành mặt hàng đồng bộ với sản phẩm xuất khẩu;</i> b) Đối với sản phẩm tái chế không phải là hàng gia công, sản xuất xuất khẩu thì chuyển tiêu thụ nội địa như hàng hóa tái nhập để tiêu thụ nội địa. <i>Việc xử lý về thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế-;</i> c) Đối với sản phẩm gia công, sản xuất xuất khẩu qua tái chế chỉ sử dụng được một phần nguyên liệu, vật tư để tiếp tục sản xuất ra sản phẩm xuất khẩu (cùng hoặc khác chủng loại sản phẩm) thì phải theo dõi, xây dựng định mức riêng cho các mã sản phẩm sau tái chế. Phế liệu, phế phẩm, phế thải loại ra từ quá trình tái chế được theo dõi, xử lý theo quy định tại Điều 37 Nghị định này.	Điểm c khoản 9 Điều 16 quy định miễn thuế đối với hàng hóa tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập để bảo hành, sửa chữa, thay thế Điểm b khoản 1 Điều 19 quy định trường hợp hàng hóa đã xuất khẩu tái nhập trở lại được hoàn thuế xuất khẩu đã nộp và không phải nộp thuế NK. Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 của Chính phủ: Điều 10 quy định miễn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công, sản phẩm gia công xuất khẩu Điều 12 quy định miễn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu Điều 13 quy định miễn thuế đối với hàng hóa tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập trong thời hạn nhất định Điều 33 quy định hoàn thuế đối với hàng hóa xuất khẩu phải tái nhập Điều 37a quy định không thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu	134/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 18/2021/NĐ-CP	
	8. Trường hợp hàng hóa tái nhập là sản phẩm xuất khẩu được sản xuất từ nguyên liệu, vật tư nhập khẩu đã được miễn thuế nhập khẩu; hàng hóa xuất khẩu có nguồn gốc nhập khẩu được hoàn thuế nhập khẩu thì cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tái nhập phải thông báo cho cơ quan hải quan nơi làm thủ tục báo cáo quyết toán hoặc nơi làm thủ tục hoàn thuế biết (nếu là hai cơ quan hải quan khác nhau) về các trường hợp nêu tại điểm b, điểm c khoản 2 và trường hợp không tái xuất được nêu tại khoản 7 Điều này hoặc trường hợp quá thời hạn nêu tại khoản 5 Điều này để xử lý thuế theo quy định”	Tại điểm b khoản 1 Điều 19 Luật thuế XNK số 107/2016/QH13 quy định trường hợp hàng hóa đã xuất khẩu tái nhập trở lại được hoàn thuế xuất khẩu đã nộp và không phải nộp thuế NK. Tại các Điều 33, Điều 37a Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 18/2021/NĐ-CP quy định về hồ sơ, thủ tục hoàn thuế, không thu thuế đối với trường hợp này.	Nội dung sửa đổi, bổ sung phù hợp với Luật thuế XNK số 107/2016/QH13 và Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 18/2021/NĐ-CP	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	9. Trường hợp hàng hóa xuất khẩu đã qua sử dụng của chính thương nhân tái nhập khẩu để tái chế, bảo hành theo yêu cầu của thương nhân nước ngoài, sau đó tái xuất, thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Điều 50 Nghị định này..			
35.	“Điều 48. Thủ tục hải quan, giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu phải tái xuất ra nước ngoài hoặc tái xuất vào khu phi thuế quan 1. Các hình thức tái xuất hàng hóa nhập khẩu đã hoàn thành thủ tục hải quan bao gồm: a) Xuất trả cho chủ hàng nước ngoài hoặc cho bên thứ ba theo chỉ định của chủ hàng nước ngoài; b) Xuất bán vào khu phi thuế quan. 2. Hồ sơ hải quan: a) Tờ khai hải quan; b) Văn bản chấp nhận nhận lại hàng hoặc chỉ định xuất cho bên thứ ba của chủ hàng nước ngoài: nộp 01 bản chụp; b) c) Hóa đơn thương mại trong trường hợp xuất bán ra nước ngoài hoặc hóa đơn bán hàng, hóa đơn giá trị gia tăng trong trường hợp xuất bán vào khu phi thuế quan: 01 bản chụp.	- Theo quy định tại các Điều 39, 40, 41, 42 Luật Quản lý ngoại thương thì thương nhân kinh doanh tạm nhập, tái xuất phải có giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất; đáp ứng một số điều kiện quy định; chỉ làm thủ tục tại cơ quan hải quan cửa khẩu... Một số nội dung này được quy định chi tiết tại Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ. Thực tế phát sinh vướng mắc về cách hiểu thống nhất hàng hóa đã nhập khẩu nhưng phải tái xuất ra nước ngoài hoặc vào khu phi thuế quan, để tránh trường hợp bản chất hàng hóa là kinh doanh tạm nhập tái xuất phải chịu chính sách quản lý về ngoại thương theo quy định tại Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP, nhưng doanh nghiệp lựa chọn hình thức nhập khẩu hàng hóa sau đó XK. Do đó, cần bổ sung quy định tại khoản 1 Điều này. - Khoản 4 Điều 24 Luật Hải quan quy định: “4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mẫu tờ khai hải quan, việc sử dụng tờ khai hải quan và chứng từ thay thế tờ khai hải quan, các trường hợp phải nộp, xuất trình chứng từ có liên quan quy định tại khoản 1 Điều này.”	Phù hợp với quy định tại Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP.	
	2. 3. Thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Mục 5	Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số	Phù hợp với quy định	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	Chương này (trừ giấy phép nhập khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành). Trường hợp người khai hải quan nộp đủ hồ sơ không thu thuế khi làm thủ tục xuất khẩu, cơ quan hải quan không thu thuế đối với hàng hóa xuất khẩu trả lại hoặc xuất khẩu sang nước thứ ba hoặc xuất khẩu vào khu phi thuế quan và quyết định việc thông quan theo quy định.	107/2016/QH13: Điều c khoản 1 Điều 19 quy định các trường hợp hoàn thuế. Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 của Chính phủ: Điều 34 quy định hoàn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu phải tái xuất. Điều 37a quy định không thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Bỏ trừ giấy phép. Lý do: trường hợp này quy định với hàng xuất khẩu, không áp dụng với hàng nhập khẩu nên không có giấy phép NK hoặc thông báo kết quả KTCN. Mặt khác, việc nộp các chứng từ liên quan đến quản lý chuyên ngành, kiểm tra chuyên ngành thực hiện theo pháp luật KTCN, QLCN. Bỏ điểm rơi khoản 3 vì: đã có quy định tại Luật thuế XK, thuế NK.	của pháp luật kiểm tra chuyên ngành, quản lý chuyên ngành; Luật thuế XNK số 107/2016/QH13, Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 18/2021/NĐ-CP	
	3. 4. Trường hợp hàng hóa (<i>trừ hàng cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu</i>) đang chịu sự giám sát hải quan nhưng do gửi nhầm lẫn, thất lạc, không có người nhận hoặc bị từ chối nhận hàng <i>do không phù hợp với hợp đồng mua bán</i>, nếu người vận tải hoặc chủ hàng có văn bản đề nghị được tái xuất (trong đó nêu rõ lý do nhầm lẫn, thất lạc hoặc từ chối nhận) hoặc hàng hóa buộc tái xuất theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì <i>phải đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam qua cửa khẩu nhập hoặc cửa khẩu quốc tế</i>.”	- Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định 128/2020/NĐ-CP thì trường hợp hàng hoá gửi vào Việt Nam không phù hợp với hợp đồng theo quy định tại Điều 39 Luật Thương mại năm 2005 (trừ hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, hàng giả, phé liệu không thuộc Danh mục được phép nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất) nhưng đã được người gửi hàng, người vận tải, người nhận hàng hoặc người đại diện hợp pháp của người gửi hàng, người vận tải, người nhận hàng thông báo bằng văn bản (nêu rõ lý do) kèm theo các chứng từ liên quan tới Chi cục trưởng Chi cục Hải quan nơi	Phù hợp với quy định tại Luật Thương mại và Nghị định số 128/2020/NĐ-CP.	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		lưu giữ hàng hóa khi chưa đăng ký tờ khai hải quan thuộc trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan. - Khoản 1 bao gồm các trường hợp tờ khai đã hoàn thành thủ tục hải quan và hàng hóa đã đưa ra khỏi khu vực giám sát hải quan, do vậy, tại khoản này, sửa đổi lại để bao quát hết các trường hợp còn trong khu vực giám sát hải quan (đã đăng ký tờ khai, chưa hoặc đã hoàn thành thủ tục hải quan) và hàng hóa đưa về bảo quản chờ kết quả kiểm tra chuyên ngành; - Phù hợp các trường hợp từ chối nhận hàng quy định tại Điều 39 Luật Thương mại và đã được hướng dẫn tại Điều 96 Thông tư số 38/2015/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 39/2018/TT-BTC). - Tiếp thu ý kiến hải quan địa phương, hiện nay nhiều lô hàng đã được đưa về bảo quản tại doanh nghiệp. Khi có kết quả kiểm tra chất lượng không đạt thì yêu cầu doanh nghiệp phải đưa hàng ra ngay tại cửa khẩu nhập để tái xuất là không phù hợp vì tại cửa khẩu nhập không có tuyến tàu XK hoặc doanh nghiệp muốn tái xuất qua đường bộ thì không được dẫn đến nhiều lô hàng phải tiêu hủy, gây lãng phí và tốn chi phí cho doanh nghiệp. Do vậy, dự thảo Nghị định bổ sung quy định tái xuất qua cửa khẩu quốc tế.		
36.	Sửa đổi, bổ sung Điều 49 như sau: “Điều 49. Thủ tục hải quan đối với phương tiện chứa hàng hóa theo phương thức quay vòng tạm nhập, tạm xuất. 1. Phương tiện quay vòng theo phương thức tạm	Theo Điều 41 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017: <i>Điều 41. Các hình thức tạm nhập, tái xuất khác</i> <i>1. Trừ trường hợp kinh doanh tạm nhập, tái xuất quy định tại Điều 39 của Luật này, thương nhân</i>	Phù hợp với các quy định tại Luật Quản lý ngoại thương năm 2017, Nghị định 69/2018/NĐ-CP và Luật Hải quan năm 2014.	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập để chứa hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bao gồm: a) Container có hoặc không có móc treo; b) ➤) Phương tiện (bồn) chứa khí, chất lỏng có kết cấu ổn định, bền chắc, được sử dụng chuyên dùng chứa và vận chuyển khí, chất lỏng có số ký hiệu in cố định trên vỏ mặt bồn và chuyên chở bằng xe ô tô chuyên dùng; c) ➤) Bồn mềm lót trong container để chứa hàng lỏng; d) Các phương tiện khác có thể sử dụng nhiều lần để chứa hoặc đóng gói hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. 2. Thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập thực hiện theo thỏa thuận của thương nhân với bên đối tác và đăng ký với Chi cục cơ quan hải quan nơi làm thủ tục. Trường hợp cần gia hạn thời hạn tạm nhập, tạm xuất theo thỏa thuận với bên đối tác thì trước khi hết thời hạn tạm nhập, tạm xuất theo đăng ký trên tờ khai hải quan, người khai hải quan thực hiện khai bổ sung tờ khai hải quan hoặc gửi văn bản đề nghị gia hạn thời hạn tạm nhập, tạm xuất đối với trường hợp khai Bản kê và nộp 01 bản chụp văn bản thỏa thuận với đối tác về việc gia hạn thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập cho Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập, tạm xuất trước thời điểm hết hạn tạm nhập, tạm xuất đã đăng ký với cơ quan hải quan. Riêng đối với phương tiện chứa hàng hóa theo phương thức quay vòng quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này, thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập không quá 24 tháng trừ trường hợp phương tiện chứa hàng hóa theo phương thức quay vòng đang chứa hàng hóa tồn đọng tại khu vực giám	<i>được tạm nhập vào Việt Nam hàng hóa không thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa không thuộc diện tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu theo hợp đồng với nước ngoài để phục vụ mục đích bảo hành, bảo dưỡng, thuê, mượn hoặc để sử dụng vì mục đích khác trong một khoảng thời gian nhất định rồi tái xuất chính hàng hóa đó ra khỏi Việt Nam.</i> 2. Thủ tục tạm nhập, tái xuất được thực hiện như sau: a) <i>Thương nhân phải có giấy phép tạm nhập, tái xuất đối với hàng hóa chưa được phép lưu hành, sử dụng tại Việt Nam; hàng hóa thuộc diện quản lý bằng biện pháp hạn ngạch xuất khẩu, hạn ngạch nhập khẩu, hạn ngạch thuế quan, giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu;</i> b) <i>Thương nhân chỉ phải làm thủ tục tạm nhập, tái xuất tại cơ quan hải quan đối với hàng hóa không thuộc quy định tại điểm a khoản này.</i> 3. <i>Thời hạn tạm nhập, tái xuất thực hiện theo thỏa thuận của thương nhân với bên đối tác và đăng ký với cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập.</i> 4. <i>Hàng hóa tạm nhập, tái xuất khi tiêu thụ nội địa phải thực hiện theo quy định về quản lý nhập khẩu hàng hóa của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.</i> Theo khoản 4 Điều 15 Nghị định 69/2018/NĐ-CP: <i>“4. Trừ trường hợp hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm</i>		

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	sát hải quan. 3. Hồ sơ hải quan: a) Tờ khai hải quan; Đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều này, người khai hải quan nộp 01 Bảng kê tạm nhập hoặc tạm xuất theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan. b) Chứng từ vận tải đối với phương tiện quay vòng tạm nhập không chứa hàng xuất khẩu, nhập khẩu vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt: 01 bản chụp; c) Giấy phép tạm nhập hoặc tạm xuất, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành: 01 bản chính. 3. Thủ tục hải quan đối với các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này a) Người khai hải quan khai và nộp bộ hồ sơ tại Hải quan cửa khẩu. Bộ hồ sơ gồm: a.1) Bản kê tạm nhập, tạm xuất hoặc tái xuất, tái nhập theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành: 02 bản chính; a.2) b) Chứng từ vận tải đối với phương tiện quay vòng tạm nhập không chứa hàng xuất khẩu, nhập khẩu vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt: 01 bản chụp; a.3) c) Giấy phép tạm nhập khẩu hoặc tạm xuất khẩu, Văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành: 01 bản chính.	<i>ngừng nhập khẩu, thương nhân thực hiện thủ tục tạm nhập, tái xuất trong các trường hợp sau đây tại cơ quan hải quan, không phải có Giấy phép tạm nhập, tái xuất:</i> a) <i>Tạm nhập hàng hóa để phục vụ đo kiểm, khảo nghiệm.</i> b) <i>Tạm nhập tái xuất linh kiện, phụ tùng tạm nhập không có hợp đồng để phục vụ thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay nước ngoài; linh kiện, phụ tùng tạm nhập để sửa chữa tàu biển, tàu bay theo hợp đồng ký giữa chủ tàu nước ngoài với nhà máy sửa chữa tại Việt Nam.</i> c) <i>Tạm nhập tái xuất phương tiện chứa hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo phương thức quay vòng.”</i> Theo Điều 48 Luật Hải quan năm 2014: “Điều 48. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa tạm nhập khẩu, tạm xuất khẩu 1. Các loại hàng hóa tạm nhập khẩu, tạm xuất khẩu bao gồm: a) <i>Phương tiện quay vòng để chứa hàng hóa;</i> b) <i>Máy móc, thiết bị, dụng cụ nghề nghiệp để phục vụ công việc trong thời hạn nhất định;</i> c) <i>Máy móc, thiết bị, phương tiện thi công, khuôn, mẫu theo các hợp đồng thuê, mượn để sản xuất, thi công;</i> d) <i>Linh kiện, phụ tùng của chủ tàu nhập khẩu để phục vụ thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay nước ngoài;</i> đ) <i>Hàng hóa tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm;</i>		

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<i>b) Cơ quan hải quan kiểm tra, đối chiếu thông tin khai trên Bản kê tạm nhập, tạm xuất hoặc tái xuất, tái nhập với bộ hồ sơ hải quan, trường hợp các thông tin phù hợp và không có dấu hiệu nghi vấn xác nhận trên 02 Bản kê; lưu 01 bản và trả 01 bản cho người khai hải quan; Trường hợp có nghi vấn thực hiện kiểm tra thực tế, xử lý vi phạm theo quy định.</i> <i>c) Định kỳ hàng năm, chậm nhất vào ngày 15 tháng 01 người khai hải quan thực hiện báo cáo tình hình sử dụng, nơi lưu giữ phương tiện chứa hàng hóa cho cơ quan hải quan.</i> <i>4. Hồ sơ và thủ tục hải quan đối với trường hợp quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều này</i> <i>a) Người khai hải quan khai và nộp bộ hồ sơ tại Hải quan cửa khẩu hoặc Hải quan nơi làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa chứa trong phương tiện chứa hàng theo phương thức quay vòng. Bộ hồ sơ gồm:</i> <i>a.1) Tờ khai hải quan;</i> <i>a.2) Chứng từ vận tải đường biển, đường hàng không, đường sắt đối với trường hợp phương tiện quay vòng tạm nhập không chứa hàng xuất khẩu, nhập khẩu: 01 bản chụp;</i> <i>a.3) Giấy phép, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành: 01 bản chính;</i> <i>b) Thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này.</i> <i>5. Địa điểm lưu giữ</i> <i>Phương tiện chứa hàng hóa theo phương thức quay vòng phải được lưu giữ tại các địa điểm do người khai hải quan thông báo cho cơ quan hải quan khi làm thủ</i>	<i>e) Hàng hóa khác theo quy định của pháp luật.</i> <i>2. Hàng hóa tạm xuất khẩu phải tái nhập khẩu, hàng hóa tạm nhập khẩu phải tái xuất khẩu trong thời hạn quy định và phải được làm thủ tục hải quan.</i> <i>3. Hàng hóa tạm xuất khẩu, hàng hóa tạm nhập khẩu thuộc một tờ khai hải quan được tái nhập khẩu, tái xuất khẩu theo nhiều chuyến hàng thuộc nhiều tờ khai hải quan tái nhập khẩu, tái xuất khẩu.</i> <i>4. Hàng hóa tạm xuất khẩu mà không tái nhập khẩu, hàng hóa tạm nhập khẩu mà không tái xuất khẩu nếu được bán, tặng, trao đổi phải làm thủ tục hải quan như đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.</i> <i>5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”</i>		

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	tục tạm nhập. <i>Riêng</i> phương tiện <i>chứa hàng hóa theo phương thức</i> quay vòng quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này <i>thuộc sở hữu của hãng vận chuyển</i> phải được lưu giữ trong địa bàn hoạt động hải quan, trừ trường hợp đưa về địa điểm đóng hàng, dỡ hàng của người xuất khẩu, nhập khẩu. <i>6. Trường hợp thay đổi mục đích sử dụng phương tiện chứa hàng hóa theo phương thức quay vòng thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 25 Nghị định này.</i> <i>7. Phương tiện chứa hàng hóa quy định tại khoản 1 Điều này nếu xuất khẩu, nhập khẩu theo hợp đồng mua bán, hợp đồng thuê mua tài chính hoặc hình thức khác thì thực hiện thủ tục hải quan như đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu quy định tại Mục 5 Chương này.</i> 4. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan a) Khi tạm nhập, tạm xuất người khai hải quan khai tờ khai hải quan và nộp cho cơ quan hải quan bộ hồ sơ hải quan theo quy định tại khoản 3 Điều này; b) Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập hoặc tạm xuất theo dõi, đối chiếu, xác nhận về số lượng phương tiện tạm nhập, tạm xuất; kiểm tra thực tế khi có nghi vấn; c) Đối với phương tiện quay vòng quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều này phải được lưu giữ tại các địa điểm do người khai hải quan thông báo cho cơ quan hải quan khi làm thủ tục tạm nhập. Đối với phương tiện quay vòng quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này phải được lưu giữ trong địa bàn hoạt động hải quan, trừ trường hợp đưa về địa điểm đóng			

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	hàng, dỡ hàng của người xuất khẩu, nhập khẩu. 5. Địa điểm làm thủ tục hải quan a) Đối với phương tiện quay vòng quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này: Thực hiện tại Chi cục Hải quan cửa khẩu; b) Đối với phương tiện quay vòng quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều này: Thực hiện tại Chi cục Hải quan cửa khẩu hoặc Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa. 6. Trường hợp thay đổi mục đích sử dụng phương tiện quay vòng, thủ tục hải quan thực hiện như sau: a) Người khai hải quan có văn bản gửi Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai tạm nhập và giải trình rõ lý do thay đổi mục đích sử dụng phương tiện quay vòng; b) Chi cục trưởng Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai tạm nhập có trách nhiệm xem xét lý do, giải trình của người khai hải quan; nếu không phát hiện dấu hiệu gian lận thương mại thì chấp nhận đề nghị của người khai hải quan; c) Người khai hải quan phải làm thủ tục nhập khẩu theo quy định tại Mục 5 Chương này tại Chi cục Hải quan tạm nhập. Trường hợp tạm nhập tại nhiều Chi cục Hải quan thì lựa chọn một Chi cục Hải quan tạm nhập để làm thủ tục hải quan nhập khẩu.”			
37.	“Điều 50. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa tạm xuất, tái nhập và hàng hóa tạm nhập, tái xuất 1. Các trường hợp tạm xuất- tái nhập, tạm nhập - tái xuất bao gồm: a) Thiết bị, máy móc, phương tiện thi công, phương tiện vận chuyển, khuôn, mẫu tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để thực hiện các dự án đầu tư,	Tại Điều 42 Luật quản lý ngoại thương quy định Điều 42. Tạm xuất, tái nhập hàng hóa 1. Thương nhân được tạm xuất, tái nhập hàng hóa để phục vụ mục đích bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa, sản xuất, thi công, thuê, mượn, trưng bày, triển lãm hoặc để sử dụng vì mục đích khác theo	Phù hợp với quy định hiện hành tại Luật Hải quan và Luật Quản lý ngoại thương	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<i>phục vụ sản xuất, thi công xây dựng, lắp đặt công trình, thử nghiệm, nghiên cứu và phát triển sản phẩm;</i> <i>b) Tàu biển, tàu bay tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để sửa chữa, bảo dưỡng;</i> <i>c) Máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ tùng, vật dụng tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để phục vụ thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay Việt Nam ở nước ngoài, tàu biển, tàu bay nước ngoài neo đậu tại cảng Việt Nam;</i> <i>d) Hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm;</i> <i>đ) Hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để phục vụ công việc trong thời hạn nhất định bao gồm: Hội nghị, hội thảo, nghiên cứu khoa học, giáo dục, thi đấu thể thao, sự kiện văn hóa, nghệ thuật hoặc các sự kiện khác, khám chữa bệnh; máy móc, thiết bị, dụng cụ nghề nghiệp phục vụ công việc trong thời hạn nhất định.</i> <i>e) Hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để bảo hành, sửa chữa, thay thế;</i> <i>g) Hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập khác.</i> <i>2. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm nhập, tái xuất:</i> <i>a) Tờ khai hải quan;</i> <i>b) Đối với hàng hóa tạm nhập thì nộp bổ sung:</i> <i>b.1) Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt (nếu có): 01 bản chụp;</i> <i>b.2) Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo quy định</i>	<i>hợp đồng với nước ngoài.</i> <i>2. Thủ tục tạm xuất, tái nhập được thực hiện như sau:</i> <i>a) Thương nhân phải có giấy phép tạm xuất, tái nhập đối với hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa thuộc diện quản lý bằng biện pháp hạn ngạch xuất khẩu, hạn ngạch nhập khẩu, hạn ngạch thuế quan, giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu;</i> <i>b) Thương nhân chỉ phải làm thủ tục tạm xuất, tái nhập tại cơ quan hải quan đối với hàng hóa không thuộc quy định tại điểm a khoản này.</i> <i>3. Thời hạn tạm xuất, tái nhập thực hiện theo thỏa thuận của thương nhân với bên đối tác và đăng ký với cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tạm xuất.</i> <i>4. Hàng hóa tạm xuất, tái nhập khi tiêu thụ tại nước ngoài phải thực hiện theo quy định về quản lý xuất khẩu hàng hóa của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.</i> <i>5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này</i>		

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<i>của pháp luật; văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật: 01 bản chính;</i> <i>b.3) Hợp đồng cung ứng dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, tàu bay đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này: 01 bản chụp;</i> <i>b.4) Văn bản có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm (trừ tạm nhập, tái xuất để giới thiệu sản phẩm) đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này: 01 bản chụp.</i> <i>b.5) Văn bản về việc tham gia các công việc đối với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này: 01 bản chụp.</i> <i>3. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm xuất, tái nhập:</i> <i>a) Tờ khai hải quan;</i> <i>b) Đối với hàng hóa tạm xuất thì nộp bổ sung:</i> <i>b.1) Giấy phép tạm xuất, tái nhập theo quy định của pháp luật; văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật: 01 bản chính;</i> <i>b.2) Văn bản có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm (trừ tạm xuất, tái nhập để giới thiệu sản phẩm): 01 bản chụp.</i> <i>c) Đối với hàng hóa tái nhập thì nộp bổ sung chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt (nếu có): 01 bản chụp.</i> <i>4. Địa điểm làm thủ tục hải quan:</i>			

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<i>Người khai hải quan được lựa chọn làm thủ tục hải quan tạm nhập, tái xuất; tạm xuất, tái nhập tại cơ quan Hải quan nơi thuận tiện.</i> 5. Thủ tục hải quan: <i>a) Thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này.</i> <i>b) Đối với máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ tùng, vật dụng tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để phục vụ thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay theo hợp đồng cung ứng dịch vụ sửa chữa thực hiện theo quy định đối với loại hình gia công theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</i> 6. Thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập: <i>a) Đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm e, điểm g khoản 1 Điều này thực hiện theo thỏa thuận của thương nhân với bên đối tác và đăng ký với cơ quan hải quan.</i> <i>Trường hợp cần gia hạn thời hạn tạm nhập, tạm xuất theo thỏa thuận với bên đối tác thì trước khi hết thời hạn tạm nhập, tạm xuất đăng ký trên tờ khai hải quan, người khai hải quan thực hiện khai bổ sung tờ khai hải quan và nộp 01 bản chụp văn bản thỏa thuận với đối tác về việc gia hạn thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập cho cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập, tạm xuất. Đối với trường hợp tạm nhập, tạm xuất hàng hóa để thực hiện dự án thì thời gian gia hạn không được quá thời hạn thực hiện dự án đầu tư.</i> <i>b) Đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này thì thời hạn tái xuất, tái nhập như sau:</i> <i>b.1) Hàng hóa tạm nhập khẩu để tổ chức hoặc</i>			

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<i>tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm tại Việt Nam phải được tái xuất khẩu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm đã đăng ký với cơ quan hải quan;</i> <i>b.2) Thời hạn tạm xuất khẩu hàng hóa để tham gia hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm ở nước ngoài là một năm kể từ ngày hàng hóa được tạm xuất khẩu; nếu quá thời hạn nêu trên mà chưa được tái nhập khẩu thì hàng hóa đó phải chịu thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.</i> <i>c) Đối với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này: Thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập theo thời hạn thực tế phát sinh công việc và phải đăng ký với cơ quan hải quan. Trường hợp cần gia hạn thời hạn tạm nhập, tạm xuất thì trước khi hết thời hạn tạm nhập, tạm xuất đăng ký trên tờ khai hải quan, người khai hải quan thực hiện khai bổ sung tờ khai hải quan và nộp 01 bản chụp giấy tờ chứng minh việc kéo dài thời hạn phát sinh công việc cho cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập, tạm xuất.</i> <i>7. Trường hợp doanh nghiệp tạm nhập, tạm xuất thay đổi mục đích sử dụng, chuyển tiêu thụ nội địa thì phải làm thủ tục hải quan nhập khẩu, xuất khẩu theo quy định tại Mục 5 Chương này.</i> <i>8. Trường hợp hàng hóa tạm nhập, tạm xuất để nghiên cứu, phát triển sản phẩm khi tái xuất, tái nhập không đảm bảo nguyên trạng ban đầu thì người khai hải quan phải tái xuất, tái nhập toàn bộ sản phẩm, linh kiện, phụ tùng cấu tạo nên sản phẩm ban đầu.”</i>			
38.	Bãi bỏ Điều 51	Bãi bỏ Điều 51.		

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	“Điều 51. Thủ tục hải quan đối với tàu biển, tàu bay tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để sửa chữa, bảo dưỡng 1. Hồ sơ hải quan: a) Tờ khai hải quan; b) Hợp đồng cung ứng dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, tàu bay khi làm thủ tục tạm nhập, tạm xuất: 01 bản chụp. 2. Địa điểm làm thủ tục hải quan: Thực hiện tại Chi cục Hải quan cửa khẩu. 3. Thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập thực hiện theo hợp đồng cung ứng dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng và đăng ký với Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập, tạm xuất. Trường hợp cần gia hạn thời hạn tạm nhập, tạm xuất theo thỏa thuận với bên đối tác thì trước khi hết thời hạn tạm nhập, tạm xuất theo đăng ký trên tờ khai hải quan, người khai hải quan thực hiện khai bổ sung tờ khai hải quan và nộp 01 bản chụp văn bản thỏa thuận với đối tác nước ngoài về việc gia hạn thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập cho Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập, tạm xuất. 4. Thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này. 5. Kiểm tra, giám sát hải quan: a) Chi cục Hải quan cửa khẩu giám sát việc người khai hải quan đưa tàu biển, tàu bay từ vị trí neo đậu tại cầu cảng, sân đỗ đến khu vực sửa chữa, bảo dưỡng. Khi làm thủ tục tái xuất, Chi cục Hải quan giám sát việc người khai hải quan đưa tàu biển, tàu bay từ khu vực sửa chữa, bảo dưỡng đến vị trí neo đậu tại cầu cảng, sân đỗ đến khi thực xuất ra nước ngoài;		Bãi bỏ do gộp vào Điều 50.	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	b) Người khai hải quan chịu trách nhiệm quản lý tàu biển, tàu bay tại khu vực sửa chữa, bảo dưỡng.			
39.	Bãi bỏ Điều 52 “Điều 52. Thủ tục hải quan đối với máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ tùng, vật dụng tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để phục vụ thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay Việt Nam ở nước ngoài, tàu biển, tàu bay nước ngoài neo đậu tại cảng Việt Nam 1. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm nhập, tái xuất: a) Tờ khai hải quan; b) Khi làm thủ tục tạm nhập nộp bổ sung các chứng từ sau: b.1) Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt (trừ trường hợp mang theo tàu nhập cảnh): 01 bản chụp; b.2) Giấy phép tạm nhập, tái xuất, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành: 01 bản chính. 2. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm xuất, tái nhập: a) Tờ khai hải quan; b) Giấy phép tạm xuất, tái nhập, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành khi làm thủ tục tạm xuất: 01 bản chính; c) Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt (trừ trường hợp mang theo tàu nhập cảnh) khi làm thủ tục	Bãi bỏ Điều 52.	Bãi bỏ do gộp vào Điều 50.	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<i>tái nhập: 01 bản chụp.</i> 3. Địa điểm làm thủ tục hải quan: <i>Thực hiện tại Chi cục Hải quan cửa khẩu hoặc Chi cục Hải quan chuyên phát nhanh.</i> 4. Thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập thực hiện theo hợp đồng cung ứng dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng và đăng ký với Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập, tạm xuất. <i>Trường hợp cần gia hạn thời hạn tạm nhập, tạm xuất theo thỏa thuận với bên đối tác thì trước khi hết thời hạn tạm nhập, tạm xuất đăng ký trên tờ khai hải quan, người khai hải quan thực hiện khai bổ sung tờ khai hải quan và nộp 01 bản chụp văn bản thỏa thuận với đối tác nước ngoài về việc gia hạn thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập cho Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập, tạm xuất.</i> 5. Thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này. 6. <i>Đối với máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ tùng, vật dụng tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để phục vụ thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay theo hợp đồng cung ứng dịch vụ sửa chữa thực hiện theo quy định đối với loại hình gia công theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính."</i>			
40.	Bãi bỏ Điều 53 "Điều 53. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm 1. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm nhập, tái xuất: a) Tờ khai hải quan; b) Khi làm thủ tục tạm nhập nộp bổ sung các chứng	Bãi bỏ Điều 53.	Bãi bỏ do gộp vào Điều 50.	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<i>từ sau:</i> b.1) Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt: 01 bản chụp; b.2) Văn bản có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm (trừ tạm nhập, tái xuất để giới thiệu sản phẩm): 01 bản chụp; b.3) Giấy phép tạm nhập, tái xuất, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành: 01 bản chính. 2. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm xuất, tái nhập: a) Tờ khai hải quan; b) Văn bản có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm (trừ tạm xuất, tái nhập để giới thiệu sản phẩm) khi làm thủ tục tạm xuất: 01 bản chụp; c) Giấy phép tạm xuất, tái nhập, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành khi làm thủ tục tạm xuất: 01 bản chính; d) Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt khi làm thủ tục tái nhập: 01 bản chụp; 3. Địa điểm làm thủ tục hải quan: Thực hiện tại Chi cục Hải quan nơi có hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm hoặc Chi cục Hải quan cửa khẩu hoặc Chi cục Hải quan chuyển phát nhanh hoặc Chi cục quản lý doanh nghiệp chế xuất đối với trường hợp doanh nghiệp chế xuất đưa hàng hóa vào nội địa hoặc ra nước ngoài để tổ chức hoặc tham			

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm. 4. Thời hạn tái xuất, tái nhập: a) Hàng hóa tạm nhập khẩu để tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm tại Việt Nam phải được tái xuất khẩu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm đã đăng ký với cơ quan hải quan; b) Thời hạn tạm xuất khẩu hàng hóa để tham gia hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm ở nước ngoài là một năm kể từ ngày hàng hóa được tạm xuất khẩu; nếu quá thời hạn nêu trên mà chưa được tái nhập khẩu thì hàng hóa đó phải chịu thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.”			
41.	Bãi bỏ Điều 54 “Điều 54. Hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để phục vụ công việc trong thời hạn nhất định 1. Hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để phục vụ công việc trong thời hạn nhất định bao gồm: Hội nghị, hội thảo, nghiên cứu khoa học, giáo dục, thi đấu thể thao, sự kiện văn hóa, nghệ thuật hoặc các sự kiện khác, khám chữa bệnh; máy móc, thiết bị, dụng cụ nghề nghiệp phục vụ công việc trong thời hạn nhất định. 2. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm nhập, tái xuất: a) Tờ khai hải quan; b) Khi làm thủ tục tạm nhập nộp bổ sung các chứng từ sau: b.1) Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt (trừ trường hợp hàng hóa do người nhập cảnh mang	Bãi bỏ Điều 54.	Bãi bỏ do gộp vào Điều 50.	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	theo đường hành lý): 01 bản chụp; b.2) Văn bản về việc tham gia các công việc nêu tại khoản 1 Điều này: 01 bản chụp; b.3) Giấy phép tạm nhập, tái xuất, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành: 01 bản chính; 3. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm xuất, tái nhập: a) Tờ khai hải quan; b) Văn bản về việc tham gia các công việc nêu tại khoản 1 Điều này khi làm thủ tục tạm xuất: 01 bản chụp; c) Giấy phép tạm xuất, tái nhập, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành khi làm thủ tục tạm xuất: 01 bản chính. d) Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt (trừ trường hợp hàng hóa do người nhập cảnh mang theo đường hành lý) khi làm thủ tục tái nhập: 01 bản chụp. 4. Địa điểm làm thủ tục hải quan: Thực hiện tại Chi cục Hải quan cửa khẩu, hoặc Chi cục Hải quan chuyên phát nhanh hoặc Chi cục Hải quan khu vực nơi diễn ra các sự kiện quy định tại khoản 1 Điều này. 5. Thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập theo thời hạn thực tế phát sinh công việc và phải đăng ký với cơ quan hải quan. Trường hợp cần gia hạn thời hạn tạm nhập, tạm xuất thì trước khi hết thời hạn tạm nhập, tạm xuất đăng ký trên tờ khai hải quan, người khai hải quan thực hiện khai bổ sung tờ khai hải quan và nộp 01 bản chụp giấy tờ chứng minh việc kéo dài			

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<i>thời hạn phát sinh công việc cho Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập, tạm xuất.”</i>			
42.	Bãi bỏ Điều 55 “Điều 55. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để bảo hành, sửa chữa, thay thế 1. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm nhập, tái xuất: a) Tờ khai hải quan; b) <i>Khi làm thủ tục tạm nhập nộp bổ sung các chứng từ sau:</i> b.1) Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt: 01 bản chụp; b.2) Giấy phép tạm nhập, tái xuất, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành: 01 bản chính; b.3) <i>Hợp đồng hoặc thỏa thuận bảo hành (đối với trường hợp tạm nhập hàng hóa để bảo hành, có ghi rõ điều khoản thay thế trong trường hợp thay thế) hoặc Hợp đồng dịch vụ sửa chữa (đối với trường hợp tạm nhập hàng hóa để sửa chữa): 01 bản chụp.</i> 2. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm xuất, tái nhập: a) Tờ khai hải quan; b) <i>Khi làm thủ tục tạm xuất nộp bổ sung các chứng từ sau:</i> b.1) Giấy phép tạm xuất, tái nhập, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của	Bãi bỏ Điều 55.	Bãi bỏ do gộp vào Điều 50.	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành: 01 bản chính; b.2) Hợp đồng hoặc thỏa thuận bảo hành (đối với trường hợp tạm xuất hàng hóa để bảo hành) hoặc Hợp đồng dịch vụ sửa chữa (đối với trường hợp tạm xuất hàng hóa để sửa chữa) khi làm thủ tục tạm xuất: 01 bản chụp; c) Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt khi làm thủ tục tái nhập: 01 bản chụp. 3. Địa điểm làm thủ tục hải quan: Thực hiện tại Chi cục Hải quan cửa khẩu, Chi cục Hải quan chuyên phát nhanh hoặc Chi cục Hải quan nơi có cơ sở sản xuất, dự án. Đối với hàng hóa tạm nhập – tái xuất, tạm xuất – tái nhập để bảo hành, sửa chữa, thay thế của doanh nghiệp chế xuất, gia công, sản xuất hàng xuất khẩu thì thực hiện thủ tục tại Chi cục hải quan thuận tiện. 4. Thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập: Thực hiện theo thỏa thuận của thương nhân với bên đối tác và đăng ký với Chi cục hải quan khi làm thủ tục tạm nhập, tạm xuất. Trường hợp cần gia hạn thời hạn tạm nhập, tạm xuất theo thỏa thuận với bên đối tác thì trước khi hết thời hạn tạm nhập, tạm xuất đăng ký trên tờ khai hải quan, người khai hải quan thực hiện khai bổ sung tờ khai hải quan và nộp 01 bản chụp văn bản thỏa thuận với đối tác về việc gia hạn thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập cho Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập, tạm xuất. 5. Thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này.”			
43.	Bãi bỏ Điều 55a như sau:	Bãi bỏ Điều 55a.		

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	“Điều 55a. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập khác 1. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm nhập, tái xuất: a) Tờ khai hải quan; b) Khi làm thủ tục tạm nhập nộp bổ sung các chứng từ sau: b.1) Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt (nếu có): 01 bản chụp; b.2) Giấy phép tạm nhập, tái xuất; văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành: 01 bản chính. 2. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm xuất, tái nhập: a) Tờ khai hải quan; b) Giấy phép tạm xuất, tái nhập; văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành khi làm thủ tục tạm xuất: 01 bản chính; c) Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt (nếu có) khi làm thủ tục tái nhập: 01 bản chụp. 3. Địa điểm làm thủ tục hải quan: Thực hiện tại Chi cục Hải quan cửa khẩu hoặc Chi cục hải quan nơi có cơ sở sản xuất, dự án. 4. Thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này. 5. Thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập thực hiện thỏa thuận của thương nhân với bên đối tác và		Bãi bỏ o gộp vào Điều 50.	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	đăng ký với cơ quan hải quan. Trường hợp cần gia hạn thời hạn tạm nhập, tạm xuất theo thỏa thuận với bên đối tác thì trước khi hết thời hạn tạm nhập, tạm xuất đăng ký trên tờ khai hải quan, người khai hải quan thực hiện khai bổ sung tờ khai hải quan và nộp 01 bản chụp văn bản thỏa thuận với đối tác về việc gia hạn thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập cho Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập, tạm xuất.”			
44.	Bãi bỏ Điều 58 Định mức hành lý được miễn thuế	Kế thừa nội dung tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP.		
45.	Sửa đổi khoản 2, khoản 5, khoản 6 và bổ sung khoản 7 Điều 59 như sau: “2. Người xuất cảnh, nhập cảnh không phải khai hải quan nếu không có hành lý vượt định mức miễn thuế theo quy định của pháp luật về thuế, không có hành lý gửi trước hoặc gửi sau chuyến đi. Người xuất cảnh, nhập cảnh mang hàng hóa vượt định mức hành lý miễn thuế qua khu vực kiểm tra hải quan mà không khai hải quan đều coi là hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bất hợp pháp và bị xử lý theo quy định của pháp luật. Khi khai hải quan, người khai hải quan không gộp chung định mức miễn thuế của nhiều người nhập cảnh để khai báo miễn thuế cho một người nhập cảnh, trừ hành lý của các cá nhân trong một gia đình mang theo trong cùng chuyến đi. Việc khai báo định mức miễn thuế tính theo từng lần nhập cảnh. 5. Người xuất cảnh, nhập cảnh được tạm gửi hành lý vào kho của doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, cảng tại cửa khẩu và được nhận lại khi nhập cảnh, xuất cảnh. Thời gian tạm gửi hành lý không quá 180 ngày, kể từ	- Khoản 2 Điều 54 Luật Hải quan quy định: “2. Hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh vượt định mức miễn thuế phải làm thủ tục hải quan như đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.” - Điều 58 Luật Hải quan quy định về kiểm tra, giám sát hải quan, xử lý hàng hóa tồn đọng. “1. Hàng hóa tồn đọng được lưu giữ tại khu vực cảng, kho, bãi thuộc địa bàn hoạt động hải quan bao gồm: a) Hàng hóa mà chủ hàng hóa tuyên bố từ bỏ hoặc thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ. Không thừa nhận việc chủ hàng hóa từ bỏ hoặc thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ đối với hàng hóa có dấu hiệu vi phạm pháp luật; b) Hàng hóa nhập khẩu quá 90 ngày kể từ ngày đến cửa khẩu nhưng không có người đến nhận; c) Hàng hóa do doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi thu gom trong quá trình xếp dỡ hàng hóa; d) Hàng hóa nhập khẩu ngoài vận đơn, bản khai hàng hóa nhưng không có người đến nhận. ...6. Việc xử lý hàng hóa tồn đọng được thực hiện	Phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 54 và Điều 58 Luật Hải quan.	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	ngày hành lý được gửi vào kho. Khách xuất cảnh chỉ được gửi hành lý vào kho trước khi vào khu cách ly. <i>Trước khi kết thúc ngày làm việc, doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, cảng gửi thông tin về hành lý gửi kho cho Chi cục Hải quan cửa khẩu theo mẫu số 01/TBHLGK/GSQL tại Phụ lục ban hành kèm Nghị định này.</i> 6. Trong thời hạn tạm gửi hành lý quy định tại khoản 5 Điều này, nếu người xuất cảnh, nhập cảnh có văn bản từ bỏ hành lý tạm gửi hoặc quá thời hạn tạm gửi hành lý nhưng người xuất cảnh, nhập cảnh không nhận lại <i>hoặc cơ quan, doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, cảng tại cửa khẩu xác định chủ sở hữu hành lý thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ</i> thì xử lý nghị đối với hàng hóa tồn đọng tại địa bàn hoạt động hải quan. theo quy định của pháp luật. Tiền thu được từ việc thanh lý hàng hóa được nộp vào ngân sách nhà nước sau khi trừ đi các chi phí phát sinh theo quy định của pháp luật. 7. Trong trường hợp hành lý vận chuyển bằng đường hàng không, không có thể hành lý, không xác định được chủ sở hữu hành lý, hãng hàng không có trách nhiệm xác minh thông tin người xuất cảnh, nhập cảnh. Trường hợp không xác định được chủ sở hữu hành lý, hãng hàng không có trách nhiệm phối hợp với cơ quan hải quan trong việc xử lý hành lý theo quy định của pháp luật.	nghị sau: a) Đối với hàng hóa tồn đọng, cơ quan hải quan xử lý theo quy định của pháp luật. Trường hợp bán hàng hóa tồn đọng thì tiền bán hàng được nộp vào ngân sách nhà nước sau khi trừ các khoản chi phí bán hàng và chi phí lưu cảng, kho, bãi tại doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi; b) Đối với hàng hóa gây ô nhiễm môi trường, chủ phương tiện vận tải, người điều khiển phương tiện vận tải hoặc người được chủ phương tiện vận tải ủy quyền có trách nhiệm vận chuyển hàng hóa đó ra khỏi lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp không xác định được chủ phương tiện vận tải, người điều khiển phương tiện vận tải hoặc người được chủ phương tiện vận tải ủy quyền, cơ quan hải quan chủ trì, phối hợp với doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi, chính quyền địa phương và cơ quan liên quan thực hiện tiêu hủy.” -Thực tế hiện nay, cơ quan hải quan tại cửa khẩu chỉ có kho lưu giữ hàng hóa vi phạm, đối với hành lý chưa làm thủ tục hải quan cũng như hàng hóa xuất nhập khẩu thông thường khác được lưu giữ tại các khu vực thuộc quản lý của các khu vực cửa khẩu. Do vậy, tại dự thảo bổ sung nội dung quy định hành lý của người xuất nhập cảnh được tạm gửi vào kho của đơn vị kinh doanh kho, bãi, cảng tại cửa khẩu. Trách nhiệm của các đơn vị này là phải gửi thông tin về hành lý gửi kho cho cơ quan hải quan. Riêng đối với hành lý của khách xuất cảnh tại dự thảo Nghị định quy định chỉ cho phép khách xuất		

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		cảnh được gửi hành lý vào kho trước khi làm thủ tục xuất cảnh (trước khi vào khu cách ly). - Khoản 6: Ngoài hành vi không nhận lại hành lý, thực tế phát sinh trường hợp trên các thông tin của kiện hàng ghi rõ thông tin khách nhập cảnh, nhưng khách nhập cảnh lại có văn bản thông báo hành lý không phải của mình..., Do vậy tại dự thảo bổ sung thêm trường hợp: đơn vị kinh doanh tại cảng, quản lý cửa khẩu xác định chủ hành lý thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ thì cũng bị xử lý theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, việc xử lý theo quy định của pháp luật đã đảm bảo tính bao quát, theo đó, đề xuất bỏ đoạn “Tiền thu được từ việc thanh lý hàng hóa được nộp vào ngân sách nhà nước sau khi trừ đi các chi phí phát sinh theo quy định của pháp luật.” Tuy nhiên trường hợp này đề xuất quy định rõ là xử lý như đối với hàng tồn đọng tại địa bàn hoạt động hải quan theo Thông tư số 203/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan để đảm bảo minh bạch, rõ ràng trong việc thực hiện.		
46.	Sửa đổi, bổ sung các khoản 4, 5, 6, 7 Điều 60 như sau: “4. Người nhập cảnh thực hiện thủ tục hải quan đối với hành lý gửi trước hoặc gửi sau chuyển đi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hành lý đến cửa khẩu; trường hợp Đối với hành lý gửi cùng chuyến đi vượt quá định mức miễn thuế thì người nhập cảnh thực hiện thủ tục hải quan ngay sau khi làm thủ tục nhập cảnh. 5. Hành lý của người nhập cảnh có tổng trị giá hải quan vượt định mức miễn thuế quy định tại điểm d khoản	- Khoản 1, khoản 2 Điều 54 Luật Hải quan: <i>“1. Hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh phải chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan tại cửa khẩu.</i> <i>2. Hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh vượt định mức miễn thuế phải làm thủ tục hải quan như đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu”</i> - Khoản 4 Bổ sung thời gian phải thực hiện thủ tục hải quan dành cho khách xuất, nhập cảnh để đảm	Phù hợp với khoản 1, khoản 2 Điều 54 Luật Hải quan.	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	1 Điều 6 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và thuộc danh mục mặt hàng phải có giấy phép nhập khẩu theo quy định của pháp luật, có tổng trị giá hải quan không quá 20.000.000 đồng Việt Nam hoặc hành lý là vật nguyên chiếc, nguyên đơn vị sản phẩm có tổng trị giá hải quan vượt quá 20.000.000 đồng khi làm thủ tục nhập khẩu không phải có giấy phép nhập khẩu. 6. Hành lý của người nhập cảnh thuộc danh mục mặt hàng phải có giấy phép nhập khẩu theo quy định của pháp luật có tổng trị giá vượt mức quy định tại khoản 5 Điều này, tại thời điểm làm thủ tục nhập khẩu, người nhập cảnh phải có giấy phép nhập khẩu hàng hóa. Trường hợp không có giấy phép nhập khẩu, cơ quan hải quan thực hiện xử lý theo quy định. 7. Khi làm thủ tục nhập khẩu hành lý quy định tại khoản 1 Điều này, người nhập cảnh không có tờ khai hải quan dùng cho người xuất cảnh, nhập cảnh quy định tại điểm c khoản 2 Điều này thì không được áp dụng tiêu chuẩn hành lý miễn thuế theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và thực hiện chính sách quản lý đối với hàng nhập khẩu theo quy định tại khoản 5 Điều này.”	bảo tính minh bạch, thông suốt trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính. - Khoản 5,6: kế thừa quy định tại Nghị định số 59/2018/NĐ-CP. “5. Hành lý của người nhập cảnh có tổng trị giá hải quan vượt định mức miễn thuế quy định tại điểm d, Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và thuộc danh mục mặt hàng phải có giấy phép nhập khẩu theo quy định của pháp luật, có tổng trị giá hải quan không quá 20.000.000 đồng Việt Nam hoặc hành lý là vật nguyên chiếc, nguyên đơn vị sản phẩm có tổng trị giá hải quan vượt quá 20.000.000 đồng khi làm thủ tục nhập khẩu không phải có giấy phép nhập khẩu. 6. Hành lý của người nhập cảnh thuộc danh mục mặt hàng phải có giấy phép nhập khẩu theo quy định của pháp luật có tổng trị giá vượt mức quy định tại Khoản 5 Điều này, tại thời điểm làm thủ tục nhập khẩu, người nhập cảnh phải có giấy phép nhập khẩu hàng hóa. Trường hợp không có giấy phép nhập khẩu, cơ quan hải quan thực hiện xử lý theo quy định”		
47.	Bổ sung Điều 60a như sau: Điều 60a. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa cung ứng cho tàu bay xuất cảnh, tàu biển nước ngoài neo đậu tại cảng biển Việt Nam 1. Hàng hóa nhập khẩu để cung ứng cho tàu bay	Theo quy định của Luật Thuế xuất nhập khẩu, Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng thì hàng hóa cung ứng lên tàu bay xuất cảnh được miễn thuế nhập khẩu, không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng nhưng chỉ áp dụng cho hãng hàng	Phù hợp với quy định của Luật Hải quan, Luật Thuế XNK, Luật Thương mại.	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<i>xuất cảnh, tàu biển nước ngoài được lưu giữ tại các địa điểm sau:</i> <i>a) Kho ngoại quan;</i> <i>b) Khu vực cửa khẩu có tàu bay, tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh;</i> <i>c) Cơ sở gia công, sản xuất suất ăn.</i> 2. Hàng hoá cung ứng cho tàu bay, tàu biển xuất cảnh thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan theo loại hình xuất khẩu, nhập khẩu tương ứng và được đăng ký tờ khai một lần, giao nhận nhiều lần.	nước ngoài. Trước đây, các công ty sản xuất suất ăn để cung ứng lên tàu bay xuất cảnh (bao gồm cả tàu bay Việt Nam và tàu bay nước ngoài) thực hiện nhập khẩu hàng hóa theo loại hình kho bảo thuế (không chịu thuế nhập khẩu, xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt), tuy nhiên từ khi Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 có hiệu lực thì các kho của các doanh nghiệp cung ứng suất ăn không còn đáp ứng đủ điều kiện. Căn cứ bản chất hoạt động sản xuất của loại hình đặc thù này là sản xuất và cung ứng suất ăn lên tàu bay xuất cảnh theo các Hiệp định vận chuyển hàng không giữa Chính phủ Việt Nam cho các hãng hàng không nước ngoài và theo hợp đồng cung ứng với các hãng hàng không Việt Nam, các doanh nghiệp cung ứng suất ăn thực hiện thủ tục theo loại hình gia công đối với trường hợp cung ứng cho hãng hàng không nước ngoài, theo loại hình sản xuất xuất khẩu đối với trường hợp cung ứng cho hãng hàng không VN. Tuy nhiên, thực hiện theo đúng tất cả các quy định hiện hành đối với loại hình gia công, sản xuất xuất khẩu thì chưa thực sự phù hợp với hoạt động đặc thù này, theo đó tại dự thảo bổ sung thêm 01 Điều để điều chỉnh đối với hoạt động cung ứng hàng hóa cho tàu bay xuất cảnh.		
48.	“Điều 61. Hồ sơ, thời hạn nộp hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh 1. Đối với tàu bay nhập cảnh: <i>a) Hồ sơ hải quan:</i>	Luật hải quan: - Điều 66. Thông báo thông tin phương tiện vận tải Chủ phương tiện vận tải, người điều khiển phương	Phù hợp với quy định của Luật Hải quan; nghị định số 85/2019/NĐ-CP quy định về thực hiện cơ chế	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	a.1) Bản khai hàng hóa nhập khẩu bằng đường hàng không trong trường hợp tàu bay vận chuyển hàng hóa nhập khẩu; a.2) Thông tin về vận đơn: vận đơn chủ (master bill of lading), vận đơn thứ cấp (house bill of lading) trong trường hợp tàu bay vận chuyển hàng hóa nhập khẩu; a.3) Danh sách hành khách trong trường hợp tàu bay vận chuyển hành khách; a.4) Danh sách tổ lái và nhân viên làm việc trên tàu bay; a.5) Bản lược khai hành lý ký gửi trong trường hợp tàu bay vận chuyển hành khách; a.6) Thông tin đặt chỗ của hành khách (PNR); a.7) Thông tin về chuyến bay bao gồm: đường bay, số hiệu chuyến bay, tên hãng hàng không, cửa khẩu, số lượng hành khách và thời gian nhập cảnh. b) Thời hạn nộp hồ sơ hải quan: b.1) Chậm nhất 03 giờ trước thời điểm tàu bay dự kiến nhập cảnh đối với các chuyến bay có thời gian dài hơn 03 giờ bay; b.2) Chậm nhất 30 phút trước thời điểm tàu bay dự kiến nhập cảnh đối với các chuyến bay có thời gian bay ngắn hơn 03 giờ bay; b.3) Chậm nhất 24 giờ trước thời điểm tàu bay dự kiến nhập cảnh đối với thông tin đặt chỗ của hành khách (PNR). c) Thời hạn sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan: c.1) Các chứng từ quy định tại điểm a.1, a.2 khoản 1 Điều này được thực hiện trước khi hoàn thành thủ tục hải quan đối với hàng hóa và hàng hóa chưa đưa ra khỏi khu vực giám sát hải quan. Riêng thời hạn sửa đổi, bổ	tiện vận tải, người được chủ phương tiện vận tải ủy quyền hoặc người phát hành chứng từ vận chuyển phải thông báo thông tin trực tiếp cho cơ quan hải quan hoặc qua hệ thống thông tin một cửa quốc gia về hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và hành khách xuất cảnh, nhập cảnh trên phương tiện vận tải trước khi nhập cảnh, xuất cảnh. Điều 67. Địa điểm làm thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải Phương tiện vận tải khi xuất cảnh, nhập cảnh phải qua cửa khẩu. Phương tiện vận tải nhập cảnh phải được làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập cảnh đầu tiên. Phương tiện vận tải xuất cảnh phải được làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu xuất cảnh cuối cùng. - Điều 68. Tuyến đường, thời gian chịu sự giám sát hải quan đối với phương tiện vận tải Điều 69. Thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải Nghị định số 85/2019/NĐ-CP: - Điều 28. Trao đổi thông tin để thực hiện thủ tục đối với tàu bay nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh tại cảng hàng không quốc tế 1. Việc thực hiện thủ tục, trao đổi, chia sẻ và khai thác thông tin đối với tàu bay nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh; thông tin trước về hành khách và hàng hóa tại các cảng hàng không quốc tế được thực hiện thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia. 2. Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế, Bộ Công an và Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm xây dựng và kết nối hệ thống	một cửa quốc gia, một cửa ASEAN, kiểm tra chuyên ngành; Luật hàng không dân dụng	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	sung thông tin về tên hàng, số lượng được thực hiện trước thời điểm tàu bay đến cảng; c.2) Các chứng từ quy định tại điểm a.3, a.4, a.5, a.7 khoản 1 Điều này được thực hiện trước hoặc ngay sau khi tàu bay nhập cảnh dừng đỗ tại vị trí quy định; c.3) Chứng từ quy định tại điểm a.6 khoản 1 Điều này được thực hiện chậm nhất 08 giờ trước thời gian tàu bay dự kiến nhập cảnh. 2. Đối với tàu bay xuất cảnh: a) Hồ sơ hải quan: a.1) Bản khai hàng hóa xuất khẩu bằng đường hàng không trong trường hợp tàu bay vận chuyển hàng hóa xuất khẩu; a.2) Danh sách hành khách trong trường hợp tàu bay vận chuyển hành khách; a.3) Danh sách tổ lái, nhân viên làm việc trên tàu bay; a.4) Bản lược khai hành lý ký gửi trong trường hợp tàu bay vận chuyển hành khách; a.5) Thông tin đặt chỗ của hành khách (PNR); a.6) Thông tin về chuyến bay bao gồm: đường bay, số hiệu chuyến bay, tên hãng hàng không, cửa khẩu, số lượng hành khách và thời gian xuất cảnh. b) Thời hạn nộp hồ sơ hải quan: b.1) Trước thời điểm tàu bay xuất cảnh đối với các chứng từ quy định tại điểm a.2, a.3, a.4 và a.6 khoản này; b.2) Chậm nhất 01 giờ sau thời điểm tàu bay xuất cảnh đối với chứng từ quy định tại điểm a.1 khoản này; b.3) Chậm nhất 24 giờ trước thời điểm tàu bay dự kiến xuất cảnh đối với chứng từ quy định tại điểm a.5 khoản này.	với Cổng thông tin một cửa quốc gia để tiếp nhận, xử lý thông tin hoặc trực tiếp truy cập Cổng thông tin một cửa quốc gia để tiếp nhận, xử lý thông tin. Điều 29. Thủ tục khai báo, cung cấp và xử lý thông tin đối với tàu bay nhập cảnh Điều 30. Thủ tục khai báo, cung cấp và xử lý thông tin đối với tàu bay xuất cảnh Điều 31. Khai báo, cung cấp và xử lý thông tin để thực hiện thủ tục cho tàu bay quá cảnh - Lý do sửa đổi, bổ sung quy định về “thời hạn khai” và gộp vào Điều 61 vì: + Việc gộp Điều 62 (Thời hạn cung cấp hồ sơ hải quan) vào Điều 61 (Hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh) nhằm hỗ trợ cơ quan hải quan và người khai thuận tiện khi tra cứu, đọc, thực hiện + Điều 62 chưa có quy định cụ thể về thời hạn sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; vì vậy, đề xuất bổ sung như dự thảo để người khai hải quan và cơ quan hải quan có căn cứ thực hiện và việc ứng dụng Hệ thống CNTT để quản lý hoạt động xuất nhập cảnh đối với PTVT đường hàng không thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia thì quy định này còn đảm bảo minh bạch trách nhiệm các bên (hải quan và người khai hải quan) trong việc khai sửa đổi, bổ sung. - Bổ nội dung quy định Khoản 4 Điều 61 vì việc quy định khai các chỉ tiêu thông tin thuộc bộ hồ sơ tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh quá cảnh được quy		

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<i>c) Thời hạn sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan:</i> <i>c.1) Trước thời điểm tàu bay xuất cảnh đối với các chứng từ quy định tại điểm a.2, a.3, a.4 và a.6 khoản này;</i> <i>c.2) Trong 24 giờ kể từ khi tàu bay xuất cảnh đối với chứng từ quy định tại điểm a.1 khoản này;</i> <i>c.3) Chậm nhất 08 giờ trước thời điểm chuyển bay xuất cảnh đối với chứng từ quy định tại điểm a.5 khoản này.</i> 3. Đối với tàu bay quá cảnh Khi làm thủ tục nhập cảnh đối với tàu bay quá cảnh, người khai hải quan <i>thực hiện</i> theo quy định tại khoản 1 Điều này; khi làm thủ tục xuất cảnh, nếu có sự thay đổi về các chứng từ khi nhập cảnh, người khai hải quan nộp hồ sơ hải quan gồm các chứng từ đã có sự thay đổi so với lúc nhập cảnh <i>theo thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này.</i> Tàu bay quá cảnh khi dùng kỹ thuật không phải làm thủ tục kê khai hải quan, nhưng phải chịu sự giám sát hải quan.”	định lại tại nội dung Điều 63 của dự thảo.		
49.	Bãi bỏ Điều 62 (Thời hạn cung cấp thông tin hồ sơ hải quan)	Chuyển nội dung quy định vào Điều 61 của dự thảo		
50.	1. Sửa đổi, bổ sung Điều 63 như sau: “Điều 63. Thủ tục hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh 1. Khai, nộp hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh: <i>a) Người khai hải quan khai chứng từ liên quan quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 61 Nghị định này theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và nộp trên Cổng thông tin một cửa quốc gia. Người phát hành vận đơn thứ cấp có trách nhiệm cung cấp đủ thông tin vận đơn thứ cấp đối với tàu bay nhập cảnh cho hãng</i>	Điều 63: + Sửa tên của Điều 63 từ “<i>Tiếp nhận và xử lý hồ sơ hải quan</i>” thành “<i>Thủ tục hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng</i>” và bổ cục lại các khoản 1, khoản 2, khoản 3 của Điều 63 theo đúng trình tự thủ tục nhằm quy định rõ các bước, nội dung thực hiện có tính bao quát, đầy đủ các trường hợp hơn.	Phù hợp với quy định của Luật Hải quan; nghị định số 85/2019/NĐ-CP quy định về thực hiện cơ chế một cửa quốc gia, một cửa ASEAN, kiểm tra chuyên ngành; Luật hàng không dân dụng	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<i>hàng không để khai báo trong thời hạn quy định tại Điều 61 Nghị định này và nộp trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;</i> <i>b) Trường hợp sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh đã nộp, người khai hải quan khai theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và nộp chứng từ giải trình, chứng minh trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;</i> <i>c) Trường hợp hồ sơ đã nộp nhưng tàu bay không xuất cảnh, nhập cảnh, người khai hải quan khai và gửi đề nghị hủy hồ sơ hải quan theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;</i> <i>d) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, người khai hải quan khai 01 bản chính chứng từ giấy liên quan quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 61 Nghị định này theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và nộp cho cơ quan hải quan nơi giải quyết thủ tục hải quan tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh.</i> <i>Đối với trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản này, người khai hải quan nộp văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung, hủy cho cơ quan hải quan nơi giải quyết thủ tục hải quan tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh.</i> <i>Ngay sau khi sự cố được khắc phục, người khai hải quan cập nhật lại thông tin chứng từ điện tử trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.</i> 2. Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh: a) Cổng thông tin một cửa quốc gia tiếp nhận, kiểm tra thông tin khai và phản hồi số tiếp nhận hồ sơ cho người khai hải quan trong thời hạn 30 phút kể từ thời			

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<i>điểm nhận thông tin khai đầy đủ, hợp lệ. Đối với thông tin khai không đầy đủ hoặc không hợp lệ, Cổng thông tin một cửa quốc gia phản hồi từ chối chấp nhận hồ sơ (có nêu rõ lý do) cho người khai hải quan trong thời hạn 01 giờ kể từ thời điểm tiếp nhận hồ sơ;</i> <i>b) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tàu bay nhập cảnh, xuất cảnh tiếp nhận hồ sơ giấy, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của các chứng từ trong thời hạn 30 phút kể từ thời điểm tiếp nhận hồ sơ và cấp số tiếp nhận hồ sơ.</i> <i>3. Xử lý kết quả kiểm tra hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh</i> <i>a) Cơ quan hải quan xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan đối với tàu bay xuất cảnh hoặc nhập cảnh thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.</i> <i>Đối với tàu bay nhập cảnh có vận chuyển hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, hàng hóa không đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, cơ quan hải quan thông báo cho người khai hải quan, doanh nghiệp kinh doanh cảng, Cảng vụ hàng không biết để không dỡ hàng hóa xuống cảng trừ trường hợp có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền.</i> <i>Đối với tàu bay thuộc danh sách từ chối, tạm hoãn nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan hải quan thông báo cho người khai hải quan về việc tàu bay không đủ điều kiện làm thủ tục hải quan;</i> <i>b) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, cơ quan hải quan thông báo bằng văn bản kết quả xử lý hồ sơ cho người khai hải quan;</i> <i>c) Trường hợp Cảng vụ hàng không, Tòa án, cơ</i>			

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<i>quan Công an và cơ quan có thẩm quyền khác có văn bản yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh thì cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật.</i> <i>4. Tiếp nhận, kiểm tra và xử lý thông tin khai sửa đổi, bổ sung, hủy hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh</i> <i>a) Cổng thông tin một cửa quốc gia tiếp nhận thông tin khai sửa đổi, bổ sung, hủy và phản hồi cho người khai hải quan trong thời hạn 30 phút kể từ thời điểm nhận thông tin đầy đủ, hợp lệ.</i> <i>Đối với thông tin không đầy đủ hoặc không hợp lệ, Cổng thông tin một cửa quốc gia phản hồi từ chối chấp nhận (có nêu rõ lý do) cho người khai hải quan trong thời hạn 30 phút kể từ thời điểm tiếp nhận;</i> <i>b) Cơ quan hải quan nơi làm thủ tục căn cứ thông tin giải trình, chứng minh do người khai hải quan nộp để kiểm tra nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung, hủy để cập nhật vào hệ thống hoặc nêu rõ lý do trong trường hợp từ chối chấp nhận và phản hồi kết quả xử lý trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;</i> <i>c) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tàu bay nhập cảnh, xuất cảnh tiếp nhận hồ sơ giấy, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của các chứng từ trong thời hạn 30 phút kể từ thời điểm tiếp nhận hồ sơ.</i> <i>5. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh</i> <i>Cơ quan hải quan có trách nhiệm thực hiện việc giám sát đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh</i>			

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	trong suốt quá trình tàu bay dừng đỗ tại sân bay. Trên cơ sở thông tin khai hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, thông tin do doanh nghiệp kinh doanh cảng hàng không cung cấp theo quy định tại Điều 61 Nghị định này và các nguồn thông tin liên quan khác (nếu có), cơ quan hải quan áp dụng quản lý rủi ro để quyết định hình thức kiểm tra, biện pháp giám sát hải quan phù hợp đối với hàng hóa, phương tiện vận tải. Trong quá trình giám sát, trường hợp xác định có dấu hiệu buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ, cơ quan hải quan thực hiện các biện pháp kiểm tra, ngăn chặn theo quy định của pháp luật. 6. Tổng cục Hải quan có trách nhiệm xây dựng hệ thống tiếp nhận thông tin điện tử từ người khai hải quan và chia sẻ thông tin cho các cơ quan liên quan tại cảng hàng không.”			
51.	2. Sửa đổi, bổ sung Điều 64 như sau: “Điều 64. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh cảng hàng không, Hãng hàng không hoặc người được Hãng hàng không ủy quyền 1. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh cảng hàng không: a) Chậm nhất 24 giờ đối với chuyến bay thường lệ hoặc chậm nhất 01 giờ đối với chuyến bay không thường lệ trước khi tàu bay nhập cảnh và trước khi hãng vận chuyển hoàn thành thủ tục hàng không cho hành khách xuất cảnh và hàng hóa xuất khẩu trên chuyến bay xuất cảnh và quá cảnh, cung cấp cho Chi cục Hải quan quản lý sân bay gồm các thông tin sau: a.1) Quốc tịch tàu bay;	Điều 71 Luật Hải quan quy định: Điều 71. Vận chuyển quốc tế kết hợp vận chuyển nội địa, vận chuyển nội địa kết hợp vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 1. Phương tiện vận tải khi vận chuyển quốc tế, nếu được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và đáp ứng các điều kiện về giám sát hải quan theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính thì được kết hợp vận chuyển hàng hóa nội địa. 2. Phương tiện vận tải vận chuyển nội địa, nếu được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và đáp ứng các điều kiện về giám sát hải quan theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính thì được kết hợp vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đang	Phù hợp với quy định tại Luật Hải quan	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	a.2) Loại tàu bay; a.3) Hành trình bay; a.4) Thời gian đến, thời gian đi của tàu bay; a.5) Vị trí đỗ của tàu bay; a.6) Cửa vào của hành khách; a.7) Thời gian xếp, dỡ hàng hóa lên, xuống tàu bay. b) Chậm nhất 01 giờ trước khi tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, <i>thông báo</i> cho cơ quan hải quan khi có thay đổi thông tin quy định tại điểm a khoản 1 Điều này; c) Chia sẻ dữ liệu thông tin từ hệ thống ca-mê-ra, <i>hệ thống máy soi tại nhà ga quốc tế</i> với cơ quan hải quan để phục vụ việc <i>kiểm tra</i>, giám sát hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và <i>hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh</i>. 2. Trách nhiệm của Hãng hàng không hoặc người được Hãng hàng không ủy quyền: a) Khai báo hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh đầy đủ, chính xác, rõ ràng các tiêu chí thông tin và đúng thời hạn theo quy định; b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của nội dung thông tin đã khai và các chứng từ đã nộp, xuất trình hoặc gửi đến Công thông tin một cửa quốc gia; về sự thống nhất nội dung thông tin giữa hồ sơ lưu tại doanh nghiệp với hồ sơ lưu tại cơ quan hải quan; c) <i>Đối với tàu bay nhập cảnh có vận chuyển hàng hóa nhập khẩu, hãng hàng không hoặc người được ủy quyền phải xếp dỡ toàn bộ hàng hóa nhập khẩu tại cảng hàng không nơi tàu bay làm thủ tục nhập cảnh;</i> d) <i>Đối với tàu bay kết thúc chặng nội địa được sử dụng để bay tiếp chặng quốc tế, hãng hàng không hoặc</i>	chịu sự giám sát hải quan. - Tên Điều: tiếp thu ý kiến HQ địa phương, cụ thể: Nội dung Điều này có quy định trách nhiệm của <i>hãng hàng không hoặc người được hãng hàng không ủy quyền</i>. Do vậy, phải điều chỉnh tên Điều để đảm bảo phù hợp. - Chỉnh sửa câu chữ để đảm bảo logic, dễ hiểu. - Về việc bổ sung nội dung về giám sát tại điểm c, d khoản 2 Điều này: Nhằm tăng cường công tác giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo đường hàng không vận chuyển trên các chuyến bay nội địa, ngăn chặn hành vi đưa hàng trái phép vào nội địa hoặc thực hiện việc xuất khẩu không khai báo thủ tục theo quy định. (Chuyển nội dung quy định tại khoản 2, 3 Điều này tại Nghị định số 59/2018/NĐ-CP vào nội dung khoản 1 của Điều này tại Dự thảo.)		

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<i>người được ủy quyền chỉ được xếp hàng hóa xuất khẩu lên tàu bay xuất cảnh khi không còn hàng hóa trên tàu bay.”</i>			
52.	Sửa đổi, bổ sung Điều 65 như sau: “Điều 65. Hồ sơ, thời hạn nộp hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng 1. Đối với tàu biển nhập cảnh: a) <i>Hồ sơ hải quan:</i> a.1) Bản khai chung; a.2) Danh sách thuyền viên; a.3) Bản khai hành lý thuyền viên, nhân viên làm việc trên tàu biển; a.4) Bản khai dự trữ của tàu; a.5) Danh sách hành khách trong trường hợp tàu biển vận chuyển hành khách; a.6) Bản khai hàng hóa trường hợp tàu biển vận chuyển hàng hóa; a.7) Thông tin về vận đơn: vận đơn chủ (master bill of lading), vận đơn thứ cấp (house bill of lading) trong trường hợp tàu biển vận chuyển hàng hóa; a.8) Bản khai hàng hóa nguy hiểm trong trường hợp tàu biển vận chuyển hàng hóa nguy hiểm; a.9) Thông tin lệnh giao hàng. b) <i>Thời hạn nộp hồ sơ hải quan:</i> b.1) <i>Các chứng từ quy định tại điểm a.2, a.3, a.4, a.5 khoản 1 Điều này: Chậm nhất 08 giờ trước khi tàu dự kiến cập cảng;</i> b.2) <i>Các chứng từ quy định tại điểm a.1, a.6, a.7, a.8 khoản 1 Điều này: Chậm nhất 12 giờ trước khi tàu dự kiến cập cảng đối với tàu biển có hành trình dưới 5 ngày</i>	Bổ sung quy định về “thời hạn nộp hồ sơ” vào Điều 65 vì: + Điều 66 hiện hành chưa quy định đầy đủ về thời hạn sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất nhập cảnh, quá cảnh; vì vậy, sửa đổi bổ sung quy định về “Thời hạn cung cấp thông tin hồ sơ hải quan” tại Điều 66 và đưa nội dung này vào Điều 65 dự thảo để người khai hải quan và cơ quan hải quan có đầy đủ căn cứ thực hiện, thuận tiện hơn khi tra cứu, đọc và thi hành. + Bổ sung quy định về thời hạn sửa đổi, bổ sung thông tin về bản khai hàng hóa, thông tin về vận đơn như nêu tại điểm c.2 khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 65 dự thảo để đảm bảo minh bạch trách nhiệm các bên (hải quan và người khai hải quan) trong thời hạn được khai sửa đổi, bổ sung nhất là khi ứng dụng Hệ thống hải quan số tới đây.	Phù hợp với quy định của Luật Hải quan năm 2014; nghị định số 85/2019/NĐ-CP quy định về thực hiện cơ chế một cửa quốc gia, một cửa ASEAN, kiểm tra hàng hải; Bộ Luật chuyên ngành; Bộ Luật hàng hải; Nghị định 58/2017/NĐ-CP quy định chi tiết Bộ Luật Hàng hải.	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	hoặc chậm nhất 24 giờ trước khi tàu dự kiến cập cảng đối với tàu biển có hành trình khác; b.3) Chứng từ quy định tại điểm a.9 khoản 1 Điều này: sau khi phát hành lệnh giao hàng cho người nhận hàng. c) Thời hạn sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan: c.1) Các chứng từ quy định tại điểm a.1, a.2, a.3, a.4, a.5 khoản 1 Điều này: Được thực hiện trước hoặc ngay sau khi tàu dự kiến cập cảng; c.2) Các chứng từ quy định tại điểm a.6, a.7, a.8, a.9 khoản 1 Điều này: Được thực hiện trước khi đưa hàng hóa ra khỏi khu vực giám sát hải quan. Riêng việc sửa đổi, bổ sung chỉ tiêu thông tin về tên hàng, số lượng được thực hiện trước khi tàu dự kiến cập cảng hoặc khi có biên bản chứng nhận về hàng hóa thừa, thiếu sau khi khai thác tại địa điểm thu gom hàng lẻ có xác nhận của cơ quan hải quan. 2. Đối với tàu biển xuất cảnh: a) Hồ sơ hải quan: a.1) Bản khai chung; a.2) Danh sách thuyền viên; a.3) Bản khai hành lý thuyền viên, nhân viên làm việc trên tàu biển; a.4) Bản khai dự trữ của tàu; a.5) Danh sách hành khách trong trường hợp tàu biển vận chuyển hành khách; a.6) Bản khai hàng hóa trong trường hợp tàu biển vận chuyển hàng hóa; a.7) Bản khai hàng hóa nguy hiểm trong trường hợp tàu biển vận chuyển hàng hóa nguy hiểm. Khi tàu biển xuất cảnh, nếu không có nội dung thay			

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	đổi so với nội dung đã khai báo khi tàu nhập cảnh thì người khai hải quan chỉ phải nộp bản khai chung quy định tại điểm a.1 khoản 2 Điều này. b) Thời hạn nộp hồ sơ hải quan: Chậm nhất 01 giờ trước khi tàu dự kiến rời cảng; c) Thời hạn sửa đổi hồ sơ hải quan: Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi tàu rời cảng. 3. Đối với tàu biển quá cảnh Khi làm thủ tục nhập cảnh đối với tàu biển quá cảnh, người khai hải quan thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này; khi làm thủ tục xuất cảnh, nếu có sự thay đổi về các chứng từ khi nhập cảnh, người khai hải quan nộp hồ sơ hải quan gồm các chứng từ đã có sự thay đổi so với lúc nhập cảnh theo thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này. 4. Đối với tàu biển chuyên cảng Phiếu chuyển hồ sơ tàu chuyên cảng và chứng từ liên quan quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện trước khi tàu dự kiến cập cảng đến tiếp theo.”			
53.	Bãi bỏ Điều 66. Thời hạn cung cấp thông tin hồ sơ hải quan	Bãi bỏ Điều 66 vì các lý do sau: + Nội dung khoản 1, 2, 3 Điều 66 về thời hạn cung cấp thông tin hồ sơ hải quan đã được quy định tại Điều 65 dự thảo. + Nội dung khoản 4 Điều 66 về phương thức nộp hồ sơ hải quan đã được quy định tại khoản 2 Điều 67 dự thảo (quy định đã bổ sung làm rõ gồm cả 02 phương thức thủ công và điện thì thực hiện khai gồm các chỉ tiêu và mẫu do đơn vị nào hướng dẫn, ban hành)	Phù hợp với quy định của Luật Hải quan năm 2014; nghị định số 85/2019/NĐ-CP quy định về thực hiện cơ chế một cửa quốc gia, một cửa ASEAN, kiểm tra chuyên ngành; Bộ Luật hàng hải; Nghị định 58/2017/NĐ-CP quy định chi tiết Bộ Luật Hàng hải.	
54.	3. Sửa đổi, bổ sung Điều 67 như sau:	Điều 94. Yêu cầu đối với tàu thuyền đến cảng	Phù hợp với quy định của	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	“Điều 67. Thủ tục hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng 1. Khai, nộp hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh: a) Người khai hải quan khai chứng từ liên quan quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 65 Nghị định này theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và nộp trên Cổng thông tin một cửa quốc gia. Trường hợp người khai hải quan không có thông tin vận đơn thứ cấp thì cung cấp số tiếp nhận hồ sơ tàu biển nhập cảnh cho người phát hành vận đơn thứ cấp để khai đầy đủ thông tin vận đơn thứ cấp trong thời hạn quy định và nộp trên Cổng thông tin một cửa quốc gia; b) Trường hợp sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh đã nộp, người khai hải quan khai theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và nộp chứng từ giải trình, chứng minh nội dung sửa đổi, bổ sung đối với chứng từ quy định tại điểm a.6, điểm a.7, điểm a.8 khoản 1; điểm a.6, điểm a.7 khoản 2 Điều 65 Nghị định này trên Cổng thông tin một cửa quốc gia; c) Trường hợp hồ sơ đã nộp nhưng tàu biển không xuất cảnh, nhập cảnh, người khai hải quan khai và gửi đề nghị hủy hồ sơ hải quan theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định trên Cổng thông tin một cửa quốc gia; d) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, người khai hải quan nộp 01 bộ hồ sơ giấy theo quy định tại Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015 cho cơ quan	biển 1. Tất cả các loại tàu thuyền không phân biệt quốc tịch, trọng tải và mục đích sử dụng chỉ được phép đến cảng biển khi có đủ điều kiện an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, lao động hàng hải, bảo vệ môi trường và các điều kiện khác theo quy định của pháp luật. 2. Tàu thuyền chỉ được hoạt động tại cảng biển, bến cảng, cầu cảng đã được công bố đưa vào sử dụng và phù hợp với công năng của cảng biển, bến cảng, cầu cảng đó. 3. Trường hợp tàu thuyền nước ngoài vào hoạt động tại vùng biển Việt Nam không thuộc vùng nước cảng biển, phải tiến hành thủ tục tàu thuyền đến, rời cảng biển tại Cảng vụ hàng hải quản lý khu vực đó. Cảng vụ hàng hải có trách nhiệm giám sát hoạt động của tàu thuyền bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường. Điều 96. Thời hạn làm thủ tục tàu thuyền đến, rời cảng biển 1. Chậm nhất là 02 giờ kể từ khi tàu thuyền đã vào neo đậu tại cầu cảng hoặc dự kiến rời cảng, người có trách nhiệm phải làm thủ tục cho tàu thuyền đến hoặc rời cảng biển. 2. Chậm nhất là 01 giờ kể từ khi người làm thủ tục đã nộp, xuất trình đủ các giấy tờ theo quy định thì Cảng vụ hàng hải phải quyết định việc cho tàu thuyền đến, rời cảng biển. 3. Tàu thuyền đã làm thủ tục nhập cảnh ở một cảng biển của Việt Nam sau đó đến cảng biển khác	Luật Hải quan năm 2014; nghị định số 85/2019/NĐ-CP quy định về thực hiện cơ chế một cửa quốc gia, một cửa ASEAN, kiểm tra chuyên ngành; Bộ luật hàng hải; Nghị định 58/2017/NĐ-CP quy định chi tiết Bộ Luật Hàng hải.	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<i>hải quan nơi giải quyết thủ tục hải quan tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh.</i> <i>Ngay sau khi sự cố Hệ thống được khắc phục, người khai hải quan cập nhật lại thông tin chứng từ điện tử trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.</i> <i>Đối với chứng từ quy định tại điểm a.9 khoản 1 Điều 65 Nghị định này, người khai hải quan chỉ khai và nộp khi Cổng thông tin một cửa quốc gia có chức năng đáp ứng yêu cầu truyền nhận thông tin điện tử theo quy định tại Nghị định này.</i> <i>Đối với trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản này, người khai hải quan nộp văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung, hủy cho cơ quan hải quan nơi giải quyết thủ tục hải quan tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh.</i> <i>đ) Trường hợp tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh có hoạt động chuyển tải, sang mạn tại khu neo đậu, chuyển tải do cơ quan có thẩm quyền công bố thì trước khi tàu biển đến khu vực neo đậu, chuyển tải, người khai hải quan thông báo kế hoạch chuyển tải, sang mạn cho cơ quan hải quan quản lý khu vực chuyển tải, sang mạn để thực hiện giám sát theo quy định.</i> 2. 3. Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh: a) Cổng thông tin một cửa quốc gia tiếp nhận, kiểm tra thông tin khai và phản hồi số tiếp nhận hồ sơ cho người khai hải quan trong thời hạn 01 giờ kể từ thời điểm nhận thông tin khai đầy đủ, hợp lệ. Đối với thông tin khai không đầy đủ hoặc không hợp lệ, Cổng thông tin một cửa quốc gia phản hồi từ chối chấp nhận hồ sơ (có nêu rõ lý do) cho người khai hải quan trong thời hạn 01 giờ kể từ thời điểm tiếp nhận hồ sơ;	được miễn làm thủ tục nhập cảnh. Cảng vụ hàng hải nơi tàu thuyền đến căn cứ Giấy phép rời cảng do Cảng vụ hàng hải nơi tàu thuyền rời cảng trước đó cấp để quyết định cho tàu thuyền đến hoạt động tại cảng; các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác căn cứ hồ sơ chuyển cảng (nếu có) do cơ quan có liên quan nơi tàu thuyền rời cảng trước đó cung cấp để thực hiện nghiệp vụ quản lý của mình theo quy định của pháp luật. Sửa đổi, bổ sung Điều 67 vì các lý do sau: (i) Sửa tên của Điều 67 từ “<i>Tiếp nhận và xử lý hồ sơ hải quan</i>” thành “<i>Thủ tục hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng</i>” và bổ cục lại các khoản của Điều 67 hiện hành theo hướng quy định rõ nội dung, trình tự thực hiện thủ tục hải quan đối với tàu biển xuất nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng đảm bảo việc theo dõi, thực hiện sẽ logic hơn so với quy định hiện hành. Trình tự cụ thể gồm 6 khoản như dự thảo là: 1. <i>Đăng ký thông tin chung về tàu biển xuất nhập cảnh</i>; 2. <i>Khai, nộp hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất nhập cảnh</i>; 3. <i>Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất nhập cảnh</i>; 4. <i>Xử lý kết quả kiểm tra hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất nhập cảnh</i>; 5. <i>Tiếp nhận, kiểm tra và xử lý hồ sơ hải quan đối với tàu biển quá cảnh, chuyển cảng</i>; 6. <i>Kiểm tra, giám sát hải quan đối với tàu biển xuất nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng</i> (ii) So với quy định tại Điều 67 hiện hành đã bổ sung khoản 1 (<i>Đăng ký thông tin chung về tàu biển xuất nhập cảnh</i>) với lý do sau:		

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	b) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tàu biển nhập cảnh, xuất cảnh tiếp nhận hồ sơ giấy, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của các chứng từ trong thời hạn 01 giờ kể từ thời điểm tiếp nhận hồ sơ và cấp số tiếp nhận hồ sơ. 3. 4. Xử lý kết quả kiểm tra hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh: a) Cơ quan hải quan xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan đối với tàu biển xuất cảnh hoặc nhập cảnh thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia. Đối với tàu biển nhập cảnh có vận chuyển hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, hàng hóa không đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, cơ quan hải quan thông báo cho người khai hải quan, doanh nghiệp kinh doanh cảng, Cảng vụ hàng hải biết để không dỡ hàng hóa xuống cảng trừ trường hợp có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền. Đối với tàu biển thuộc danh sách từ chối, tạm hoãn nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan hải quan thông báo cho người khai hải quan về việc tàu biển không đủ điều kiện làm thủ tục hải quan; b) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, cơ quan hải quan thông báo bằng văn bản kết quả xử lý hồ sơ cho Cảng vụ hàng hải để làm thủ tục cho tàu biển xuất cảnh hoặc nhập cảnh; c) Cơ quan hải quan tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với tàu biển vận chuyển hàng hóa gây ô nhiễm môi trường của Hãng tàu không thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 hoặc điểm c khoản 4 Điều 68 Nghị định này.	- Tạo cơ sở dữ liệu điện tử về các tàu biển có hoạt động xuất nhập cảnh trên toàn quốc thông qua Hệ thống nhằm: Hỗ trợ cơ quan hải quan tại bất kể thời điểm nào cũng có thể theo dõi/thông kê lịch sử hoạt động của từng PTVT XNC (gồm các tiêu chí như Tổng số PTVT tàu biển có hoạt động XNC trên Lãnh thổ VN, số lượt PT XNC tại từng cảng, tuyến đường, địa điểm hoạt động thường xuyên của từng phương tiện, thời gian, vị trí hoạt động ...); - Tạo cơ sở pháp lý để khi triển khai Hệ thống hải quan số thì sẽ thiết kế Hệ thống theo hướng hỗ trợ tự động kiểm tra thông tin về PTVT khi người khai khai báo hồ sơ tàu biển xuất nhập cảnh để ngăn chặn việc khai trùng, khai sai thông tin với từng lần xuất nhập cảnh mà thực tế hiện nay đang xảy ra; việc này còn đảm bảo hỗ trợ trong công tác đánh giá rủi ro, kết xuất báo cáo về tình hình hoạt động của từng con tàu tàu xuất nhập cảnh; Hỗ trợ người khai hải quan (Hãng tàu/đại lý hãng tàu/Công ty Logistics) giảm số lượng các chỉ tiêu phải nhập liệu tại các Bản khai do khi khai vì chỉ cần nhập theo số quản lý phương tiện vận tải duy nhất (số IMO) để Hệ thống xuất ra dữ liệu chung đã lưu trữ trước đó; đồng thời, hỗ trợ DN XNK có thể tra cứu và nhập liệu thông tin về PTVT chuyên chở hàng hóa có liên quan trên tờ khai hải quan một cách chính xác. (iii) So với quy định tại Điều 67 hiện hành đã bổ sung khoản 2 (Khai, nộp hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất nhập cảnh) với lý do sau: Quy định tại các Điều về khai báo hồ sơ tàu biển		

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<i>Trường hợp có yêu cầu bằng văn bản tạm dừng làm thủ tục hải quan từ các cơ quan chức năng khác như Cảng vụ hàng hải, Tòa án, cơ quan Công an, Biên phòng, cơ quan kiểm dịch và cơ quan có thẩm quyền khác thì cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý theo quy định.</i> 4. 5.—Tiếp nhận, kiểm tra và xử lý hồ sơ hải quan đối với tàu biển quá cảnh, chuyển cảng: <i>a) Đối với tàu biển quá cảnh</i> <i>Thủ tục hải quan đối với tàu biển quá cảnh được thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này ngay tại cơ quan hải quan tại nơi tàu biển nhập cảnh.</i> <i>Trường hợp tàu biển quá cảnh đi qua lãnh hải phải đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 23 Luật Biển Việt Nam năm 2012; thủ tục nhập cảnh thực hiện tại cơ quan hải quan cửa khẩu nhập đầu tiên, thủ tục xuất cảnh thực hiện tại cơ quan hải quan cửa khẩu xuất cuối cùng;</i> <i>b) Đối với tàu biển chuyển cảng:</i> <i>b.1) Trường hợp tàu biển có kế hoạch chuyển cảng đến một cảng biển khác tại Việt Nam, cơ quan hải quan nơi tàu rời đi tiếp nhận thông tin tàu chuyển cảng do Cảng vụ hàng hải, Hãng tàu/Đại lý hãng tàu chuyển đến, lập phiếu chuyển hồ sơ tàu chuyển cảng theo chỉ tiêu thông tin quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính gửi đến cơ quan hải quan nơi tàu dự kiến đến;</i> <i>b.2) Cơ quan hải quan tại nơi tàu đến tiếp nhận phiếu chuyển hồ sơ tàu chuyển cảng, phản hồi thông tin cho hải quan nơi lập phiếu và thực hiện thủ tục hải quan tàu biển xuất cảnh theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này;</i>	xuất nhập cảnh tại Nghị định 08, 59 đều không đề cập rõ chỉ tiêu khai báo điện tử sẽ do đơn vị nào hướng dẫn và nếu Hệ thống sự cố thì khai báo theo mẫu nào; vì vậy, tại khoản 2 đã bổ sung, làm rõ cơ sở pháp lý để người khai hải quan và cơ quan hải quan biết, có căn cứ khi thực hiện. (iv) So với quy định Điều 67 hiện hành, tại khoản 4 dự thảo đã bổ sung, làm rõ về trách nhiệm trong xử lý kết quả kiểm tra hồ sơ đối với cơ quan hải quan, đặc biệt với các trường hợp tàu biển nhập cảnh có vận chuyển hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, hàng hóa không đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; Trường hợp Hệ thống gặp sự cố; Trường hợp có yêu cầu bằng văn bản tạm dừng làm thủ tục hải thì cơ quan hải quan sẽ thực hiện như thế nào.		

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<i>b.3) Trường hợp Hệ thống gặp sự cố, cơ quan hải quan nơi tàu rời đi thực hiện lập Phiếu chuyển hồ sơ tàu chuyển cảng theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành; niêm phong cùng bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 65 Nghị định này giao người khai hải quan chuyển cho cơ quan hải quan nơi tàu đến.</i> <i>Cơ quan hải quan nơi tàu đến tiếp nhận từ người khai hải quan bộ hồ sơ đã niêm phong do cơ quan hải quan nơi tàu rời đi chuyển đến, phản hồi thông tin cho cơ quan hải quan nơi lập phiếu chuyển hồ sơ.</i> 5. 6. <i>Tiếp nhận, kiểm tra và xử lý thông tin khai sửa đổi, bổ sung, hủy hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng:</i> <i>a) Cổng thông tin một cửa quốc gia tiếp nhận thông tin khai sửa đổi, bổ sung, hủy và phản hồi cho người khai hải quan trong thời hạn 01 giờ kể từ thời điểm nhận thông tin đầy đủ, hợp lệ.</i> <i>Đối với thông tin không đầy đủ hoặc không hợp lệ, Cổng thông tin một cửa quốc gia phản hồi từ chối chấp nhận (có nêu rõ lý do) cho người khai hải quan trong thời hạn 01 giờ kể từ thời điểm tiếp nhận;</i> <i>b) Cơ quan hải quan nơi làm thủ tục căn cứ thông tin giải trình, chứng minh do người khai hải quan nộp để kiểm tra nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung, hủy để cập nhật vào hệ thống hoặc nêu rõ lý do trong trường hợp từ chối chấp nhận và phản hồi kết quả xử lý trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;</i> <i>c) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tàu biển nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, chuyển cảng tiếp nhận hồ sơ giấy, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của các chứng</i>			

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	từ trong thời hạn 01 giờ kể từ thời điểm tiếp nhận hồ sơ. 6. 7- Kiểm tra, giám sát hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng: a) Trên cơ sở thông tin khai hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng và các nguồn thông tin liên quan khác (nếu có), cơ quan hải quan áp dụng quản lý rủi ro để quyết định hình thức kiểm tra, biện pháp giám sát hải quan phù hợp đối với hàng hóa, phương tiện vận tải; b) Trong quá trình giám sát tàu biển neo đậu, bốc, dỡ hàng hóa, di chuyển trong địa bàn hoạt động hải quan, nếu có cơ sở xác định trên tàu biển có hàng hóa buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép, Chi cục Đội trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu hoặc ngoài cửa khẩu quản lý địa bàn giám sát, Chi cục Đội trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu nơi làm thủ tục tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Cục Chi cục Hải quan khu vực tỉnh, liên tỉnh, thành phố, Đội trưởng Đội Kiểm soát chống buôn lậu, Đội trưởng Đội điều tra hình sự, Hải đội trưởng Hải đội Kiểm soát trên biển thuộc Chi cục Cục Điều tra chống buôn lậu hoặc cấp phó khi được giao quyền quyết định việc kiểm tra thực tế tàu biển, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật liên quan (nếu có) hoặc thực hiện dừng, tạm hoãn việc khởi hành tàu biển theo quy định của pháp luật; c) Trên cơ sở thông báo kế hoạch chuyển tải, sang mạn, cơ quan hải quan thực hiện giám sát trên nguyên tắc quản lý rủi ro.”			
55.	Sửa đổi, bổ sung Điều 68 như sau: “Điều 68. Trách nhiệm của Cảng vụ hàng hải,	Khoản 6 Điều 58 Luật Hải quan năm 2014 đã có quy định Hàng hóa tồn đọng quá 90 ngày không có	Phù hợp với quy định của Luật Hải quan năm 2014,	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	doanh nghiệp kinh doanh cảng biển, Thuyền trưởng và Hãng tàu hoặc người được Hãng tàu ủy quyền 1. Trách nhiệm của Cảng vụ hàng hải: a) Ngay sau khi nhận được xác báo về thời gian tàu đến cảng hoặc thời gian dự kiến tàu rời cảng, Cảng vụ hàng hải phải thông báo ngay cho cơ quan hải quan và các cơ quan quản lý <i>nhà nước chuyên ngành khác</i> tại cảng biển biết để phối hợp; b) Ngay sau khi quyết định điều động tàu xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh vào cảng, thay đổi vị trí neo đậu của tàu, thuyền (nếu có), Cảng vụ hàng hải phải thông báo cho cơ quan hải quan và các cơ quan quản lý <i>nhà nước chuyên ngành khác</i> tại cảng biển về thời gian và địa điểm được chỉ định cho tàu, thuyền vào neo đậu tại cảng biển; c) Cảng vụ hàng hải nơi làm thủ tục cho tàu vào hoặc rời cảng gửi giấy phép rời cảng hoặc lệnh điều động cho cơ quan hải quan tại cảng đó qua Cổng thông tin một cửa quốc gia. Trường hợp Cảng vụ hàng hải chưa kết nối qua Cổng thông tin một cửa quốc gia thì ngay khi cấp giấy phép rời cảng hoặc lệnh điều động tại cảng đó thì Cảng vụ hàng hải gửi 01 bản chụp cho cơ quan hải quan. <i>d) Chia sẻ thông tin hệ thống nhận dạng tự động tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh cho cơ quan hải quan để phục vụ công tác quản lý, giám sát hải quan.</i> 2. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh cảng biển: a) Chia sẻ thông tin ca-mê-ra với cơ quan hải quan để phục vụ việc giám sát hải quan đối với tàu biển và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được lưu giữ tại khu vực cảng biển;	người nhận, gây ô nhiễm môi trường thì phải buộc tái xuất ra khỏi lãnh thổ, trách nhiệm tái xuất lô hàng “bẩn” ra khỏi Việt Nam là hãng tàu vận tải chính lô hàng đó. Tuy nhiên, thực tế lại khó khăn trong quá trình triển khai vì chưa có chế tài quy định cụ thể khi hãng tàu không tái xuất phế thải gây ô nhiễm môi trường thì sẽ bị xử lý như thế nào. Điều 72. Luật Hải quan quy định trách nhiệm của người đứng đầu tại sân bay, cảng biển, ga đường sắt liên vận quốc tế <i>“Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tại sân bay, cảng biển, ga đường sắt liên vận quốc tế có trách nhiệm thông báo với cơ quan hải quan thông tin liên quan đến thời gian đến và đi, địa điểm đỗ của tàu biển, tàu bay, tàu hỏa liên vận quốc tế; thời gian xếp dỡ hàng hóa lên, xuống tàu biển, tàu bay, tàu hỏa liên vận quốc tế.”</i> Vì vậy, việc bổ sung làm rõ trách nhiệm đối với thuyền trưởng hoặc hãng vận chuyển như tại điểm c khoản 3 dự thảo để đảm bảo cơ sở pháp lý thực dùng làm thủ tục nhập cảnh đối với tàu biển của Hãng tàu đó vận chuyển lô hàng gây ô nhiễm mà không vận chuyển ra khỏi lãnh thổ Việt Nam như nêu tại điểm c khoản 4 Điều 68 dự thảo nêu trên. Ngoài ra, quy định này còn mang tính răn đe, ngăn chặn hành vi vận chuyển hàng hóa gây ô nhiễm môi trường vào Việt Nam.	Bộ Luật Hàng hải 2015; Nghị định số 85/2019/NĐ-CP quy định về thực hiện cơ chế một cửa quốc gia, một cửa ASEAN, kiểm tra chuyên ngành; Nghị định 58/2017/NĐ-CP quy định chi tiết Bộ Luật Hàng hải.	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	b) Trước khi dỡ hàng xuống cảng, doanh nghiệp kinh doanh cảng phải thông báo cho cơ quan hải quan vị trí kho, bãi dự kiến lưu giữ hàng hóa nhập khẩu; c) Phối hợp thực hiện theo dõi, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đưa vào, lưu giữ, đưa ra tại khu vực cảng biển theo quy định của Luật Hải quan và hướng dẫn của <i>Bộ trưởng</i> Bộ Tài chính. 3. Trách nhiệm của Thuyền trưởng: a) Điều khiển phương tiện vận tải nhập cảnh từ khi đến lãnh thổ Việt Nam cho đến khi tới địa bàn hoạt động hải quan, điều khiển phương tiện vận tải xuất cảnh từ địa bàn hoạt động hải quan cho đến khi ra khỏi lãnh thổ Việt Nam đi đúng tuyến đường, neo đậu tại vị trí do cơ quan có thẩm quyền quy định. Trường hợp phải thay đổi tuyến đường, vị trí neo đậu phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép; b) Chỉ được phép chuyển tải, sang mạn hàng hóa, vật dụng trên phương tiện vận tải khi có sự đồng ý của cơ quan hải quan tại vị trí được phép neo đậu do cơ quan có thẩm quyền cấp phép; c) <i>Vận chuyển hàng hóa lưu giữ tại cảng biển gây ô nhiễm môi trường, hàng hóa không đủ điều kiện tập kết tại cảng do Hãng tàu hoặc người được Hãng tàu ủy quyền đã khai báo khi tàu nhập cảnh ra khỏi lãnh thổ Việt Nam theo yêu cầu của cơ quan hải quan.</i> 4. Trách nhiệm của Hãng tàu hoặc người được Hãng tàu ủy quyền: a) Khai báo hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng đầy đủ, chính xác, rõ ràng các tiêu chí thông tin và đúng thời hạn theo quy định;			

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của nội dung thông tin đã khai và các chứng từ đã nộp, xuất trình hoặc gửi đến Cổng thông tin một cửa quốc gia; về sự thống nhất nội dung thông tin giữa hồ sơ lưu tại doanh nghiệp với hồ sơ lưu tại cơ quan hải quan; c) <i>Vận chuyển hàng hóa lưu giữ tại cảng biển gây ô nhiễm môi trường, hàng hóa không đủ điều kiện tập kết tại cảng do Hãng tàu hoặc người được Hãng tàu ủy quyền đã khai báo khi tàu nhập cảnh ra khỏi lãnh thổ Việt Nam theo yêu cầu của cơ quan hải quan.</i>			
56.	Sửa đổi, bổ sung Điều 70 như sau: “Điều 70. Hồ sơ hải quan đối với tàu xuất cảnh 1. Tại ga liên vận quốc tế trong nội địa: a) Bản xác báo thứ tự lập tàu đối với tàu khách làm thủ tục hải quan tại ga liên vận quốc tế trong nội địa: 01 bản chính; b) Vận đơn (nếu có): 01 bản chụp; c) Bản trích lược khai hàng hóa tại ga liên vận quốc tế trong nội địa theo mẫu do <i>Bộ trưởng</i> Bộ Tài chính ban hành: 01 bản chính; d) Danh sách hành khách đối với tàu khách và hành khách làm thủ tục hải quan tại ga liên vận quốc tế trong nội địa (nếu có): 01 bản chính. 2. Tại ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới: a) Chứng từ nêu tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này; b) Giấy giao tiếp hàng hóa: 01 bản chính; c) Bản xác báo thứ tự lập tàu: 01 bản chính; d) Danh sách hành khách đối với tàu khách và hành khách làm thủ tục hải quan tại ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới (nếu có): 01 bản chính.”	Điều 69 Luật Hải quan quy định thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải <i>“1. Khi làm thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải, chủ phương tiện vận tải, người điều khiển phương tiện vận tải hoặc người được chủ phương tiện vận tải ủy quyền phải khai hải quan; nộp, xuất trình các chứng từ vận tải để làm thủ tục hải quan; cung cấp các thông tin, chứng từ về hàng hóa, vật dụng trên phương tiện vận tải.</i> <i>Trường hợp các chứng từ liên quan đã đáp ứng yêu cầu của việc kiểm tra hải quan thì chủ phương tiện vận tải, người điều khiển phương tiện vận tải hoặc người được chủ phương tiện vận tải ủy quyền không phải khai hải quan, trừ hành lý, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của người xuất cảnh, nhập cảnh trên phương tiện vận tải.</i> <i>2. Thời hạn khai và nộp tờ khai hải quan, chứng từ liên quan được quy định như sau:</i> <i>a) Đối với phương tiện vận tải quá cảnh được thực hiện ngay khi tới cửa khẩu nhập cảnh đầu tiên và trước khi phương tiện vận tải qua cửa khẩu xuất</i>	Đảm bảo sự ổn định, phù hợp với Nghị định số 59/2018/NĐ-CP;	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		<i>cảnh cuối cùng;</i> <i>b) Đối với phương tiện vận tải đường biển nhập cảnh được thực hiện chậm nhất 02 giờ sau khi cảnh vụ thông báo phương tiện vận tải nhập cảnh đã đến vị trí đón hoa tiêu; đối với phương tiện vận tải đường biển xuất cảnh được thực hiện chậm nhất 01 giờ trước khi phương tiện vận tải xuất cảnh;</i> <i>c) Đối với phương tiện vận tải đường hàng không xuất cảnh, nhập cảnh được thực hiện ngay khi phương tiện vận tải nhập cảnh đến cửa khẩu và trước khi tổ chức vận tải chấm dứt việc làm thủ tục nhận hàng hóa xuất khẩu, hành khách xuất cảnh;</i> <i>d) Đối với phương tiện vận tải đường sắt, đường bộ và đường sông xuất cảnh, nhập cảnh được thực hiện ngay sau khi phương tiện vận tải đến cửa khẩu nhập cảnh đầu tiên và trước khi phương tiện vận tải qua cửa khẩu xuất cảnh cuối cùng.</i> <i>3. Phương tiện vận tải quân sự, phương tiện vận tải khác được sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh phải làm thủ tục hải quan, chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan.</i> <i>4. Chính phủ quy định thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với phương tiện vận tải”</i> Điều 72 Luật Hải quan quy định trách nhiệm của người đứng đầu tại sân bay, cảng biển, ga đường sắt liên vận quốc tế <i>“Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tại sân bay, cảng biển, ga đường sắt liên vận quốc tế có trách nhiệm thông báo với cơ quan hải quan thông tin liên quan đến thời gian đến và đi, địa điểm đỗ của tàu biển, tàu bay, tàu hỏa liên vận quốc tế;</i>		

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		<i>thời gian xếp dỡ hàng hóa lên, xuống tàu biển, tàu bay, tàu hỏa liên vận quốc tế.”</i> - Kế thừa nội dung tại Nghị định số 59/2018/NĐ-CP. - Bỏ nội dung điểm c khoản 2 Điều 70: lý do: Tại điểm a khoản 2 Điều 70 quy định thành phần hồ sơ đối với phương tiện tại ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới bao gồm: chứng từ nêu tại điểm b (vận đơn), điểm c (bản trích lược khai hàng hoá). Đồng thời, tại điểm c khoản 2 Điều này tiếp tục quy định hồ sơ bao gồm “vận đơn”. Vì vậy, dự thảo NĐ bỏ điểm c khoản 2 để đảm bảo các quy định về hồ sơ không trùng lặp.		
57.	Sửa đổi, bổ sung Điều 71 như sau: “Điều 71. Thời hạn cung cấp thông tin và tiếp nhận hồ sơ hải quan <i>1. Thời hạn cung cấp thông tin hồ sơ hải quan:</i> <i>a) Đối với tàu nhập cảnh:</i> <i>a.1) Tại ga liên vận quốc tế ở biên giới: Người khai hải quan nộp chứng từ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 69 Nghị định này theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và nộp bản đính kèm của các chứng từ tại điểm a, điểm b, điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 69 Nghị định này thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trước khi tàu đến ga liên vận quốc tế ở biên giới;</i> <i>a.2) Tại ga liên vận quốc tế trong nội địa: Nộp các chứng từ tại khoản 2 Điều 69 Nghị định này thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trước khi tàu đến ga liên vận quốc tế trong nội địa.</i> <i>Trường hợp Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải</i>	Điều 69 Luật Hải quan quy định thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải <i>1. Khi làm thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải, chủ phương tiện vận tải, người điều khiển phương tiện vận tải hoặc người được chủ phương tiện vận tải ủy quyền phải khai hải quan; nộp, xuất trình các chứng từ vận tải để làm thủ tục hải quan; cung cấp các thông tin, chứng từ về hàng hóa, vật dụng trên phương tiện vận tải.</i> <i>Trường hợp các chứng từ liên quan đã đáp ứng yêu cầu của việc kiểm tra hải quan thì chủ phương tiện vận tải, người điều khiển phương tiện vận tải hoặc người được chủ phương tiện vận tải ủy quyền không phải khai hải quan, trừ hành lý, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của người xuất cảnh, nhập cảnh trên phương tiện vận tải.</i> <i>2. Thời hạn khai và nộp tờ khai hải quan, chứng từ liên quan được quy định như sau:</i>	- Phù hợp Hiệp định vận tải đường sắt Việt Trung và các Nghị định thư được ký kết hàng năm. - Phù hợp với Luật Hải quan, tương thích với các trường hợp tương tự hiện đang quy - Phù hợp với thực tế phát sinh và không trái với quy định của Luật Hải quan. - Hướng tới mô hình hải quan thông minh, hải quan số.	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	quan gặp sự cố hoặc chưa đáp ứng thì người khai hải quan nộp, xuất trình cho hải quan ga liên vận quốc tế ở biên giới chứng từ giấy quy định tại khoản 1 Điều 69 Nghị định khi tàu đến ga liên vận quốc tế ở biên giới và nộp cho hải quan ga liên vận quốc tế trong nội địa các chứng từ tại khoản 2 Điều 69 Nghị định này khi tàu đến ga liên vận quốc tế trong nội địa. b) Đối với tàu xuất cảnh: b.1) Tại ga liên vận quốc tế trong nội địa: Người khai hải quan nộp chứng từ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 70 Nghị định này theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và nộp bản đính kèm của các chứng từ tại điểm a, điểm b, điểm d khoản 1 Điều 70 Nghị định này thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trước khi tàu rời ga 30 phút đối với tàu khách và 01 giờ đối với tàu hàng; b.2) Tại ga liên vận quốc tế ở biên giới: Nộp các chứng từ quy định tại khoản 2 Điều 70 Nghị định này thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trước khi tàu rời ga 30 phút đối với tàu khách và 01 giờ đối với tàu hàng. Trường hợp Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố hoặc chưa đáp ứng thì người khai hải quan nộp, xuất trình cho hải quan ga liên vận quốc tế trong nội địa chứng từ giấy quy định tại khoản 1 Điều 70 Nghị định này trước khi tàu rời ga 30 phút đối với tàu khách và 01 giờ đối với tàu hàng. Nộp, xuất trình cho hải quan ga liên vận quốc tế ở biên giới các chứng từ quy định tại khoản 2 Điều 70 Nghị định này trước khi tàu rời ga 30 phút đối với tàu khách và 01 giờ đối với tàu hàng. c) Khi hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng việc	a) Đối với phương tiện vận tải quá cảnh được thực hiện ngay khi tới cửa khẩu nhập cảnh đầu tiên và trước khi phương tiện vận tải qua cửa khẩu xuất cảnh cuối cùng; b) Đối với phương tiện vận tải đường biển nhập cảnh được thực hiện chậm nhất 02 giờ sau khi cảng vụ thông báo phương tiện vận tải nhập cảnh đã đến vị trí đón hoa tiêu; đối với phương tiện vận tải đường biển xuất cảnh được thực hiện chậm nhất 01 giờ trước khi phương tiện vận tải xuất cảnh; c) Đối với phương tiện vận tải đường hàng không xuất cảnh, nhập cảnh được thực hiện ngay khi phương tiện vận tải nhập cảnh đến cửa khẩu và trước khi tổ chức vận tải chấm dứt việc làm thủ tục nhận hàng hóa xuất khẩu, hành khách xuất cảnh; d) Đối với phương tiện vận tải đường sắt, đường bộ và đường sông xuất cảnh, nhập cảnh được thực hiện ngay sau khi phương tiện vận tải đến cửa khẩu nhập cảnh đầu tiên và trước khi phương tiện vận tải qua cửa khẩu xuất cảnh cuối cùng. 3. Phương tiện vận tải quân sự, phương tiện vận tải khác được sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh phải làm thủ tục hải quan, chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan. 4. Chính phủ quy định thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với phương tiện vận tải” Ngoài ra, dự thảo bổ sung nội dung thời hạn khai, nộp hồ sơ theo phương thức điện tử qua cổng thông tin một cửa quốc gia theo Nghị định 85/2019/NĐ-CP, đồng thời quy định trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia chưa đáp ứng hoặc gặp sự cố		

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<i>khai báo bằng phương thức điện tử thì người khai hải quan thực hiện khai báo trên hệ thống theo quy định.</i> <i>2. Thời hạn sửa đổi bổ sung thông tin hồ sơ hải quan</i> <i>Người khai hải quan khai sửa đổi, bổ sung các chứng từ, chỉ tiêu thông tin trước và sau khi hoàn thành kiểm tra hồ sơ đối với tàu nhập cảnh hoặc tàu xuất cảnh theo thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này và trước khi đưa hàng hóa ra khỏi khu vực giám sát hải quan. Riêng thời hạn sửa đổi, bổ sung chỉ tiêu thông tin về tên hàng, số lượng, trọng lượng tại Giấy giao tiếp hàng hóa và Bản trích lược khai hàng hóa đối với tàu nhập cảnh thực hiện trước khi phương tiện nhập cảnh vào lãnh thổ Việt Nam.</i> <i>3. Tiếp nhận hồ sơ hải quan đối với tàu liên vận quốc tế xuất cảnh, nhập cảnh:</i> <i>a) Ngay sau khi người khai hải quan cung cấp thông tin hồ sơ hải quan tàu liên vận quốc tế xuất cảnh, nhập cảnh, Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan tự động tiếp nhận, xử lý thông tin khai báo và phản hồi kết quả khai báo thành công cho người khai hải quan khi thông tin khai báo đầy đủ các chứng từ quy định tại Điều 69, Điều 70 Nghị định này.</i> <i>Trường hợp thông tin hồ sơ hải quan không đầy đủ, Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan sẽ phản hồi và yêu cầu người khai hải quan thực hiện việc khai sửa đổi, bổ sung theo quy định;</i> <i>b) Trường hợp Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố thì hải quan ga liên vận quốc tế ở biên giới và ga liên vận quốc tế ở nội địa thực hiện tiếp nhận các chứng từ giấy do người khai hải quan nộp, xuất trình theo quy định tại Điều 69, Điều 70, Điều 71 Nghị định</i>	không thực hiện được các giao dịch điện tử, để tránh khó khăn vướng mắc trong giai đoạn đầu triển khai thực hiện. Đưa nội dung sửa đổi bổ sung thông tin lên khoản 2 theo luồng xử lý hồ sơ, để theo dõi. Đối với các thông tin chứng từ thuộc bộ hồ sơ hải quan khác thì việc khai sửa đổi bổ sung để phù hợp với hồ sơ phương tiện XNC và hàng hóa khi làm thủ tục XNK không ảnh hưởng đến gian lận thương mại, buôn lậu nên có thể khai sửa đổi bổ sung trước hoặc sau khi phương tiện XNC. Riêng chỉ tiêu thông tin về tên hàng, số lượng, trọng lượng hàng nhập khẩu quy định sửa đổi bổ sung trước khi phương tiện nhập cảnh vào lãnh thổ Việt Nam để tránh tình trạng lợi dụng khai báo sai để buôn lậu, gian lận thương mại khi bị phát hiện được quy định tại Khoản 2 Điều này. Khoản 3 quy định rõ quy trình tiếp nhận, xử lý thông tin hồ sơ hải quan trong đó quy định rõ việc nộp chứng từ qua Cổng thông tin một cửa quốc gia đảm bảo minh bạch và thuận lợi cho người khai hải quan, đồng thời quy định trường hợp Hệ thống một cửa quốc gia chưa đáp ứng hoặc gặp sự cố thì tiếp nhận hồ sơ giấy.		

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<i>này.”</i>			
58.	Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3 Điều 72 như sau: “1. Xử lý hồ sơ hải quan do người khai nộp và xuất trình theo quy định tại Điều 69, Điều 70, <i>Điều 71</i> Nghị định này như sau: a) Kiểm tra, đối chiếu thông tin tại hồ sơ về số hiệu toa xe, số lượng toa xe hoặc container, số niêm phong (nếu có) với từng toa xe, container chứa hàng hóa, hành lý ký gửi; kiểm tra niêm phong của tổ chức vận tải (nếu có) đối với từng toa xe, container chứa hàng hóa, hành lý ký gửi; b) Niêm phong hải quan từng toa xe chứa hàng hóa, hành lý ký gửi đang chịu sự giám sát hải quan được vận chuyển tiếp đến ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới hoặc ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa; trường hợp hàng hóa không thể niêm phong được như hàng siêu trường, siêu trọng, hàng rời thì Trường tàu chịu trách nhiệm đảm bảo nguyên trạng hàng hóa, hành lý ký gửi, toa xe trong quá trình vận chuyển đến ga đích theo quy định; c) Bàn giao hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu cho Hải quan tại ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa hoặc biên giới trong trường hợp có vận chuyển hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan đến ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa đối với tàu nhập cảnh hoặc biên giới đối với tàu xuất cảnh theo mẫu quy định của <i>Bộ trưởng</i> Bộ Tài chính; d) Xác nhận và đóng dấu lên những giấy tờ do Trường ga hoặc Trường tàu hoặc người đại diện hợp pháp nộp; niêm phong hồ sơ hải quan các chứng từ bàn giao cho Trường ga hoặc Trường tàu hoặc người đại diện hợp	Luật hải quan: - Điều 66. Thông báo thông tin phương tiện vận tải Chủ phương tiện vận tải, người điều khiển phương tiện vận tải, người được chủ phương tiện vận tải ủy quyền hoặc người phát hành chứng từ vận chuyển phải thông báo thông tin trực tiếp cho cơ quan hải quan hoặc qua hệ thống thông tin một cửa quốc gia về hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và hành khách xuất cảnh, nhập cảnh trên phương tiện vận tải trước khi nhập cảnh, xuất cảnh. - Điều 67. Địa điểm làm thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải Phương tiện vận tải khi xuất cảnh, nhập cảnh phải qua cửa khẩu. Phương tiện vận tải nhập cảnh phải được làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập cảnh đầu tiên. Phương tiện vận tải xuất cảnh phải được làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu xuất cảnh cuối cùng. - Điều 69. Thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải 1. Khi làm thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải, chủ phương tiện vận tải, người điều khiển phương tiện vận tải hoặc người được chủ phương tiện vận tải ủy quyền phải khai hải quan; nộp, xuất trình các chứng từ vận tải để làm thủ tục hải quan; cung cấp các thông tin, chứng từ về hàng hóa, vật dụng trên phương tiện vận tải. Trường hợp các chứng từ liên quan đã đáp ứng yêu cầu của việc kiểm tra hải quan thì chủ phương	Phù hợp với quy định tại Luật Hải quan và hướng tới mô hình hải quan thông minh, hải quan số.	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	pháp chuyển đến Hải quan ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới hoặc ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa theo quy định; đ) Xác nhận và hồi báo cho Hải quan ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới hoặc ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa về việc tiếp nhận hàng hóa, hồ sơ lô hàng đang chịu sự giám sát hải quan và tình hình hàng hóa được chuyển đến. Lưu hồ sơ hải quan gồm: Bản lược khai hàng hóa và các chứng từ liên quan theo quy định; e) Trường hợp có dấu hiệu vận chuyển hàng hóa vi phạm pháp luật hải quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan Đội trưởng Hải quan ga đường sắt liên vận quốc tế quyết định kiểm tra thực tế phương tiện hoặc thực hiện các biện pháp nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật. 3. Thời hạn cơ quan hải quan làm thủ tục hải quan đối với tàu liên vận nhập cảnh, xuất cảnh: Không quá 01 giờ kể từ khi người khai hải quan nộp, xuất trình <i>đầy đủ</i> hồ sơ hải quan theo quy định tại Điều 69, Điều 70, Điều 71 Nghị định này.”	tiện vận tải, người điều khiển phương tiện vận tải hoặc người được chủ phương tiện vận tải ủy quyền không phải khai hải quan, trừ hành lý, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của người xuất cảnh, nhập cảnh trên phương tiện vận tải. 2. Thời hạn khai và nộp tờ khai hải quan, chứng từ liên quan được quy định như sau: a) Đối với phương tiện vận tải quá cảnh được thực hiện ngay khi tới cửa khẩu nhập cảnh đầu tiên và trước khi phương tiện vận tải qua cửa khẩu xuất cảnh cuối cùng; b) Đối với phương tiện vận tải đường biển nhập cảnh được thực hiện chậm nhất 02 giờ sau khi cảng vụ thông báo phương tiện vận tải nhập cảnh đã đến vị trí đón hoa tiêu; đối với phương tiện vận tải đường biển xuất cảnh được thực hiện chậm nhất 01 giờ trước khi phương tiện vận tải xuất cảnh; c) Đối với phương tiện vận tải đường hàng không xuất cảnh, nhập cảnh được thực hiện ngay khi phương tiện vận tải nhập cảnh đến cửa khẩu và trước khi tổ chức vận tải chấm dứt việc làm thủ tục nhận hàng hóa xuất khẩu, hành khách xuất cảnh; d) Đối với phương tiện vận tải đường sắt, đường bộ và đường sông xuất cảnh, nhập cảnh được thực hiện ngay sau khi phương tiện vận tải đến cửa khẩu nhập cảnh đầu tiên và trước khi phương tiện vận tải qua cửa khẩu xuất cảnh cuối cùng. 3. Phương tiện vận tải quân sự, phương tiện vận tải khác được sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh phải làm thủ tục hải quan, chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan.		

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		4. Chính phủ quy định thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với phương tiện vận tải. - Điều 70. Chuyển tải, sang toa, cắt toa, xếp dỡ hàng hóa, hành lý trên phương tiện vận tải Việc chuyển tải, sang toa, cắt toa, xếp dỡ hàng hóa, hành lý trên phương tiện vận tải đang chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan chỉ được tiến hành khi có sự đồng ý của cơ quan hải quan. Hàng hóa chuyển tải, sang toa, cắt toa phải được giữ nguyên trạng bao bì, thùng, kiện. - Điều 35 Nghị định 85/2019/NĐ-CP: Trao đổi thông tin để thực hiện thủ tục đối với phương tiện vận tải đường sắt, đường bộ Việc thực hiện thủ tục và trao đổi thông tin đối với phương tiện vận tải đường sắt, đường bộ xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh tại các cửa khẩu đường bộ, đường sắt được thực hiện thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia. Tại khoản 1 Điều 72 dẫn chiếu thêm Điều 71 để đầy đủ các thủ tục trong Điều 71, đồng thời làm rõ việc gửi hồ sơ phải đầy đủ theo quy định để cơ quan hải quan làm thủ tục trong thời gian đã được quy định, tránh trường hợp người khai gửi hồ sơ nhưng không đầy đủ, cơ quan hải quan chưa tiếp nhận làm thủ tục để khiếu kiện.		
59.	Sửa đổi, bổ sung tên Điều và khoản 1 Điều 73 như sau: “Điều 73. Trách nhiệm của Trưởng ga và Trưởng tàu liên vận quốc tế 1. Trách nhiệm của Trưởng ga: a) Thông báo trước qua mạng máy tính, văn bản,	Điều 72. Trách nhiệm của người đứng đầu tại sân bay, cảng biển, ga đường sắt liên vận quốc tế Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tại sân bay, cảng biển, ga đường sắt liên vận quốc tế có trách nhiệm thông báo với cơ quan hải quan	Đảm bảo phù hợp thực tế và quy định tại Luật Hải quan và hướng tới mô hình hải quan thông minh, hải quan số.	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	điện fax cho Hải quan tại ga đường sắt liên vận quốc tế thông tin về hành trình tàu nhập cảnh, xuất cảnh gồm: số hiệu đầu tàu, toa xe; vị trí, thời gian tàu đến, dừng, rời ga liên vận; thông tin về hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu, hành lý của hành khách nhập cảnh, xuất cảnh gồm: Vị trí, thời gian xếp, dỡ lên xuống tàu và các thông tin thay đổi có liên quan đến tàu, hàng hóa, hành lý; b) Xác nhận và đóng dấu lên những chứng từ do Trường tàu nộp để làm thủ tục hải quan; c) Nộp, xuất trình chứng từ thuộc hồ sơ hải quan và thực hiện thủ tục hải quan theo quy định; d) Chịu trách nhiệm về tính xác thực về nội dung các chứng từ nộp cho cơ quan hải quan; đ) <i>Bố trí kho, bãi lưu giữ hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu tách biệt với khu vực khai thác hàng hóa nội địa, đảm bảo việc giám sát hải quan đối với tàu liên vận quốc tế và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.</i> Phối hợp với cơ quan hải quan trong việc kiểm tra, giám sát, kiểm soát để ngăn chặn và phát hiện kịp thời những hành vi vi phạm pháp luật hải quan trên tàu và tại các ga đường sắt liên vận quốc tế.”	thông tin liên quan đến thời gian đến và đi, địa điểm đỗ của tàu biển, tàu bay, tàu hỏa liên vận quốc tế; thời gian xếp dỡ hàng hóa lên, xuống tàu biển, tàu bay, tàu hỏa liên vận quốc tế. Về tên điều 73 bỏ câu “Trường tàu Ga đường sắt liên vận” thành “trường tàu liên vận quốc tế” cho đúng với câu từ trong Hiệp định và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan. Lý do bổ sung điểm đ: Thực trạng các Ga liên vận quốc tế hiện nay (Yên Viên, Đồng Đăng, Lào Cai) việc quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu vẫn chung với hàng hóa nội địa, dẫn đến nguy cơ buôn lậu, gian lận thương mại, cơ quan hải quan rất khó khăn trong quản lý, giám sát hàng hóa XNK do đó, Bổ sung nội dung trách nhiệm của trường Ga liên vận quốc tế là: <i>Bố trí kho, bãi lưu giữ hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu tách biệt với khu vực khai thác hàng hóa nội địa, đảm bảo việc giám sát hải quan đối với tàu liên vận quốc tế và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.</i>		
60.	Sửa đổi, bổ sung tên mục 4 Chương IV như sau: “Mục 4. THỦ TỤC HẢI QUAN, KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI Ô TÔ, MÔ TÔ, XE GẮN MÁY XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH, QUÁ CẢNH.”	Bổ sung để đảm bảo phù hợp, đầy đủ với nội hàm quy định tại mục này.	Phù hợp với Nghị định 85/2019/NĐ-CP	
61.	Sửa đổi, bổ sung Điều 74 như sau: “Điều 74. Hồ sơ, thời hạn khai hải quan nhập cảnh đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy nước ngoài tạm nhập và ô tô, mô tô, xe gắn máy Việt Nam tái nhập 1. Hồ sơ đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy nhập cảnh: a) Giấy phép liên vận <i>hoặc giấy phép vận tải hoặc</i>	- Luật Hải quan: Điều 67. Địa điểm làm thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải Phương tiện vận tải khi xuất cảnh, nhập cảnh phải qua cửa khẩu. Phương tiện vận tải nhập cảnh phải được làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập cảnh đầu tiên.	Phù hợp với các Hiệp định vận tải đường bộ Việt Nam ký kết, Nghị định số 151/2024/NĐ-CP, Nghị định 85/2019/NĐ-CP và hướng tới mô hình hải	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<i>văn bản chấp thuận</i> của cơ quan có thẩm quyền cấp: nộp 01 bản chụp, xuất trình bản chính; b) Danh sách hành khách đối với ô tô vận chuyển hành khách: 01 bản chính; c) Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập - tái xuất hoặc Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm xuất - tái nhập có xác nhận tạm xuất của Hải quan cửa khẩu làm thủ tục tạm xuất: Nộp 01 bản chính. d) Bản kê thông tin hàng hóa nhập khẩu đối với phương tiện vận tải chở hàng hóa nhập khẩu: 01 bản chính. Các chứng từ quy định tại điểm b, c, d khoản này theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành. 2. Thời hạn nộp hồ sơ: a) Người khai hải quan nộp bộ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này cho cơ quan hải quan khi phương tiện vận tải đến cửa khẩu biên giới; b) Người khai hải quan được khai sửa đổi, bổ sung các chứng từ quy định tại khoản 1 Điều này trước khi đưa hàng hóa ra khỏi khu vực giám sát hải quan; c) Khi hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng việc khai báo bằng phương thức điện tử thì người khai hải quan thực hiện khai báo trên hệ thống theo quy định. 3. Đối với ô tô nhập cảnh theo Hiệp định tạo thuận lợi vận tải người và hàng hóa qua lại biên giới giữa các nước tiểu vùng Mê Kông mở rộng (Hiệp định GMS) thì thực hiện theo quy định tại Hiệp định và các văn bản hướng dẫn.”	Phương tiện vận tải xuất cảnh phải được làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu xuất cảnh cuối cùng. - Khoản 1 Điều 3 Hiệp định vận tải Việt Trung quy định “<i>Hai bên ký kết đồng ý cho phép phương tiện vận tải đường bộ có Giấy phép vận tải được phép hoạt động vận tải giữa hai nước theo phương thức từ điểm tới điểm. Các phương tiện vận tải nêu trên phải nhập và xuất cảnh tại cùng một cửa khẩu</i>” - Khoản 1 Điều 9 Nghị định thư hướng dẫn Hiệp định vận tải Việt Lào quy định “<i>Mọi phương tiện đăng ký tại một bên khi vào lãnh thổ của Bên kia phải có giấy phép liên vận</i>” - Khoản 1 Điều 3 Hiệp định vận tải Việt nam – Campuchia quy định “<i>Cơ quan có thẩm quyền của mỗi bên ký kết sẽ cấp giấy phép vận tải cho từng phương tiện vận tải của nước mình để thực hiện vận tải hàng hóa và hành khách qua lại biên giới giữa hai nước theo mẫu giấy phép được hai bên thống nhất</i>” - Điều 35 Nghị định 85/2019/NĐ-CP quy định trao đổi thông tin để thực hiện thủ tục đối với phương tiện vận tải đường sắt, đường bộ: “Việc thực hiện thủ tục và trao đổi thông tin đối với phương tiện vận tải đường sắt, đường bộ xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh tại các cửa khẩu đường bộ, đường sắt được thực hiện thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.” Điều 36 Nghị định 85/2019/NĐ-CP quy định thủ tục hành chính: “Thủ tục hành chính đối với phương tiện vận tải đường sắt, đường bộ xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh theo cơ chế một cửa quốc gia	quan thông minh, hải quan số.	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.” Dự thảo bổ sung nội dung quy định trường hợp hệ thống CNTT đáp ứng yêu cầu thì việc khai báo, làm thủ tục hải quan theo hình thức điện tử. Thực tế thời gian qua TCHQ đã có CV 119/TCHQ-GSQL, cv 1790/TCHQ-GSQL về tăng cường kiểm tra giám sát hàng hóa xuất nhập khẩu, trong đó có nội dung yêu cầu khai thông tin trước đối với hàng hóa nhập khẩu, bước đầu các người khai hải quan đã khai đầy đủ thông tin và cơ quan quản lý đã kiểm tra, kiểm soát đảm bảo theo quy định, do đó bổ sung quy định về Bản khai hàng hóa tại thành phần hồ sơ phương tiện nhập cảnh. - Về nội dung bổ sung thêm nội dung quy định “<i>văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy</i>” tại điểm a khoản 1: Theo quy định tại các Hiệp định vận tải Việt Nam ký kết phương tiện vận tải quan lại biên giới phải có giấy phép liên vận/giấy phép vận tải thì còn trường hợp PTVT nước ngoài vào Việt Nam tham gia giao thông theo quy định tại Nghị định số 151/2024/NĐ-CP được cơ quan có thẩm quyền là Bộ Công an cho phép do đó cần bổ sung tại khoản 1 phải bổ sung cho đầy đủ.		
62.	Bãi bỏ khoản 3 và sửa đổi, bổ sung Điều 75 như sau: “Điều 75. Hồ sơ, thời hạn khai hải quan xuất cảnh đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy Việt Nam tạm xuất và ô tô, mô tô, xe gắn máy nước ngoài tái xuất 1. Hồ sơ đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy xuất cảnh: a) Giấy phép liên vận <i>hoặc giấy phép vận tải</i> hoặc văn bản <i>chấp thuận</i> của cơ quan có thẩm quyền cấp: <i>nộp</i>	- Sửa tên Điều: để đảm bảo phù hợp với nội hàm quy định tại Điều này. - Luật Hải quan: Điều 67. Địa điểm làm thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải Phương tiện vận tải khi xuất cảnh, nhập cảnh phải qua cửa khẩu. Phương tiện vận tải nhập cảnh phải được làm thủ	Phù hợp với các Hiệp định vận tải đường bộ Việt Nam ký kết, Nghị định số 151/2024/NĐ-CP, Nghị định 85/2019/NĐ-CP và hướng tới mô hình hải quan thông minh, hải quan	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	01 bản chụp, xuất trình bản chính; b) Danh sách hành khách đối với ô tô vận chuyển hành khách: 01 bản chính; c) Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm xuất - tái nhập hoặc Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập - tái xuất có xác nhận tạm nhập của Hải quan cửa khẩu làm thủ tục tạm nhập: nộp 01 bản chính. Các chứng từ quy định tại điểm b, c khoản này theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành. 2. Thời hạn nộp hồ sơ hải quan: a) Người khai hải quan nộp bộ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này cho cơ quan hải quan khi phương tiện vận tải đến cửa khẩu biên giới; b) Người khai hải quan được khai sửa đổi, bổ sung các chứng từ quy định tại khoản 1 Điều này trước khi phương tiện vận tải xuất cảnh; c) Khi hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng việc khai báo bằng phương thức điện tử thì người khai hải quan thực hiện khai báo trên hệ thống theo quy định. 3. Đối với ô tô xuất cảnh theo Hiệp định tạo thuận lợi vận tải người và hàng hóa qua lại biên giới giữa các nước tiểu vùng Mê Kông mở rộng (Hiệp định GMS) thì thực hiện theo quy định tại Hiệp định và các văn bản hướng dẫn.” 3. Đối với ô tô nước ngoài có tay lái ở bên phải quy định tại Nghị định số 80/2009/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ quy định xe ô tô của người nước ngoài đăng ký tại nước ngoài có tay lái ở bên phải tham gia giao thông tại Việt Nam và phương tiện cơ giới do người nước ngoài đưa vào Việt Nam du lịch quy định tại Nghị định số 152/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về quản lý phương tiện cơ	tục hải quan tại cửa khẩu nhập cảnh đầu tiên. Phương tiện vận tải xuất cảnh phải được làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu xuất cảnh cuối cùng.	số.	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	giới do người nước ngoài đưa vào Việt Nam du lịch: a) Văn bản chấp thuận của Bộ Giao thông vận tải: Xuất trình bản chính; b) Giấy đăng ký phương tiện: Xuất trình bản chính; c) Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập tái xuất có xác nhận tạm nhập của Chi cục Hải quan cửa khẩu nơi làm thủ tục tạm nhập: Nộp 01 bản chính.			
63.	Điều 76. Thời hạn nộp hồ sơ hải quan 1. Đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy nhập cảnh: Khi ô tô, mô tô, xe gắn máy đến cửa khẩu biên giới, người điều khiển hoặc người đại diện hợp pháp nộp hoặc xuất trình cho Chi cục Hải quan cửa khẩu những giấy tờ nêu tại Điều 74 Nghị định này. 2. Đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy xuất cảnh: Khi ô tô, mô tô, xe gắn máy đến cửa khẩu biên giới, người điều khiển hoặc người đại diện hợp pháp nộp hoặc xuất trình cho Chi cục Hải quan cửa khẩu những giấy tờ nêu tại Điều 75 Nghị định này.	Bãi bỏ điều 76: Nội dung đã được đưa vào Điều 74 và Điều 75 quy định chung về hồ sơ hải quan và thời hạn nộp hồ sơ hải quan với phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh		
64.	Sửa đổi, bổ sung Điều 77 như sau: “Điều 77. Thủ tục hải quan đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy xuất cảnh, nhập cảnh 1. Trách nhiệm người khai hải quan: a) Khai và ký tên vào tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập theo mẫu quy định của Bộ Tài chính; nộp và xuất trình bộ hồ sơ hải quan theo quy định tại Điều 74, Điều 75 Nghị định này. Đưa phương tiện vào vị trí kiểm tra theo yêu cầu của cơ quan hải quan; b) Trường hợp khi tái xuất hoặc tái nhập mà người khai hải quan không xuất trình được tờ khai tạm nhập - tái xuất, tờ khai tạm xuất - tái nhập có xác nhận của Hải	- Luật Hải quan: Điều 67. Địa điểm làm thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải Phương tiện vận tải khi xuất cảnh, nhập cảnh phải qua cửa khẩu. Phương tiện vận tải nhập cảnh phải được làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập cảnh đầu tiên. Phương tiện vận tải xuất cảnh phải được làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu xuất cảnh cuối cùng. Đối với việc đóng dấu vào tờ khai phương tiện XNC làm chứng từ đi đường. Mặc dù đã có quy định cơ quan chức năng khai thác thông tin trên hệ thống đối với các chứng từ hàng hóa xuất nhập khẩu nhưng chưa có khai thác thông tin trên hệ thống về	Phù hợp với Nghị định 85/2019/NĐ-CP và hướng tới mô hình hải quan thông minh, hải quan số; các Hiệp định vận tải đường bộ Việt Nam ký kết.	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<i>quan cửa khẩu thì phải giải trình và khai báo lại trên tờ khai tạm nhập - tái xuất, tờ khai tạm xuất - tái nhập.</i> 2. Trách nhiệm cơ quan hải quan: <i>a) Tiếp nhận hồ sơ hải quan do người khai hải quan nộp, xuất trình, nhập thông tin vào hệ thống phần mềm quản lý phương tiện vận tải đường bộ;</i> <i>b) Kiểm tra hồ sơ; kiểm tra nội dung các chứng từ trong bộ hồ sơ hải quan theo quy định tại Điều 74, Điều 75 Nghị định này và theo quy định của Chính phủ về quản lý xe cơ giới nước ngoài đưa vào Việt Nam;</i> <i>c) Trường hợp hồ sơ, giấy tờ chưa đầy đủ, hợp lệ thì từ chối tiếp nhận đăng ký hồ sơ, thông báo rõ lý do không tiếp nhận và những thiếu sót cần bổ sung cho người khai hải quan;</i> <i>d) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì in tờ khai phương tiện tạm nhập - tái xuất, tờ khai phương tiện tạm xuất - tái nhập từ hệ thống, đóng dấu công chức hải quan tiếp nhận và dấu “VIET NAM CUSTOMS” theo mẫu do Cục trưởng Cục Hải quan ban hành lên tờ khai và lên bản chính giấy phép liên vận hoặc sổ TAD hoặc giấy tờ của cơ quan có thẩm quyền về việc cho phép phương tiện vận tải xuất nhập cảnh theo quy định tại các Điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia hoặc theo quy định của pháp luật, giao cho người khai hải quan để làm thủ tục cho phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh; lưu hồ sơ tờ khai do người khai hải quan nộp khi làm thủ tục tái nhập hoặc tái xuất;</i> <i>đ) Trường hợp không sử dụng được phần mềm quản lý phương tiện vận tải đường bộ, cơ quan hải quan cấp phát miễn phí tờ khai phương tiện vận tải cho người khai hải quan; hướng dẫn người khai hải quan khai thông tin</i>	hồ sơ phương tiện xuất nhập cảnh, do đó, để thuận lợi cho doanh nghiệp và công tác quản lý của lực lượng chức năng cần có chứng từ khi lưu thông để đối chiếu kịp thời. Đối với nội dung đóng dấu vào Giấy phép, văn bản của cơ quan có thẩm quyền. Hiện nay, các Hiệp định vận tải đường bộ Việt Nam ký kết với Trung Quốc, Lào, Campuchia và các nước trong khu vực GMS đã có quy định việc cấp phép, kiểm tra, kiểm soát giấy phép khi qua lại biên giới, do đó, các cơ quan quản lý nhà nước của các nước đã ký kết cần đóng dấu trên giấy phép liên vận hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền để theo dõi, kiểm soát khi phương tiện xuất nhập cảnh.		

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	vào tờ khai phương tiện vận tải; e) Cơ quan hải quan thực hiện quản lý rủi ro để kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế, xác nhận tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy nhập cảnh, xuất cảnh. 3. Kiểm tra hải quan đối với phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh Trên cơ sở thực hiện quản lý rủi ro hoặc trường hợp có cơ sở xác định trên phương tiện có hàng hóa buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép, Đội trưởng Hải quan cửa khẩu quyết định kiểm tra thực tế phương tiện hoặc thực hiện các biện pháp nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật. 4. Giám sát hải quan đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy xuất cảnh, nhập cảnh a) Trong địa bàn hoạt động hải quan, cơ quan hải quan chủ trì và sử dụng phương tiện kỹ thuật để giám sát ô tô, mô tô, xe gắn máy nhập cảnh, xuất cảnh; b) Ngoài địa bàn hoạt động hải quan, cơ quan công an chủ trì, phối hợp các Bộ, ngành liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát ô tô, mô tô, xe gắn máy nhập cảnh, xuất cảnh. 5. Trường hợp thực hiện kiểm tra một cửa, một lần dừng thực hiện theo quy định thủ tục hải quan một cửa, một điểm dừng hoặc cơ chế một cửa quốc gia.”			
65.	Bãi bỏ Điều 77a như sau: Điều 77a. Thủ tục hải quan đối với một số trường hợp đặc thù [79] 1. Phương tiện vận tải vận chuyển hành khách tuyến cố định, thường xuyên xuất cảnh, nhập cảnh qua cùng một cửa khẩu theo giấy phép liên vận thì người điều khiển	Ghép nội dung Điều 77a và Điều 81 vì cùng điều chỉnh trường hợp đặc thù. Theo đó, bãi bỏ Điều 77a. - Qua rà soát nội dung quy định tại Điều 77a quy định về thủ tục hải quan với một số trường hợp đặc thù (thủ tục hải quan với phương tiện xuất nhập cảnh thường xuyên qua một cửa khẩu, phương tiện xuất	Phù hợp với các Hiệp định vận đường bộ Việt Nam ký kết.	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<i>phương tiện chỉ phải khai hải quan phương tiện vận tải 01 lần trong thời hạn 30 ngày. Các lần xuất cảnh, nhập cảnh tiếp theo được cơ quan Hải quan cập nhật theo dõi bằng sổ hoặc bằng máy tính và thanh khoản tờ khai vào lần tái xuất hoặc tái nhập cuối cùng.</i> <i>2. Đối với các trường hợp phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh là xe cứu thương, cứu hỏa, cứu hộ, cứu nạn, cứu trợ nhân đạo, làm nhiệm vụ khẩn cấp không có giấy phép thì thủ tục như sau:</i> <i>a) Người điều khiển phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh khai vào tờ khai phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, xuất trình các giấy tờ liên quan đến phương tiện vận tải và giấy tờ tùy thân của người điều khiển phương tiện vận tải;</i> <i>b) Cơ quan hải quan tiếp nhận hồ sơ do người khai hải quan nộp, xuất trình, kiểm tra thực tế phương tiện vận tải, nhập thông tin vào hệ thống phần mềm quản lý phương tiện vận tải đường bộ và thông báo cho các đơn vị, cơ quan có liên quan để phối hợp, theo dõi, xử lý.</i> <i>3. Đối với ô tô mang biển kiểm soát riêng của khu kinh tế cửa khẩu:</i> <i>a) Ô tô biển kiểm soát riêng của khu kinh tế cửa khẩu vào nội địa phải làm thủ tục hải quan tạm nhập - tái xuất theo quy định;</i> <i>b) Ô tô biển kiểm soát riêng của khu kinh tế cửa khẩu nếu được cấp giấy phép liên vận ra nước ngoài phải làm thủ tục tạm xuất - tái nhập theo quy định.</i> <i>4. Đối với phương tiện vận tải gồm ô tô, mô tô, xe gắn máy của tổ chức, cá nhân nước thứ 3 không thuộc đối tượng điều chỉnh của Điều ước quốc tế mà Chính phủ Việt Nam tham gia ký kết khi xuất cảnh hay nhập cảnh</i>	nhập cảnh là xe cứu thương, cứu hộ, thủ tục xuất nhập cảnh cho phương tiện cơ giới nước ngoài được cấp phép cho tham gia giao thông tại Việt Nam) và Điều 81 quy định thủ tục kiểm tra giám sát với phương tiện thô sơ qua lại biên giới giao nhận hàng, phương tiện của cá nhân, tổ chức ở khu vực biên giới thường xuyên qua lại biên giới do nhu cầu sinh hoạt... đều thuộc các trường hợp đặc thù; do đó bãi bỏ nội dung quy định tại Điều 77a, đưa nội dung các khoản 1, 2, 3, 5 của Điều 77a để quy định tại Điều 81 thành 1 điều chung quy định về thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát đối với một số trường hợp đặc thù. - Qua rà soát quy định của các Hiệp định vận tải đường bộ Việt Nam ký kết với các nước chung biên giới thì cơ quan có thẩm quyền của nước tham gia Hiệp định cấp giấy liên vận/giấy phép vận tải cho phương tiện vận tải của nước đó để cho phép qua lại biên giới với các nước ký kết Hiệp định. Việc cơ quan Việt Nam cấp phép cho phương tiện của nước khác để xuất cảnh sang nước có chung biên giới không ký hiệp định với nước có phương tiện vận tải xuất nhập cảnh không đảm bảo nguyên tắc thực hiện các Điều ước quốc tế cũng như qua rà soát văn bản quy phạm pháp luật thì cũng không có cơ quan nào cấp phép trong trường hợp này. Do đó, bãi bỏ nội dung tại khoản 4 Điều 77a, không đưa nội dung này vào Điều 81 mới của dự thảo Nghị định.		

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<i>phải có văn bản cho phép hoặc chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam mới được giải quyết thủ tục hải quan.</i> <i>5. Phương tiện vận tải quá cảnh khi nhập cảnh, xuất cảnh thực hiện thủ tục hải quan theo quy định tại Điều 74, Điều 75, Điều 76 và Điều 77 Nghị định này.</i> <i>6. Phương tiện vận tải của tổ chức, cá nhân của một nước láng giềng ký kết Hiệp định vận tải song phương với Việt Nam đã làm thủ tục tạm nhập vào lãnh thổ Việt Nam, khi tái xuất sang lãnh thổ của một nước láng giềng khác có ký kết Hiệp định vận tải song phương với Việt Nam phải có văn bản cho phép của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.</i>			
66.	Mục 5. THỦ TỤC HẢI QUAN, KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH VÀ PHƯƠNG TIỆN QUA LẠI KHU VỰC CỬA KHẨU BIÊN GIỚI ĐỂ GIAO NHẬN HÀNG HÓA”	Sửa đổi để phù hợp, đầy đủ với nội hàm các Điều tại mục này.		
67.	“Điều 79. Hồ sơ, thời hạn nộp hồ sơ; tiếp nhận và xử lý hồ sơ đối với phương tiện vận tải đường thủy nội địa xuất cảnh, nhập cảnh qua cửa khẩu biên giới đường thủy nội địa 1. Hồ sơ hải quan nhập cảnh đối với phương tiện vận tải đường thủy nội địa nước ngoài tạm nhập và phương tiện vận tải đường thủy nội địa Việt Nam tái nhập: a) Giấy phép vận tải thủy qua biên giới của cơ quan có thẩm quyền: <i>nộp 01 bản chụp, xuất trình bản chính;</i> b) Tờ khai phương tiện vận tải đường thủy nội địa tạm nhập - tái xuất hoặc Tờ khai phương tiện vận tải đường thủy nội địa tạm xuất - tái nhập có xác nhận tạm	- Luật Hải quan: Điều 67. Địa điểm làm thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải Phương tiện vận tải khi xuất cảnh, nhập cảnh phải qua cửa khẩu. Phương tiện vận tải nhập cảnh phải được làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập cảnh đầu tiên. Phương tiện vận tải xuất cảnh phải được làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu xuất cảnh cuối cùng. - Điều 35 Nghị định 85/2019/NĐ-CP quy định trao đổi thông tin để thực hiện thủ tục đối với phương tiện vận tải đường sắt, đường bộ: “Việc thực hiện thủ tục và trao đổi thông tin đối với	- Để đảm bảo phù hợp Luật giao thông đường thủy nội địa, Luật Hải quan, Nghị định 85/2019/NĐ-CP, Hiệp định vận tải thủy Việt Nam-Campuchia và hướng tới mô hình hải quan thông minh, hải quan số.	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<i>xuất</i> của Hải quan cửa khẩu làm thủ tục tạm xuất: Nộp 01 bản chính; c) Bảng kê nguyên liệu, vật dụng dự trữ trên phương tiện vận tải đường thủy <i>nội địa</i>: Nộp 01 bản chính; d) Danh sách <i>thuyền viên, nhân viên làm việc trên phương tiện vận tải đường thủy (nếu có)</i>: Nộp 01 bản chính; đ) Bản khai hành lý thuyền viên, nhân viên làm việc trên phương tiện vận tải đường thủy <i>nội địa</i>: Nộp 01 bản chính; e) Bản khai hàng hóa trong trường hợp phương tiện vận tải đường thủy <i>nội địa</i> vận chuyển hàng hóa: Nộp 01 bản chính; g) Danh sách hành khách trong trường hợp phương tiện vận tải đường thủy <i>nội địa</i> vận chuyển hành khách: Nộp 01 bản chính. <i>Các chứng từ quy định tại điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g khoản này theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.</i> 2. Hồ sơ hải quan xuất cảnh đối với phương tiện vận tải đường thủy <i>nội địa</i> nước ngoài tái xuất và <i>phương tiện vận tải đường thủy nội địa</i> Việt Nam tạm xuất: a) Giấy phép vận tải thủy qua biên giới của cơ quan có thẩm quyền: nộp 01 bản chụp, xuất trình bản chính; b) Tờ khai phương tiện vận tải đường thủy <i>nội địa</i> tạm xuất - tái nhập hoặc Tờ khai phương tiện vận tải đường thủy <i>nội địa</i> tạm nhập - tái xuất có xác nhận tạm nhập của Hải quan cửa khẩu làm thủ tục tạm nhập: Nộp 01 bản chính; c) Danh sách <i>thuyền viên, nhân viên làm việc trên</i>	phương tiện vận tải đường sắt, đường bộ xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh tại các cửa khẩu đường bộ, đường sắt được thực hiện thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.” Điều 36 Nghị định 85/2019/NĐ-CP quy định thủ tục hành chính: “Thủ tục hành chính đối với phương tiện vận tải đường sắt, đường bộ xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh theo cơ chế một cửa quốc gia thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.” Dự thảo bổ sung nội dung quy định trường hợp hệ thống CNTT đáp ứng yêu cầu thì việc khai báo, làm th tục hải quan theo hình thức điện tử - Khoản 6 Điều 2 Hiệp định vận tải thủy Việt Nam – Campuchia quy định định nghĩa phương tiện thủy nội địa là tất cả các tàu hoặc cấu trúc nổi, bao gồm tàu, thuyền hoặc sà lan hoặc các loại phương tiện khác ngoài tàu biển được đăng ký là phương tiện thủy nội địa theo luật pháp của một Bên Ký kết. - Khoản 7 Điều 3 Luật giao thông đường thủy nội địa quy định: “7. <i>Phương tiện thủy nội địa (sau đây gọi là phương tiện)</i> là tàu, thuyền và các cấu trúc nổi khác, có động cơ hoặc không có động cơ, chuyên hoạt động trên đường thủy nội địa.”, do đó bổ sung các câu chữ liên quan đến từ “thủy nội địa”: Để đảm bảo phù hợp Hiệp định và Luật giao thông đường thủy nội địa.		

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	phương tiện vận tải đường thủy (nếu có): Nộp 01 bản chính; d) Bản kê nguyên liệu, vật dụng dự trữ trên <i>phương tiện thủy nội địa</i>: Nộp 01 bản chính; đ) Bản khai hành lý thuyền viên, nhân viên làm việc trên phương tiện vận tải đường thủy <i>nội địa</i>: Nộp 01 bản chính; e) Bản khai hàng hóa trong trường hợp phương tiện vận tải đường thủy nội địa vận chuyển hàng hóa: Nộp 01 bản chính; g) Danh sách hành khách trong trường hợp phương tiện vận tải đường thủy nội địa vận chuyển hành khách: Nộp 01 bản chính. <i>Các chứng từ quy định tại điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g khoản này theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.</i> 3. Trách nhiệm của người khai hải quan: Khai và ký tên vào tờ khai phương tiện vận tải đường thủy nội địa tạm nhập - tái xuất, tờ khai phương tiện đường thủy nội địa tạm xuất - tái nhập theo mẫu quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính; xuất trình hồ sơ phương tiện vận tải đường thủy (thuyền xuống, ca nô) xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này; chịu trách nhiệm về tính xác thực đối với thông tin đã cung cấp cho cơ quan Hải quan. <i>Trường hợp</i> khi tái xuất hoặc tái nhập mà người khai hải quan không xuất trình được tờ khai phương tiện vận tải đường thủy nội địa tạm nhập - tái xuất, tờ khai phương tiện vận tải đường thủy nội địa tạm xuất - tái nhập có xác nhận của Hải quan cửa khẩu thì phải giải trình và khai báo lại trên tờ khai phương tiện vận tải			

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<i>đường thủy nội địa tạm nhập - tái xuất, tờ khai phương tiện vận tải đường thủy nội địa tạm xuất - tái nhập.</i> <i>Khi hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng việc khai báo bằng phương thức điện tử thì người khai hải quan thực hiện khai báo trên hệ thống theo quy định.</i> 4. Tiếp nhận và xử lý hồ sơ: <i>a) Cơ quan hải quan tiếp nhận hồ sơ hải quan; thực hiện quản lý rủi ro để kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế, xác nhận tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập đối với phương tiện vận tải đường thủy nội địa nhập cảnh, xuất cảnh.</i> <i>Trường hợp hồ sơ, giấy tờ chưa đầy đủ, hợp lệ thì từ chối tiếp nhận đăng ký hồ sơ, thông báo rõ lý do không tiếp nhận và những thiếu sót cần bổ sung cho người khai hải quan.</i> <i>Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì in tờ khai phương tiện vận tải đường thủy tạm nhập - tái xuất, tờ khai phương tiện vận tải đường thủy nội địa tạm xuất - tái nhập từ hệ thống, đóng dấu công chức hải quan tiếp nhận và dấu “VIET NAM CUSTOMS” theo mẫu do Cục trưởng Cục Hải quan ban hành lên tờ khai, giao cho người khai hải quan để làm thủ tục khi tái nhập hoặc tái xuất; lưu hồ sơ tờ khai do người khai hải quan nộp khi làm thủ tục tái nhập hoặc tái xuất;</i> <i>b) Trong quá trình giám sát, trường hợp xác định có dấu hiệu buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, cơ quan hải quan thực hiện các biện pháp kiểm tra, ngăn chặn, tạm giữ, khám xét theo quy định của pháp luật.</i> 5. Tàu thuyền nước ngoài quá cảnh Việt Nam đến Campuchia, tàu thuyền nước ngoài từ Campuchia quá			

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	cánh Việt Nam ra nước ngoài; tàu thuyền Việt Nam, tàu thuyền Campuchia có hồ hiệu (IMO) xuất cảnh, nhập cảnh qua đường sông Tiền, sông Hậu thực hiện theo quy định tại Điều 65, Điều 67 và Điều 68 Nghị định này. 6. Giám sát hải quan phương tiện vận tải đường thủy nội địa: a) Trong địa bàn hoạt động hải quan, cơ quan hải quan sử dụng phương tiện kỹ thuật để giám sát phương tiện vận tải đường thủy nội địa nhập cảnh, xuất cảnh; b) Ngoài địa bàn hoạt động hải quan, các phương tiện vận tải đường thủy nội địa xuất cảnh, nhập cảnh phải chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan, lực lượng chức năng theo quy định của pháp luật.”			
68.	Bãi bỏ Điều 80. Thủ tục hải quan đối với mô tô, xe gắn máy xuất cảnh, nhập cảnh	Kế thừa quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP.		
69.	“Điều 81. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với một số trường hợp đặc thù 1. Phương tiện vận tải vận chuyển hành khách tuyến cố định, vận chuyển hàng hóa, thường xuyên xuất cảnh, nhập cảnh qua cùng một cửa khẩu theo giấy phép vận tải hoặc giấy phép liên vận thì người điều khiển phương tiện chỉ phải khai hải quan phương tiện vận tải 01 lần trong thời hạn 30 ngày. Các lần xuất cảnh, nhập cảnh tiếp theo được cơ quan hải quan cập nhật theo dõi bằng số hoặc bằng máy tính và thanh khoản tờ khai vào lần tái xuất hoặc tái nhập cuối cùng. 2. Đối với các trường hợp phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh là xe cứu thương, cứu hỏa, cứu hộ, cứu nạn, cứu trợ nhân đạo, làm nhiệm vụ khẩn cấp theo đề nghị của cơ quan quản lý nhà nước thì thủ tục như sau:	- Luật Hải quan: Điều 67. Địa điểm làm thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải Phương tiện vận tải khi xuất cảnh, nhập cảnh phải qua cửa khẩu. Phương tiện vận tải nhập cảnh phải được làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập cảnh đầu tiên. Phương tiện vận tải xuất cảnh phải được làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu xuất cảnh cuối cùng. - Khoản 1 Điều 69 Luật Hải quan quy định: “<i>Khi làm thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải, chủ phương tiện vận tải, người điều khiển phương tiện vận tải hoặc người được chủ phương tiện vận tải ủy quyền phải khai hải quan; nộp, xuất trình các chứng từ vận tải để làm thủ tục hải quan; cung cấp các thông tin, chứng từ về hàng hóa, vật dụng trên phương tiện vận tải. Trường hợp các chứng từ liên</i>	- Để đảm bảo phù hợp Luật giao thông đường thủy nội địa, Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ, Luật Hải quan, Nghị định 151/2024/NĐ-CP	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<i>a) Người điều khiển phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh khai vào tờ khai phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, xuất trình các giấy tờ liên quan đến phương tiện vận tải và giấy tờ tùy thân của người điều khiển phương tiện vận tải;</i> <i>b) Cơ quan hải quan tiếp nhận hồ sơ do người khai hải quan nộp, xuất trình, kiểm tra thực tế phương tiện vận tải, nhập thông tin vào hệ thống phần mềm quản lý phương tiện vận tải đường bộ và thông báo cho các đơn vị, cơ quan có liên quan để phối hợp, theo dõi, xử lý.</i> 3. Phương tiện vận tải quá cảnh khi nhập cảnh, xuất cảnh thực hiện thủ tục hải quan theo quy định tại Điều 74, Điều 75 và Điều 77 Nghị định này. 4. <i>Đối với phương tiện cơ giới của người nước ngoài vào Việt Nam theo quy định tại Nghị định số 151/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ tạm nhập qua cửa khẩu đường bộ, tái xuất qua cửa khẩu quốc tế đường biển, đường hàng không, đường sắt và ngược lại thì thực hiện thủ tục hải quan cho phương tiện tạm nhập tái xuất theo quy định tại Điều 77 Nghị định này.</i> 5. <i>Trường hợp hàng hóa vận chuyển qua cửa khẩu biên giới đường bộ bằng phương thức vận tải khác theo thỏa thuận của Việt Nam với các nước có chung biên giới (phương tiện vận tải hàng hóa vận hành tự động, không có người điều khiển qua lại cửa khẩu biên giới đất liền trong phạm vi cố định, băng tải, ống dẫn, đường truyền hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận của hai nước), tổ chức cá nhân chịu trách nhiệm cung cấp</i>	<i>quan đã đáp ứng yêu cầu của việc kiểm tra hải quan thì chủ phương tiện vận tải, người điều khiển phương tiện vận tải hoặc người được chủ phương tiện vận tải ủy quyền không phải khai hải quan, trừ hành lý, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của người xuất cảnh, nhập cảnh trên phương tiện vận tải.”</i> Tại Nghị định 08 cho phép phương tiện chở khách thường xuyên xuất nhập cảnh qua cùng một cửa khẩu đáp ứng điều kiện kiểm tra giám sát hải quan được thực hiện khai hải quan 01 lần thời hạn 30 ngày. Do đó, tại khoản 1 Điều 81 dự thảo đề xuất bổ sung cho phép phương tiện vận chuyển hàng hóa thường xuyên xuất cảnh, nhập cảnh qua cùng một cửa khẩu, đáp ứng điều kiện kiểm tra giám sát hải quan theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Hải quan được mở tờ khai hải quan 01 lần, thời hạn 30 ngày, các lần xuất cảnh, nhập cảnh tiếp theo thì thực hiện theo dõi bằng sổ hoặc phần mềm quản - Nghị định 151/2024/NĐ-CP quy định về việc cấp phép cho PTVT nước ngoài tham gia giao thông tại Việt Nam		

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<i>trước thông tin hàng hóa, thời gian vận chuyển cho cơ quan hải quan để thực hiện giám sát theo quy định.</i> <i>Chủ phương tiện phải cung cấp cho cơ quan hải quan danh sách các phương tiện qua lại cửa khẩu và không phải làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh phương tiện. Cơ quan hải quan cập nhật danh sách phương tiện vào sổ theo dõi và thực hiện việc giám sát phương tiện từ khi đến lãnh thổ Việt Nam đến khi vào địa điểm tập kết, kiểm tra tại cửa khẩu và quay lại ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.</i> <i>6. Phương tiện vận tải thô sơ và các phương tiện giao thông khác theo quy định tại Luật Giao thông đường thủy nội địa và Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ (trừ phương tiện cơ giới) qua lại biên giới để giao nhận hàng hóa trong hoạt động thương mại biên giới chỉ được phép hoạt động trong khu vực cửa khẩu biên giới đất liền và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan.</i> <i>Khi qua lại cửa khẩu biên giới, chủ phương tiện hoặc người điều khiển phương tiện xuất trình cho cơ quan hải quan giấy tờ phương tiện. Trường hợp phương tiện chở hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thì nộp tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (hoặc chứng từ chứng minh là hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu) và 01 Bản kê thông tin hàng hóa nhập khẩu (trong trường hợp vận chuyển hàng nhập khẩu từ nước ngoài vào Việt Nam).</i> <i>Người điều khiển phương tiện có trách nhiệm đưa phương tiện chở hàng hóa nhập khẩu vào địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu hoặc khu vực tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa theo quy định tại khu vực cửa khẩu để chờ làm thủ tục hải</i>			

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	quan. <i>Cơ quan hải quan tiếp nhận, kiểm tra các chứng từ do người điều khiển phương tiện nộp, xuất trình theo quy định tại khoản này; cập nhật vào Sổ theo dõi theo quy định và thực hiện giám sát phương tiện trong thời gian phương tiện hoạt động tại khu vực cửa khẩu. Trường hợp các chứng từ chưa đầy đủ, hợp lệ thì không cho phép phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh và thông báo rõ lý do cho người điều khiển phương tiện.</i> <i>Thời gian cho phép phương tiện vận tải đường bộ quy định tại khoản này giao nhận hàng hóa không vượt quá 48 giờ và thời gian cho phép phương tiện vận tải đường thủy nội địa quy định tại khoản này giao nhận hàng hóa không vượt quá 72 giờ. Trong trường hợp nếu có lý do chính đáng cần kéo dài thời gian lưu lại tại khu vực cửa khẩu thì người điều khiển phương tiện hoặc chủ hàng hóa có văn bản đề nghị, Đội trưởng Hải quan cửa khẩu xem xét gia hạn, thời gian gia hạn thêm không quá 48 giờ.</i> 7. Phương tiện của cá nhân, cơ quan, tổ chức ở khu vực biên giới thường xuyên qua lại cửa khẩu biên giới do nhu cầu sinh hoạt hàng ngày <i>phải</i> đăng ký với cơ quan hải quan (01 năm một lần) <i>để kiểm tra, giám sát</i> theo quy định. Trong thời gian đăng ký, khi qua lại cửa khẩu biên giới, cá nhân, cơ quan, tổ chức không phải khai hải quan; cơ quan hải quan thực hiện giám sát, đối chiếu <i>thông tin</i> phương tiện đã đăng ký với cơ quan hải quan khi phương tiện qua lại biên giới. 8. Các loại phương tiện quy định tại Điều này chỉ được tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập qua cùng một cửa khẩu. Cơ quan hải quan cửa khẩu có trách			

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	nhiệm <i>làm thủ tục hải quan, kiểm tra</i> , giám sát phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, <i>vào khu vực cửa khẩu để giao nhận hàng</i> theo đúng quy định của pháp luật. Trường hợp có dấu hiệu vận chuyển hàng hóa buôn lậu hoặc vận chuyển hàng hóa trái phép, cơ quan hải quan kiểm tra thực tế phương tiện và xử lý theo quy định.”			
70.	Bãi bỏ điểm c khoản 2 Điều 84. Thuê kho ngoại quan 2. Hợp đồng thuê kho ngoại quan: a) Hợp đồng thuê kho ngoại quan do chủ kho ngoại quan và chủ hàng thỏa thuận theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp chủ hàng vừa là chủ kho ngoại quan; b) Thời hạn hiệu lực và thời hạn thuê kho ngoại quan do chủ hàng và chủ kho ngoại quan thỏa thuận trên hợp đồng thuê kho ngoại quan, nhưng không quá thời hạn hàng hóa được gửi kho ngoại quan theo quy định tại Khoản 1 Điều 61 Luật Hải quan; e) Quá thời hạn thuê kho ngoại quan theo quy định tại Khoản 1 Điều 61 Luật Hải quan nếu chủ hàng hóa hoặc người được chủ hàng hóa ủy quyền không đưa hàng ra khỏi kho ngoại quan hoặc trong thời hạn thuê kho ngoại quan nhưng chủ hàng hóa hoặc người được chủ hàng hóa ủy quyền có văn bản đề nghị thanh lý thì Cục Hải quan tổ chức thanh lý hàng hóa gửi kho ngoại quan theo quy định của pháp luật.	Nội dung này được đưa vào khoản 4 Điều 86 để phù hợp với nội hàm điều luật quy định	Phù hợp với quy định tại Luật Hải quan.	
71.	Sửa đổi khoản 4 và bổ sung khoản 5 Điều 86 như sau: “4. Trong trường hợp muốn tiêu hủy những lô hàng đổ vỡ, hư hỏng, giảm phẩm chất hoặc quá thời hạn sử dụng phát sinh trong quá trình <i>lưu giữ tại Việt Nam</i> , chủ kho ngoại quan phải có văn bản thỏa thuận với chủ hàng hoặc đại diện hợp pháp của chủ hàng về việc đồng ý tiêu hủy hàng hóa. Văn bản thỏa thuận được gửi cho	Điều 61. Hàng hóa gửi tại kho ngoại quan, kho bảo thuế, địa điểm thu gom hàng lẻ <i>1. Hàng hóa gửi kho ngoại quan được lưu giữ trong thời gian không quá 12 tháng kể từ ngày được gửi vào kho; trường hợp có lý do chính đáng thì được Cục trưởng Cục Hải quan đang quản lý kho ngoại quan gia hạn một lần không quá 12 tháng.</i>	Phù hợp với quy định tại Luật Hải quan, Nghị định số 128/2020/NĐ-CP.	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	Hải quan nơi lưu giữ hàng hóa hoặc nơi quản lý kho ngoại quan để theo dõi. Chủ hàng hóa hoặc chủ kho ngoại quan phải chịu trách nhiệm thực hiện và thanh toán các khoản chi phí tiêu hủy hàng hóa theo quy định của pháp luật. 5. Hàng hóa xuất kho ngoại quan đưa ra cửa khẩu xuất để xuất khẩu chỉ được phép lưu giữ trong khu vực giám sát hải quan tại cửa khẩu xuất không quá 15 ngày kể từ ngày đến cửa khẩu xuất. Trong thời hạn nêu trên nếu hàng hóa không xuất được và còn thời hạn lưu giữ trong lãnh thổ Việt Nam theo quy định tại Điều 61 Luật Hải quan, chủ hàng phải có văn bản thông báo cơ quan hải quan cho phép đưa hàng hóa vào gửi kho ngoại quan tại cửa khẩu xuất hoặc đưa trở lại kho ngoại quan ban đầu hoặc địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực cửa khẩu, biên giới và thực hiện thủ tục vận chuyển hàng hóa chịu sự giám sát hải quan. Trường hợp chủ hàng không có văn bản đề nghị đưa hàng hóa vào gửi kho ngoại quan tại cửa khẩu xuất hoặc đưa trở lại kho ngoại quan ban đầu hoặc địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực cửa khẩu, biên giới thì cơ quan hải quan xử lý vi phạm theo quy định và buộc đưa hàng hóa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam tại cửa khẩu nhập ban đầu trong thời hạn 15 ngày, nếu chủ hàng không đưa hàng hóa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.”	2. Nguyên liệu, vật tư được lưu giữ tại kho bảo thuế để sản xuất hàng hóa xuất khẩu trong thời gian không quá 12 tháng kể từ ngày được gửi vào kho; trường hợp có lý do chính đáng theo yêu cầu của chu trình sản xuất thì được Chi cục trưởng Chi cục Hải quan đang quản lý kho bảo thuế gia hạn. Thời gian gia hạn phù hợp với chu trình sản xuất. 3. Hàng hóa được đưa vào địa điểm thu gom hàng lẻ gồm hàng hóa nhập khẩu chưa làm thủ tục hải quan, hàng hóa xuất khẩu đã hoàn thành thủ tục hải quan hoặc đã đăng ký tờ khai hải quan nhưng việc kiểm tra thực tế hàng hóa sẽ được thực hiện tại địa điểm thu gom hàng lẻ. Hàng hóa được lưu giữ tại địa điểm thu gom hàng lẻ trong thời gian không quá 90 ngày kể từ ngày được đưa vào địa điểm thu gom hàng lẻ; trường hợp có lý do chính đáng thì được Chi cục trưởng Chi cục Hải quan đang quản lý địa điểm thu gom hàng lẻ gia hạn một lần không quá 90 ngày. - Quy định của pháp luật về kho ngoại quan cho phép hàng hóa lưu giữ trong thời hạn nhất định, khi hết thời hạn phải đưa hàng ra khỏi kho hoặc trường hợp chủ hàng hóa, chủ kho ngoại quan muốn tiêu hủy thì phải thực hiện một số thủ tục nhất định. Tuy nhiên hiện nay trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan, công tác giám sát kho ngoại quan, phát sinh nhiều trường hợp khi hàng hóa hết thời hạn gửi kho ngoại quan nhưng không thể xuất khẩu được, hoặc đã làm thủ tục xuất kho ngoại quan đưa lên cửa khẩu xuất nhưng chưa thực xuất được... chưa có quy định cụ thể của pháp luật về thẩm quyền gia		

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		hạn, thủ tục gia hạn đối với những hàng hóa còn thời hạn lưu giữ nhưng đã xuất kho ngoại quan, hoặc biện pháp xử lý đối với những hàng hóa quá thời hạn gửi kho ngoại quan...; quy trình tiêu hủy hàng hóa theo đề nghị của doanh nghiệp... - Tại khoản 4 bổ sung nội dung quy định về thời hạn đưa hàng hóa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam do tại Nghị định 128/2020/NĐ-CP chưa có quy định chế tài áp dụng bổ sung: “trong thời hạn 30 ngày...” - Làm rõ thêm nội dung về thời hạn hàng lưu giữ tại lãnh thổ Việt Nam tại khoản 6		
72.	Điều 91. Quản lý, giám sát hải quan 1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được lưu giữ trong địa điểm thu gom hàng lẻ quá thời hạn theo quy định tại Khoản Điều 61 Luật Hải quan, nếu hàng hóa không được đưa ra khỏi địa điểm thu gom hàng lẻ thì xử lý theo quy định tại Điều 57 58 Luật Hải quan.”	Điều 58 luật hải quan: Kiểm tra, giám sát hải quan, xử lý hàng hóa tồn đọng <i>1. Hàng hóa tồn đọng được lưu giữ tại khu vực cảng, kho, bãi thuộc địa bàn hoạt động hải quan bao gồm:</i> <i>a) Hàng hóa mà chủ hàng hóa tuyên bố từ bỏ hoặc thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ.</i> <i>Không thừa nhận việc chủ hàng hóa từ bỏ hoặc thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ đối với hàng hóa có dấu hiệu vi phạm pháp luật;</i> <i>b) Hàng hóa nhập khẩu quá 90 ngày kể từ ngày đến cửa khẩu nhưng không có người đến nhận;</i> <i>c) Hàng hóa do doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi thu gom trong quá trình xếp dỡ hàng hóa;</i> <i>d) Hàng hóa nhập khẩu ngoài vận đơn, bản khai hàng hóa nhưng không có người đến nhận.</i> <i>2. Trường hợp cơ quan hải quan có căn cứ để xác định hàng hóa quy định tại khoản 1 Điều này là hàng hóa buôn lậu thì xử lý theo quy định của pháp luật.</i>	Sửa đổi để phù hợp với quy định tại Điều 58 Luật Hải quan quy định về kiểm tra, giám sát hải quan, xử lý hàng hóa tồn đọng.	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		3. Hàng hóa quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều này mà không có người nhận thì cơ quan hải quan thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày thông báo, nếu chủ hàng hóa đến nhận thì được làm thủ tục hải quan và bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; nếu không có người đến nhận thì xử lý theo quy định tại khoản 6 Điều này. 4. Hàng hóa quy định tại khoản 1 Điều này thuộc diện dễ hư hỏng, hàng đông lạnh, hóa chất độc hại, nguy hiểm, hàng sắp hết hạn sử dụng thì phải xử lý kịp thời theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. 5. Doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi có trách nhiệm bố trí địa điểm cảng, kho, bãi đáp ứng điều kiện giám sát hải quan để lưu giữ hàng hóa tồn đọng; phối hợp xử lý hàng hóa tồn đọng theo quy định tại khoản 6 Điều này. 6. Việc xử lý hàng hóa tồn đọng được thực hiện như sau: a) Đối với hàng hóa tồn đọng, cơ quan hải quan xử lý theo quy định của pháp luật. Trường hợp bán hàng hóa tồn đọng thì tiền bán hàng được nộp vào ngân sách nhà nước sau khi trừ các khoản chi phí bán hàng và chi phí lưu cảng, kho, bãi tại doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi; b) Đối với hàng hóa gây ô nhiễm môi trường, chủ phương tiện vận tải, người điều khiển phương tiện vận tải hoặc người được chủ phương tiện vận tải ủy quyền có trách nhiệm vận chuyển hàng hóa đó ra		

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		<i>khỏi lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp không xác định được chủ phương tiện vận tải, người điều khiển phương tiện vận tải hoặc người được chủ phương tiện vận tải ủy quyền, cơ quan hải quan chủ trì, phối hợp với doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi, chính quyền địa phương và cơ quan liên quan thực hiện tiêu hủy.</i>		
73.	“Điều 97. Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan 1. Đối với hồ sơ hải quan theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 78 Luật Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực tỉnh, liên tỉnh, thành phố; Chi cục trưởng Chi cục Hải quan, ban hành quyết định kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan. Trường hợp khối lượng hàng hóa lớn, chủng loại hàng hóa phức tạp, có rủi ro về thuế, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực tỉnh, liên tỉnh, thành phố thực hiện ban hành Quyết định kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan. <i>Trường hợp người khai hải quan có trụ sở chính hoặc mã số thuế không thuộc địa bàn quản lý của Chi cục Hải quan khu vực Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố thì chỉ thực hiện kiểm tra đối với các tờ khai làm thủ tục hải quan tại địa bàn quản lý. Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm đối với tờ khai làm thủ tục hải quan tại địa bàn quản lý của Chi cục Hải quan khu vực Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố khác, đơn vị phát hiện dấu hiệu vi phạm báo cáo Tổng Cục Hải quan xem xét, quyết định phân công đơn vị kiểm tra.</i> 2. Thông báo kết quả kiểm tra Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết	- Điều 79 Luật Hải quan quy định kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan <i>"1. Cục trưởng Cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan ban hành quyết định kiểm tra sau thông quan, yêu cầu người khai hải quan cung cấp hóa đơn thương mại, chứng từ vận tải, hợp đồng mua bán hàng hóa, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa, chứng từ thanh toán, hồ sơ, tài liệu kỹ thuật của hàng hóa liên quan đến hồ sơ đang được kiểm tra và giải trình những nội dung liên quan.</i> <i>Thời gian kiểm tra được xác định trong quyết định kiểm tra, nhưng tối đa là 05 ngày làm việc.</i> 2. Quyết định kiểm tra sau thông quan phải gửi cho người khai hải quan trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ký và chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày tiến hành kiểm tra. <i>Người khai hải quan có trách nhiệm giải trình, cung cấp hồ sơ, chứng từ liên quan đến hồ sơ đang được kiểm tra theo yêu cầu của cơ quan hải quan.</i> <i>Trong thời gian kiểm tra, người khai hải quan có quyền giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu liên quan đến hồ sơ hải quan.</i> 3. Việc xử lý kết quả kiểm tra được quy định như sau:	Để đảm bảo sự tương ứng về bố cục giữa KTSTQ tại cơ quan hải quan (Điều 97) và KTSTQ tại trụ sở người khai hải quan (Điều 98) của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP. Nội dung Điều này đảm bảo theo quy định về Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan tại Điều 79 Luật Hải quan. Việc sửa đổi, bổ sung này chỉ có mục tiêu làm rõ cách hiểu, cách thực hiện, không ảnh hưởng đến các quy định liên quan của Luật Hải quan.	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	thúc việc kiểm tra (xác định theo ngày ký biên bản kiểm tra cuối cùng tại trụ sở cơ quan hải quan và trong thời hạn kiểm tra của Quyết định kiểm tra theo quy định), người ký quyết định kiểm tra ký ban hành Thông báo kết quả kiểm tra và gửi cho người khai hải quan. 3. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quy định chỉ tiết thực hiện kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan.”	a) Trường hợp thông tin, chứng từ, tài liệu được cung cấp và nội dung đã giải trình chứng minh nội dung khai hải quan là đúng thì hồ sơ hải quan được chấp nhận; b) Trường hợp không chứng minh được nội dung khai hải quan là đúng hoặc người khai hải quan không cung cấp hồ sơ, chứng từ, tài liệu, không giải trình theo yêu cầu kiểm tra thì cơ quan hải quan quyết định xử lý theo quy định của pháp luật về thuế, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. 4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, người ra quyết định kiểm tra phải ký thông báo kết quả kiểm tra và gửi cho người khai hải quan.” - Khoản 2: Bổ sung để phù hợp với bố cục quy định về KTSTQ tại trụ sở người khai hải quan (Điều 98). - Khoản 3: Giữ nguyên nội dung, thay đổi số thứ tự khoản 2 cũ thành khoản 3.		
74.	“Điều 98. Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan 1. Thẩm quyền quyết định kiểm tra sau thông quan: a) Tổng Cục trưởng Tổng Cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi Cục Kiểm tra sau thông quan quyết định kiểm tra sau thông quan trong phạm vi toàn quốc: a.1) Tổng Cục trưởng Tổng Cục Hải quan quyết định kiểm tra sau thông quan đối với doanh nghiệp ưu tiên, doanh nghiệp thực hiện các dự án quan trọng quốc gia, các tập đoàn, tổng công ty có cơ sở sản xuất hàng hóa xuất khẩu, chi nhánh hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu tại nhiều địa bàn;	- Điều 80 Luật Hải quan quy định về kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan 1. Thẩm quyền quyết định kiểm tra sau thông quan: a) Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan quyết định kiểm tra sau thông quan trong phạm vi toàn quốc; b) Cục trưởng Cục Hải quan quyết định kiểm tra sau thông quan trong địa bàn quản lý của Cục. Trường hợp kiểm tra doanh nghiệp không thuộc phạm vi địa bàn quản lý được phân công, Cục Hải quan báo cáo Tổng cục Hải quan xem xét phân công	Để đảm bảo sự tương xứng về bố cục giữa KTSTQ tại cơ quan hải quan (Điều 97) và KTSTQ tại trụ sở người khai hải quan (Điều 98) của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP. Nội dung Điều này đảm bảo theo quy định tại Điều 80 (Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan) Luật Hải quan;	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	a.2) Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan quyết định kiểm tra <i>sau thông quan đối với người khai hải quan trong phạm vi toàn quốc. Đối với trường hợp nêu tại điểm a.1 khoản này thực hiện khi Tổng Cục trưởng Tổng Cục Hải quan phân công.</i> b) Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực tỉnh, liên tỉnh, thành phố quyết định kiểm tra sau thông quan đối với người khai hải quan có trụ sở chính hoặc có mã số thuế thuộc địa bàn quản lý. Đối với trường hợp nêu tại điểm a.1 khoản này thực hiện khi Tổng Cục trưởng Tổng Cục Hải quan phân công. <i>Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm đối với người khai hải quan không thuộc địa bàn quản lý, Chi cục Hải quan khu vực Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố báo cáo Tổng Cục Hải quan xem xét, quyết định phân công đơn vị kiểm tra;</i> c) <i>Tổ chức quản lý hoạt động kiểm tra sau thông quan tránh trùng lặp:</i> <i>Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm đối với nội dung, phạm vi đã được kiểm tra nhưng chưa có kết luận về dấu hiệu vi phạm nêu trên, đơn vị phát hiện dấu hiệu vi phạm báo cáo Tổng Cục Hải quan xem xét, quyết định phân công đơn vị kiểm tra theo quy định tại khoản 1 Điều 78 Luật Hải quan.</i> <i>Trường hợp kiểm tra sau thông quan theo quy định tại khoản 2 Điều 78 Luật Hải quan, cơ quan hải quan không được thực hiện trùng lặp về nội dung và phạm vi đã được kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan.</i> <i>Trường hợp kiểm tra sau thông quan theo quy định tại khoản 3 Điều 78 Luật Hải quan, cơ quan hải quan</i>	đơn vị thực hiện kiểm tra. Việc kiểm tra đánh giá tuân thủ pháp luật của người khai hải quan thực hiện theo kế hoạch kiểm tra sau thông quan hàng năm do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành. 2. Thời hạn kiểm tra sau thông quan: a) Thời hạn kiểm tra sau thông quan được xác định trong quyết định kiểm tra, nhưng tối đa là 10 ngày làm việc. Thời gian kiểm tra được tính từ ngày bắt đầu tiến hành kiểm tra; trường hợp phạm vi kiểm tra lớn, nội dung phức tạp thì người đã ký quyết định kiểm tra có thể gia hạn một lần không quá 10 ngày làm việc; b) Quyết định kiểm tra sau thông quan phải gửi cho người khai hải quan trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ký và chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày tiến hành kiểm tra, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 78 của Luật này. 3. Trình tự, thủ tục kiểm tra sau thông quan: a) Công bố quyết định kiểm tra sau thông quan khi bắt đầu tiến hành kiểm tra; b) Đối chiếu nội dung khai báo với sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính, các tài liệu có liên quan, tình trạng thực tế của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong phạm vi, nội dung của quyết định kiểm tra sau thông quan; c) Lập biên bản kiểm tra sau thông quan trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra; d) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, người quyết định kiểm tra phải ký kết luận	phù hợp với thuật ngữ “Dự án quan trọng quốc gia tại Điều 7 (Tiêu chí phân loại dự án quan trọng quốc gia) Luật đầu tư công số 39/2019/QH14; Điều 98 (Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan) Nghị định số 08/2015/NĐ-CP; Khoản 50 Điều 1 Nghị định 59/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Khoản 3, Khoản 6 Điều 98 NĐ 08/2015/NĐ-CP. Việc sửa đổi, bổ sung này chỉ có mục tiêu làm rõ cách hiểu, cách thực hiện, không ảnh hưởng đến các quy định liên quan của Luật Hải quan và Luật đầu tư công	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<i>thực hiện theo kế hoạch kiểm tra sau thông quan hàng năm do Tổng Cục trưởng Tổng Cục Hải quan ban hành.</i> <i>2. Kết luận kiểm tra sau thông quan: Cơ quan hải quan kết luận theo từng nội dung đã thực hiện kiểm tra sau thông quan.</i> <i>a) Trường hợp cơ quan hải quan có đủ cơ sở để kết luận kiểm tra, trình tự ban hành kết luận kiểm tra như sau:</i> <i>a.1) Dự thảo kết luận kiểm tra sau thông quan</i> <i>Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra (xác định theo ngày ký biên bản kiểm tra cuối cùng tại trụ sở người khai hải quan và trong thời hạn kiểm tra của Quyết định kiểm tra theo quy định), người ban hành quyết định kiểm tra hoàn thành dự thảo kết luận kiểm tra sau thông quan và gửi người khai hải quan;</i> <i>a.2) Giải trình của người khai hải quan</i> <i>Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, người khai hải quan có quyền giải trình bằng văn bản hoặc làm việc trực tiếp với người ký ban hành quyết định kiểm tra về các nội dung liên quan đến kết quả kiểm tra, dự thảo kết luận.</i> <i>Trường hợp người khai hải quan từ chối giải trình bằng văn bản hoặc không giải trình trong thời hạn nêu trên thì cơ quan hải quan xử lý kết luận kiểm tra trên cơ sở hồ sơ hiện có;</i> <i>a.3) Ký ban hành kết luận kiểm tra: trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, người ký ban hành quyết định kiểm tra có trách nhiệm:</i> <i>a.3.1) Xem xét văn bản giải trình của người khai hải quan, kết quả làm việc với đại diện có thẩm quyền</i>	kiểm tra và gửi cho người khai hải quan. Trường hợp kết luận kiểm tra cần có ý kiến về chuyên môn của cơ quan có thẩm quyền thì thời hạn ký kết luận kiểm tra được tính từ ngày có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền. Cơ quan chuyên môn có thẩm quyền có ý kiến trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan hải quan; đ) Xử lý theo thẩm quyền hoặc chuyển cấp có thẩm quyền xử lý theo kết quả kiểm tra. 4. Trường hợp người khai hải quan không chấp hành quyết định kiểm tra, không giải trình, cung cấp hồ sơ, tài liệu đúng thời hạn cho cơ quan hải quan thì cơ quan hải quan căn cứ hồ sơ, tài liệu đã thu thập, xác minh để quyết định xử lý theo quy định của pháp luật về thuế, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc thực hiện thanh tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật. - Thuật ngữ “Dự án quan trọng quốc gia tại Điều 7 (Tiêu chí phân loại dự án quan trọng quốc gia) Luật đầu tư công số 39/2019/QH14; - Bỏ quy định tại Khoản 1 cũ do mâu thuẫn với nội dung Khoản 1 Điều 97. Đồng thời, tại khoản 1 dự thảo Nghị định sửa đổi như sau: + Đưa nội dung Khoản 1 Điều 80 vào các điểm a, b. + Làm rõ hơn về thẩm quyền của Tổng Cục trưởng TCHQ, Cục trưởng Cục KTSTQ và Cục trưởng Cục hải quan tỉnh, thành phố. + Tiết a.1 điểm a Khoản 1 sửa "trọng điểm" thành "quan trọng" để phù hợp với tên gọi về "dự án quan trọng quốc gia" tại Điều 7 Luật đầu tư công số		

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<i>của người khai hải quan trong trường hợp còn vấn đề cần làm rõ để ký ban hành kết luận kiểm tra;</i> <i>a.3.2) Ký ban hành kết luận kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan và gửi người khai hải quan (trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này).</i> <i>Trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn ký ban hành kết luận kiểm tra sau thông quan là ngày thứ 7, chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết thì thời hạn ký ban hành kết luận kiểm tra sau thông quan là ngày làm việc liền kề sau đó.</i> <i>b) Đối với trường hợp cơ quan hải quan chưa đủ cơ sở kết luận, cần có ý kiến về chuyên môn của cơ quan có thẩm quyền, trình tự ban hành kết luận kiểm tra như sau:</i> <i>b.1) Trường hợp toàn bộ nội dung kết luận phải chờ xin ý kiến: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, cơ quan hải quan gửi văn bản xin ý kiến. Thời hạn ký ban hành kết luận kiểm tra là 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản ý kiến của cơ quan chuyên môn có thẩm quyền theo trình tự ban hành kết luận tại điểm a khoản này;</i> <i>b.2) Trường hợp kết luận kiểm tra có những nội dung đã đủ cơ sở kết luận và những nội dung cần ý kiến về chuyên môn, cơ quan hải quan ban hành kết luận kiểm tra đối với những nội dung đủ cơ sở kết luận theo thời hạn quy định tại điểm a khoản này. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ký kết luận kiểm tra, cơ quan hải quan gửi văn bản xin ý kiến; sau khi nhận được ý kiến của cơ quan chuyên môn, cơ quan hải quan xử lý kết quả kiểm tra theo khoản 3 Điều 100 hoặc ban hành kết luận bổ sung. Thời hạn ký <i>Trường hợp</i> ban hành kết luận bổ sung, <i>thời hạn ký ban hành</i> là 15 ngày kể từ ngày nhận</i>	39/2019/QH14; + Điểm b Khoản 1: kế thừa nội dung quy định Khoản 50 Điều 1 Nghị định 59/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Khoản 3, Khoản 6 Điều 98 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP và bổ sung "...địa bàn quản lý của Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố..." để làm rõ. Và bổ sung phần loại trừ đối tượng thuộc thẩm quyền quyết định của Tổng Cục trưởng TCHQ. Đồng thời sửa "...thực hiện..." thành "...quyết định..." - Khoản 2 dự thảo Nghị định: đưa nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 4, 5, 6 Điều 98 Nghị định 08/2015/NĐ-CP thành 01 khoản để làm rõ hơn về trình tự, thủ tục. - Khoản 3 dự thảo Nghị định: bổ sung để tương ứng với bố cục quy định về KTSTQ tại trụ sở cơ quan hải quan (Điều 97), giao Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục. - Thống nhất sử dụng thuật ngữ "ngày kết thúc việc kiểm tra" theo Điều 80 Luật Hải quan. - Theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 80 Luật hải quan không có "...ngày làm việc"		

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	được văn bản ý kiến của cơ quan chuyên môn có thẩm quyền theo trình tự ban hành kết luận tại điểm a khoản này; b.3) Cơ quan chuyên môn có thẩm quyền có ý kiến bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của cơ quan hải quan. Trường hợp hết thời hạn 30 ngày, cơ quan hải quan không nhận được ý kiến bằng văn bản của cơ quan chuyên môn có thẩm quyền thì cơ quan hải quan ban hành kết luận kiểm tra (theo trình tự quy định tại điểm a khoản này) trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hết hạn dựa trên kết quả kiểm tra và dữ liệu của cơ quan hải quan hiện có.”			
	4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra thì trưởng đoàn kiểm tra ký biên bản kiểm tra. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày ký biên bản, người khai hải quan hoàn thành việc giải trình (nếu có).	- Chuyển khoản này thành điểm a khoản 2 Điều 98 dự thảo Nghị định sửa đổi.	Để đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 80 Luật Hải quan và Điều 98 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP.	
	5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, người quyết định kiểm tra phải ký kết luận kiểm tra và gửi cho người khai hải quan.	+ Đưa thành điểm b Khoản 2 Điều 98 dự thảo mới.	Để đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 80 Luật Hải quan	
	6. Đối với trường hợp kết luận kiểm tra cần có ý kiến về chuyên môn của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan hải quan chưa đủ cơ sở kết luận thì thời hạn ký ban hành kết luận kiểm tra là 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản ý kiến của cơ quan có thẩm quyền. Cơ quan chuyên môn có thẩm quyền phải có ý kiến trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan hải quan. Trường hợp hết thời hạn 30 ngày cơ quan chuyên môn có thẩm quyền không có ý kiến bằng văn bản thì cơ quan hải quan ban hành kết luận kiểm tra trên cơ sở hồ sơ hiện có.	+ Đưa thành điểm c Khoản 2 Điều 98 dự thảo mới	Để đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 80 Luật Hải quan	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
75.	Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 99 như sau: “2. Quyết định kiểm tra sau thông quan được người ban hành Quyết định kiểm tra xem xét tạm dừng trong các trường hợp sau: a) <i>Tạm dừng khi cơ quan hải quan chưa thực hiện kiểm tra sau thông quan:</i> a.1) Người khai hải quan đang chịu sự kiểm tra, thanh tra, điều tra của các cơ quan hải quan, thuế, thanh tra, kiểm toán nhà nước, công an; a.2) Vì sự kiện bất khả kháng mà người khai hải quan không thể chấp hành được quyết định kiểm tra. b) <i>Tạm dừng khi cơ quan hải quan đang thực hiện kiểm tra sau thông quan:</i> b.1) <i>Trường hợp cơ quan hải quan tạm dừng để thực hiện xác minh, điều tra tại cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; tạm dừng do sự kiện bất khả kháng hoặc có yếu tố khách quan khác làm ảnh hưởng đến thời gian tiến hành kiểm tra, người ban hành Quyết định kiểm tra ban hành thông báo tạm dừng gửi cho người khai hải quan. Thông báo nêu lý do và thời gian tạm dừng;</i> b.2) <i>Trường hợp người khai hải quan đề nghị tạm dừng để có thời gian xử lý, khắc phục sự cố gây ra bởi sự kiện bất khả kháng hoặc có yếu tố khách quan khác làm ảnh hưởng đến thời gian tiến hành kiểm tra, người khai hải quan có văn bản đề nghị tạm dừng nêu lý do và thời gian tạm dừng gửi người ban hành Quyết định kiểm tra xem xét, quyết định và thông tin cho người khai hải quan. Trường hợp đề nghị tạm dừng được chấp thuận thì người ban hành Quyết định kiểm tra ban hành thông báo thời gian tạm dừng kiểm tra sau thông quan.</i> <i>Thời gian tạm dừng này không tính vào thời gian</i>	Điều 99 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP quy định về sửa đổi, bổ sung, tạm dừng, hủy quyết định kiểm tra sau thông quan 1. Quyết định kiểm tra sau thông quan được người ban hành Quyết định kiểm tra xem xét sửa đổi, bổ sung trong các trường hợp sau: a) Thay đổi thành viên đoàn kiểm tra, thay đổi về thời gian, thay đổi phạm vi, nội dung kiểm tra; b) Quyết định kiểm tra sau thông quan có sai sót về thể thức, nội dung, kỹ thuật trình bày văn bản. 2. Quyết định kiểm tra sau thông quan được người ban hành Quyết định kiểm tra xem xét tạm dừng trong các trường hợp sau: a) Người khai hải quan đang chịu sự kiểm tra, thanh tra, điều tra của các cơ quan thuế, thanh tra, kiểm toán nhà nước, công an; b) Vì sự kiện bất khả kháng mà người khai hải quan không thể chấp hành được quyết định kiểm tra. 3. Quyết định kiểm tra sau thông quan được người ban hành quyết định kiểm tra quyết định hủy trong trường hợp người khai hải quan đã bỏ trốn, giải thể, phá sản, mất tích, ngừng hoạt động và trường hợp khác dẫn đến cơ quan hải quan không thực hiện được quyết định kiểm tra. Quyết định hủy quyết định kiểm tra sau thông quan phải nêu rõ lý do hủy.	- Phù hợp với quy định hiện hành tại Điều 99 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP. - Làm rõ về trường hợp tạm dừng đã quy định tại Nghị định số 08/2015/NĐ-CP và phù hợp tình huống thực tế phát sinh. Lý do sửa đổi, bổ sung: làm rõ hơn các trường hợp tạm dừng và phương thức xử lý đối với trường hợp tạm dừng 1 thời gian khi đoàn kiểm tra đang thực hiện kiểm tra. Một số trường hợp thực tiễn như: DN đang được KTSTQ bị bão lũ bất ngờ nên cần thời gian 1-2 ngày chờ nước rút, sửa chữa dột, sảy khô tài liệu bị ướt, hoặc người đại diện cho DN đang tiếp đoàn kiểm tra bị đau ốm, tai nạn bất ngờ; có doanh nghiệp dữ liệu quá lớn nên cần thêm thời gian để chuẩn bị bảng biểu tổng hợp phục vụ công tác kiểm tra sau thông quan (như bảng tính LVC phục vụ kiểm tra xuất xứ đối với	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<i>kiểm tra của Quyết định kiểm tra sau thông quan.”</i>		từng mặt hàng,...). + Bổ sung để có cơ sở xử lý tình huống thực tiễn phát sinh + Bổ sung, làm rõ để tránh sự tùy tiện, tùy ý. Tất cả việc tạm dừng đều phải do người ban hành Quyết định kiểm tra xem xét quyết định.	
76.	“Điều 100. Tổ chức hoạt động kiểm tra sau thông quan 1. Kiểm tra sau thông quan thực hiện trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro về lựa chọn đối tượng, phạm vi, nội dung, phương pháp kiểm tra và trong quá trình kiểm tra. 2. 1. Thu thập thông tin phục vụ kiểm tra sau thông quan <i>Trong trường hợp cần thiết, cơ quan hải quan yêu cầu người khai hải quan, các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cung cấp thông tin, dữ liệu, tài liệu phục vụ hoạt động kiểm tra sau thông quan.</i> 3. 2. Trình tự thực hiện kiểm tra sau thông quan <i>a) Ban hành Quyết định kiểm tra sau thông quan</i> <i>Quyết định kiểm tra sau thông quan gửi cho người khai hải quan bằng một trong các hình thức: gửi trực tiếp, thư bảo đảm, fax, thư điện tử; thời hạn gửi trong 03 ngày làm việc kể từ ngày ký và chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày tiến hành kiểm tra, trừ trường hợp kiểm</i>	Luật Hải quan: - Điều 17. Quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan - Điều 77. Kiểm tra sau thông quan - Điều 78. Các trường hợp kiểm tra sau thông quan - Điều 79. Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan - Điều 80. Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan - Điều 81. Nhiệm vụ và quyền hạn của công chức hải quan trong kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan - Điều 82. Quyền và nghĩa vụ của người khai hải quan trong kiểm tra sau thông quan Quy định Luật xử phạt vi phạm hành chính; Luật tổ chức cơ quan Điều tra hình sự và Bộ Luật tố tụng hình sự. Thống nhất 04 khoản thành 01 khoản để tránh trùng lặp nội dung. + Bổ sung "Người có thẩm quyền quyết định	Đảm bảo phù hợp với quy định tại Luật Hải quan; Luật xử phạt vi phạm hành chính; Luật tổ chức cơ quan Điều tra hình sự và Bộ Luật tố tụng hình sự.	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<i>tra tại trụ sở người khai hải quan theo quy định tại khoản 1 Điều 78 Luật Hải quan;</i> <i>b) Thực hiện kiểm tra sau thông quan:</i> <i>b.1) Công bố quyết định kiểm tra sau thông quan đối với trường hợp kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan</i> <i>Cơ quan hải quan và người khai hải quan ký biên bản công bố ghi nhận nguyên tắc kiểm tra, phương pháp kiểm tra và xác định thời điểm bắt đầu tiến hành kiểm tra;</i> <i>b.2) Biên bản kiểm tra</i> <i>Cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra theo nội dung, phạm vi của quyết định kiểm tra trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro và ghi nhận các nội dung đã kiểm tra với người khai hải quan bằng các biên bản kiểm tra.</i> <i>Đối với trường hợp kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan: Các biên bản kiểm tra được lập, ký trong thời gian thực hiện quyết định kiểm tra. Sau khi kết thúc việc kiểm tra (xác định theo ngày ký biên bản kiểm tra cuối cùng tại trụ sở người khai hải quan và trong thời hạn kiểm tra của Quyết định kiểm tra phù hợp quy định pháp luật), trường hợp người khai hải quan bổ sung chứng từ, tài liệu, dữ liệu, giải trình bổ sung hoặc trường hợp phức tạp cần làm rõ về nội dung đã kiểm tra: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, Đoàn kiểm tra lập, ký biên bản kiểm tra ghi nhận nội dung giải trình, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 80 Luật Hải quan;</i> <i>b.3) Biên bản làm việc</i> <i>Cơ quan hải quan ghi nhận nội dung làm việc với người khai hải quan, cá nhân, đơn vị, tổ chức liên quan</i>	kiểm tra...tổ chức thực hiện hoặc phân công tổ chức thực hiện..." để tránh trường hợp vướng mắc khi người có thẩm quyền quyết định kiểm tra nhưng không trực tiếp thực hiện các nội dung xử lý KQKTSTQ. + Bổ mục nội dung “ban hành quyết định ấn định thuế” vì nội dung này đã được bao hàm trong nội dung “ban hành các quyết định hành chính về thuế và hải quan theo quy định” + Bổ sung thêm nội dung về "ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, khởi tố..." tại điểm d đảm bảo đầy đủ các nội dung xử lý vi phạm theo quy định tại Luật XLVP hành chính (Khoản 4) + Nội dung Khoản 5 về xử lý vi phạm theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự số 101/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015, bổ sung “khởi tố ... thuộc thẩm quyền... kiến nghị ... chuyển tin”; Điều 33 Luật tổ chức cơ quan Điều tra hình sự. + Bổ nội dung "theo dõi, nhập số liệu vào chương trình kế toán" thay bằng "cập nhật thông tin vào hệ thống cơ sở dữ liệu của cơ quan hải quan theo quy định" (khoản 6).		

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<i>(nếu có) bằng Biên bản làm việc;</i> <i>b.4) Biên bản giao nhận</i> <i>Cơ quan hải quan ghi nhận việc giao nhận hồ sơ, tài liệu, dữ liệu với người khai hải quan, cá nhân, đơn vị, tổ chức liên quan (nếu có) bằng Biên bản giao nhận;</i> <i>c) Xử lý kết quả kiểm tra sau thông quan:</i> <i>c.1) Trường hợp người khai hải quan cung cấp các thông tin, hồ sơ, chứng từ, tài liệu, dữ liệu và giải trình chứng minh nội dung khai hải quan là đúng thì cơ quan hải quan chấp nhận nội dung khai báo;</i> <i>c.2) Trường hợp người khai hải quan không cung cấp các thông tin, hồ sơ, chứng từ, tài liệu, dữ liệu, không giải trình chứng minh được nội dung khai hải quan là đúng thì cơ quan hải quan không chấp nhận nội dung khai báo và xử lý kết quả kiểm tra sau thông quan theo quy định tại khoản 3 Điều này.</i> <i>Cơ quan hải quan ban hành Thông báo kết quả kiểm tra và Kết luận kiểm tra theo quy định tại khoản 2 Điều 97 và khoản 2 Điều 98 Nghị định này.</i> 4. 3- Tổ chức thực hiện xử lý kết quả kiểm tra sau thông quan <i>Người có thẩm quyền quyết định kiểm tra sau thông quan tổ chức thực hiện hoặc phân công cho người có thẩm quyền cấp dưới theo quy định của pháp luật tổ chức thực hiện:</i> <i>a) Ban hành các quyết định hành chính về quản lý thuế và hải quan theo quy định (nếu có);</i> <i>b) Xử lý theo quy định của pháp luật về hình sự và pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính (nếu có);</i> <i>c) Đôn đốc người khai hải quan nộp thuế, tiền chậm nộp thuế, tiền xử phạt theo các quyết định (nếu có) theo</i>			

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	quy định của pháp luật; d) Ban hành quyết định, tổ chức thực hiện cưỡng chế theo quy định của pháp luật (nếu có); đ) e) Cập nhật thông tin trên hệ thống cơ sở dữ liệu của cơ quan hải quan theo quy định (nếu có); e) g) Kiến nghị những bất cập của chính sách, pháp luật, biện pháp quản lý (nếu có)."			
77.	Điều 101. Các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan 1. Các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan gồm: a) Vận động quần chúng tham gia phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; b) Tuần tra hải quan; c) Thu thập, nghiên cứu thông tin về địa bàn, tuyến vận chuyển hàng hóa, vụ việc, hiện tượng, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh và người có liên quan; d) Thu thập, nghiên cứu thông tin về cá nhân có dấu hiệu hoạt động liên quan đến buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; đ) Thu thập, xử lý thông tin trong nước và ngoài nước liên quan đến hoạt động hải quan. Cử cán bộ, công chức hải quan ra nước ngoài để xác minh, thu thập thông tin, tài liệu theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước Quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; e) Tuyển chọn, xây dựng, sử dụng những người không thuộc biên chế của cơ quan hải quan để thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; g) Bố trí công chức hải quan kiểm tra, giám sát, theo	- Khoản 2 chỉ là một biện pháp nghiệp vụ, do vậy chuyển lên khoản 1 để đảm bảo thống nhất. - Khoản 3 sửa mục thành khoản 2: nội dung giữ nguyên quy định tại khoản 51 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP	Đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 51 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	đổi diễn biến hoạt động của đối tượng buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; h) Sử dụng các phương tiện, kỹ thuật nghiệp vụ chuyên dụng theo quy định của pháp luật để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, theo dõi diễn biến, hoạt động của đối tượng buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới. i) Cơ quan hải quan sử dụng kết hợp các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan, phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật trong hoạt động phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới. 2. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan và quy định chế độ đảm bảo thực hiện các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan quy định tại Điều này.			
78.	Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 103 như sau: Điều 103. Tạm hoãn việc khởi hành và dừng phương tiện vận tải “2. Thẩm quyền tạm hoãn việc khởi hành và dừng phương tiện vận tải a) Chi cục trưởng Chi cục Hải quan, Đội trưởng Đội kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu, Đội trưởng đội Điều tra hình sự thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu Đội trưởng Hải quan cửa khẩu, Đội trưởng Hải quan ngoài cửa khẩu, Đội trưởng Đội kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu hoặc cấp phó khi được giao quyền được dừng, tạm hoãn việc khởi hành phương tiện vận tải trong phạm vi địa bàn hoạt động hải quan.	- Điều 90 Luật Hải quan <i>1. Xử lý vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.</i> <i>Trường hợp có căn cứ cho rằng có hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát thuộc Cục Hải quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát chống buôn lậu và Hải đội trưởng Hải đội Kiểm soát trên biển thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu có thẩm quyền dừng phương tiện vận tải, tạm giữ người, áp giải người vi phạm. Trình tự, thủ tục tạm giữ người, áp giải người vi phạm theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính.</i> - Khoản 15 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Xử	Phù hợp với quy định tại Điều 90 Luật Hải quan; Điều 42 Luật xử lý vi phạm hành chính (đã được sửa đổi bổ sung tại khoản 15 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020)	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	Trong trường hợp có căn cứ cho rằng nếu không dừng ngay phương tiện vận tải thì tang vật, tài liệu, phương tiện vận tải có thể bị tẩu tán, tiêu hủy, công chức hải quan đang thi hành nhiệm vụ được dừng phương tiện vận tải để khám xét và báo cáo ngay với người có thẩm quyền nêu tại khoản này; b) Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển, Đội trưởng Đội Điều tra hình sự thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu, Đội trưởng Đội kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố Đội trưởng Đội kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu số 1, số 2, số 3 thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu hoặc cấp phó khi được giao quyền được dừng, tạm hoãn việc khởi hành phương tiện tại vùng nội thủy, lãnh hải phù hợp với quy định của Luật Biển Việt Nam. 3. Việc giao quyền phải thể hiện bằng văn bản, trong đó xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn giao quyền. Khi dừng phương tiện vận tải, công chức hải quan được sử dụng đèn hiệu, cờ hiệu, pháo hiệu, loa, còi để yêu cầu phương tiện vận tải dừng lại. Việc dừng, tạm hoãn khởi hành phương tiện vận tải phải bằng quyết định của người có thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp tạm hoãn khởi hành đối với phương tiện vận tải đường thủy nội địa và đường biển, cơ quan hải quan phải thông báo cho cảng vụ hàng hải.”	lý vi phạm hành chính năm 2020): ...3. <i>Chi cục trưởng Chi cục Hải quan; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Đội trưởng Đội Điều tra hình sự, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu, Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển và Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu hàng giả và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan thuộc Cục Kiểm tra sau thông quan có quyền:</i> a) <i>Phạt cảnh cáo;</i> b) <i>Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;</i> c) <i>Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;</i> d) <i>Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm d, đ, g, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật này;</i> - Nghị định số 08/2015/NĐ-CP chưa có quy định thẩm quyền của Đội trưởng Đội Điều tra hình sự cũng như thẩm quyền của cấp phó khi được giao quyền đối với việc hoãn việc khởi hành và dừng phương tiện vận tải và truy đuổi phương tiện vận tải, hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới. - Nghị định số 08/2015/NĐ-CP chưa quy định cụ thể việc dừng phương tiện vận tải dưới hình thức gì, trình tự thực hiện cụ thể như thế nào? - Căn cứ Quyết định số 1399/QĐ-BTC ngày		

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		20/06/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Điều tra chống buôn lậu trực thuộc Tổng cục Hải quan thì Đội Điều tra hình sự là một trong những đơn vị thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu thực hiện các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan, các hoạt động kiểm tra, xác minh và áp dụng các biện pháp do pháp luật quy định để phát hiện, xác định tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội hình sự trong lĩnh vực kiểm soát hải quan ... - Hiện nay chưa có quy định về trình tự, thủ tục dừng phương tiện vận tải. Do đó, cần quy định tại Nghị định này vì Luật Ban hành VBQPPL quy định các trình tự thủ tục hành chính được quy định từ Nghị định trở lên. Tuy nhiên, đây là thủ tục hành chính phát sinh cho cơ quan hải quan, không phát sinh chi phí cá nhân, tổ chức phải bỏ ra khi thực hiện thủ tục hành chính này nên không phải thực hiện đánh giá tác động (khoản 1 Điều 3 Thông tư số 07/2014/TT-BTP ngày 24/2/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính và rà soát, đánh giá thủ tục hành chính (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 01/2018/TT-BTP ngày 02/02/2018 của Bộ Tư pháp). Do vậy, Nghị định sửa đổi bổ sung thẩm quyền của Đội trưởng Đội Điều tra hình sự và cấp phó khi được giao quyền; quy định cụ thể hình thức, trình tự thủ tục việc dừng phương tiện vận tải tại khoản 2 khoản 3 Điều 103 Nghị định.		
79.	Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 4 Điều 104 như sau: Điều 104. Truy đuổi phương tiện vận tải, hàng hóa	- Điều 90 Luật Hải quan <i>1. Xử lý vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp</i>	Phù hợp với quy định tại Điều 90 Luật Hải quan;	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới “2. Chi cục trưởng Chi cục Hải quan, Đội trưởng Đội kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu, Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển, Đội trưởng đội Điều tra hình sự thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu Đội trưởng Hải quan cửa khẩu, Đội trưởng Hải quan ngoài cửa khẩu, Đội trưởng Đội kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu hoặc cấp phó khi được giao quyền được quyết định việc truy đuổi. Trong trường hợp có căn cứ cho rằng nếu không thực hiện ngay việc truy đuổi thì phương tiện vận tải, hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới có thể bị tẩu tán, tiêu hủy, công chức hải quan đang thi hành nhiệm vụ được thực hiện việc truy đuổi và báo cáo ngay với người có thẩm quyền nêu tại khoản này. 4. Việc truy đuổi và dừng phương tiện vận tải, hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới phải được thông báo cho cơ quan công an, bộ đội biên phòng, cảnh sát biển, quản lý thị trường trên địa bàn để phối hợp, đồng thời áp dụng các biện pháp ngăn chặn, xử lý theo quy định của pháp luật. <i>Cơ quan nhận được thông báo có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ cơ quan hải quan truy đuổi, dừng phương tiện vận tải theo quy định của pháp luật.</i>”	<i>ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.</i> <i>Trường hợp có căn cứ cho rằng có hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát thuộc Cục Hải quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát chống buôn lậu và Hải đội trưởng Hải đội Kiểm soát trên biển thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu có thẩm quyền dừng phương tiện vận tải, tạm giữ người, áp giải người vi phạm. Trình tự, thủ tục tạm giữ người, áp giải người vi phạm theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính.</i> - Khoản 15 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020): <i>...3. Chi cục trưởng Chi cục Hải quan; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Đội trưởng Đội Điều tra hình sự, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu, Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển và Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu hàng giả và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan thuộc Cục Kiểm tra sau thông quan có quyền:</i> <i>a) Phạt cảnh cáo;</i> <i>b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;</i> <i>c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;</i>	Điều 42 Luật xử lý vi phạm hành chính (đã được sửa đổi bổ sung tại khoản 15 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020)	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		<i>d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm d, đ, g, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật này;</i> - Nghị định số 08/2015/NĐ-CP chưa có quy định thẩm quyền của Đội trưởng Đội Điều tra hình sự cũng như thẩm quyền của cấp phó khi được giao quyền đối với việc hoãn việc khởi hành và dừng phương tiện vận tải và truy đuổi phương tiện vận tải, hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới. - Căn cứ Quyết định số 1399/QĐ-BTC ngày 20/06/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Điều tra chống buôn lậu trực thuộc Tổng cục Hải quan thì Đội Điều tra hình sự là một trong những đơn vị thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu thực hiện các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan, các hoạt động kiểm tra, xác minh và áp dụng các biện pháp do pháp luật quy định để phát hiện, xác định tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội hình sự trong lĩnh vực kiểm soát hải quan ... Do vậy, Nghị định sửa đổi bổ sung thẩm quyền của Đội trưởng Đội Điều tra hình sự và cấp phó khi được giao quyền và bổ sung xác định trách nhiệm của các cơ quan chức năng khi nhận được đề nghị phối hợp của cơ quan hải quan.		
80.	Điều 104a. Trang bị phương tiện phục vụ phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới 1. Để thực hiện nhiệm vụ phòng chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới trên các tuyến	Kế thừa quy định tại khoản 52 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP	Đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 52 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	đường bộ, đường biển, đường thủy nội địa, cơ quan hải quan được trang bị xe ô tô, xe mô tô, tàu cao tốc, xuồng máy, canô và các phương tiện chuyên dùng khác có lắp đặt đèn hiệu, cờ hiệu hải quan, biểu tượng hải quan, pháo hiệu, loa, còi. 2. Các phương tiện của cơ quan hải quan làm nhiệm vụ trên tuyến đường bộ được quyền ưu tiên khi thực hiện truy đuổi, bắt giữ, khám xét phương tiện vận tải, hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới, dẫn giải đối tượng buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới và các nhiệm vụ khẩn cấp khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp phép, quản lý, sử dụng các thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên của cơ quan hải quan đi làm nhiệm vụ trên tuyến đường bộ thực hiện theo quy định của pháp luật về tín hiệu của xe được quyền ưu tiên.”			
81.	Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và điểm e khoản 2 Điều 106 như sau: Điều 106. Trách nhiệm thu thập, cung cấp thông tin của cơ quan hải quan 1. Cơ quan hải quan có trách nhiệm tổ chức thu thập thông tin hải quan, bao gồm: a) Tiếp nhận, xử lý thông tin hải quan thông qua hoạt động cung cấp, trao đổi, kết nối, chia sẻ thông tin với các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân liên quan đến lĩnh vực hải quan; b) Cử công chức hải quan ra nước ngoài để thực hiện nghiệp vụ thu thập thông tin phục vụ quản lý nhà nước về hải quan theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 và Điều 96	- Điểm b khoản 1 Điều 6 Luật Hải quan quy định: <i>b) Tổ chức khai thác, trao đổi thông tin và hợp tác nghiệp vụ với Hải quan các nước, các tổ chức quốc tế có liên quan;</i> - Khoản 1: Kế thừa quy định tại khoản 53 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP - Khoản 2: Để đảm bảo căn cứ cung cấp thông tin cho cơ quan hải quan nước ngoài, tổ chức quốc tế và việc cung cấp thông tin phải phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế.	- Phù hợp với quy định tại Điều 6 Luật Hải quan. - Đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 53 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP	

Stt	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	Luật hải quan. <i>Bộ trưởng</i> Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể việc thu thập thông tin nghiệp vụ hải quan quy định tại điểm này. c) Tiến hành các biện pháp nghiệp vụ cần thiết khác để thu thập thông tin liên quan về hàng hóa, phương tiện vận tải, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh. 2. Cơ quan hải quan có trách nhiệm cung cấp thông tin hải quan, bao gồm: a) Cung cấp thông tin về chế độ, chính sách, hướng dẫn về hải quan cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến sản xuất và hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; b) Cung cấp cho người khai hải quan các thông tin liên quan đến quyền và nghĩa vụ của người khai hải quan; c) Cung cấp thông tin hải quan cho các cơ quan tư pháp, cơ quan quản lý nhà nước khác; d) Cung cấp thông tin thống kê hải quan theo quy định của pháp luật về thống kê; đ) Trường hợp bất khả kháng do yêu cầu phải khôi phục về dữ liệu hồ sơ hải quan của người khai hải quan, cơ quan hải quan cung cấp cho người khai hải quan các thông tin về hồ sơ hải quan. <i>e) Cung cấp thông tin hải quan cho cơ quan hải quan nước ngoài, tổ chức quốc tế phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc thỏa thuận quốc tế đã ký kết.</i>			

3. Điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách/ dự thảo

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Khoản 8, 9 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 20 (Nguyên tắc, phương pháp xác định trị giá hải quan), Điều 21 (Kiểm tra, xác định trị giá hải quan) Nghị định số 08/2015/NĐ-CP.	- Hiệp định trị giá WTO	Phù hợp, tương thích	
Khoản 23 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 43 (Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa quá cảnh) Nghị định số 08/2015/NĐ-CP.	- Hiệp định khung ASEAN về tạo thuận lợi cho hàng hóa quá cảnh ký ngày 16 tháng 12 năm 1998;	Phù hợp, tương thích	
Từ khoản 38 đến khoản 48 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung từ Điều 70 đến Điều 81 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP.	- Hiệp định khung ASEAN về tạo điều kiện thuận lợi cho vận tải liên quốc gia ký ngày 10/12/2009; - Hiệp định khung ASEAN về tạo thuận lợi vận tải hành khách qua biên giới bằng phương tiện giao thông đường bộ ký ngày 13/10/2017; - Để thực hiện Hiệp định về tạo thuận lợi cho vận chuyển hàng hóa và người qua lại biên giới các nước Tiểu vùng Mê Công mở rộng ký ngày 26/11/1999, được sửa đổi ngày 30/4/2004 và các Phụ lục, Nghị định thư thực hiện Hiệp định; - Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ký ngày 22/11/1994 và Nghị định thư sửa đổi, Nghị định thư thực hiện Hiệp định; - Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào ký ngày 23/4/2009 và Nghị định thư thực hiện Hiệp định;	Phù hợp, tương thích	

	- Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia ký ngày 01/6/1999 và Nghị định thư sửa đổi, Nghị định thư thực hiện Hiệp định; - Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ ký ngày 17/01/2013; - Hiệp định vận tải thủy Việt Nam – Campuchia giữa Vương quốc Campuchia và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký ngày 17/12/2009 và các Nghị định thư hướng dẫn.		
Từ khoản 1 đến khoản 19, khoản 25, khoản 26, khoản 59 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung từ Điều 4 đến Điều 35, Điều 47, Điều 48, Điều 106 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP.	- Công ước quốc tế về đơn giản hóa và hài hòa hóa thủ tục hải quan (Công ước Kyoto);	Phù hợp, tương thích	
Từ khoản 1 đến khoản 26, từ khoản 29 đến khoản 54, khoản 59 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung từ Điều 4 đến Điều 48, từ Điều 59 đến Điều 100, Điều 106 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP.	- Hiệp định Tạo Thuận lợi thương mại WTO (Hiệp định TF);	Phù hợp, tương thích	